VĂN HỌC

tạp chí sáng tác
nhận định văn nghệ

SỐ 43 — THÁNG 8 NĂM 1989

Tạ Chí Đại Trường

HỆ THỐNG HÙNG VƯƠNG

1. SỰ BẤT TOÀN CỦA TẬP HỢP THẦN LINH NHÀ NƯỚC LÍ TRẦN TRƯỚC SỰ ĐỊNH HÌNH QUỐC GIA DÂN TỘC TĂNG DẦN CƯỜNG ĐỘ

Như đã thấy, dù là đất nước Đại Việt sau ngày thoát ách Bắc thuộc còn mang nặng tính chất bản xứ mà dấu vết thấy rõ ở cả tầng lớp trên, nhưng tổ chức vương quyền Lí, Trần vẫn phải hướng theo khuôn mẫu Trung quốc trong đó nho học là căn bản vì đó là một quan niệm tổ chức xã hội có hiệu quả mà tầng lớp trí thức của các hệ thống tư tưởng khác cũng là vay mượn, không có. Nho sĩ đi tu để có chức phận theo trào lưu đương thời theo đó sẽ nắm được quyền lợi ruộng đất, nhưng tăng sĩ, đạo sĩ bàn chuyện đất nước thì quên cả ông Phật, ông Lão Tử, với các lập luận, triết lí của họ. Tăng phó Nguyễn Thường can vua (1202) như một hậu thân của Khổng Tử: "Ta nghe bài tựa Kinh Thi nói rằng âm thanh của nước loạn ai oán và bực tức. Nay dân loạn nước nguy, chúa thượng chơi bời không điều độ, chính sự của triều đình rối loạn, lòng dân trái lìa, đó là triệu bại vong".

Tổ chức cai trị đất nước phức tạp khiến cho đám nội thần cung đình tuy vẫn còn mạnh vì tính chất tông tộc trị nước của Lí, Trần phải cần đến họ, nhưng cũng phải thấy tính chất gia thuộc của

mình đã không đủ để đảm đương trọng trách. Và nho sĩ lên chân. Hàn lâm Đinh Củng Viên (1294) ranh ma bêu xấu cái dốt của hoạn quan Lê Tông Giáo thuộc ty Hành Khiển (1288) khiến cho Trần Nhân Tông phải bảo ông Lưu thủ đất Thiên Trường (quê vua) này đem của hối lộ cho ông nho thần kia. Rồi không chỉ lấn hoạn quan thất học, càng về cuối đời nho thần nắm cả chức Hành khiển đã trao cho hoàng tộc có học. Không phải chỉ những phát triển nông, thương đã tách một số người ngoài tầm tay của quí tộc Trần, mà các kì thi mở ra vạch đường tiến thân cho một lớp người, đưa họ vào chính quyền, vào ràng buộc mà cũng đồng thời củng cố vị trí xã hội của họ từ triều đình ra đến ngoài dân chúng. Chênh lệch địa vị còn lớn, nhưng tình thế đó đã dọn sẵn cho Trần Nguyên Đán vào cuối thế kỉ XIV nhận hai thầy đồ Nguyễn Hán Anh, Nguyễn Phi Khanh vào làm rể nhà mình.

Nhưng sự thu nhận một quan niệm tổ chức cai trị theo mẫu hình phương Bắc không làm mất tính cách độc lập của Đại Việt bởi vì cùng tiến triển với nó có những biến chuyển đưa ra sự đối kháng Đại Việt - Trung quốc. Chính quyền Lí, Trần chống Trung quốc tiên vàn là để bảo vệ ngay chính bản thân tông tộc họ. Lí tuyên bố: "Nam quốc sơn hà Nam đế cư", còn Trần thì khăng khăng không chịu vào "chầu" Nguyên. Lời hịch tướng sĩ của Trần Quốc Tuấn không phải kêu gọi dân chúng hi sinh vì đất nước mà là để mắng mỏ tướng sĩ, gia thần quên nhục của chủ, quên các ơn "không có áo thì (được) cho mặc, không có cơm thì (được) cho ăn". Chỉ có tương quan chủ tớ nên ngay trong lời hịch có cả chứng dẫn về gương trung thành ở ngay trong hàng ngũ kẻ địch – quân Nguyên. Tuy nhiên, sự tập trung quyền lực ở kinh thành Thăng long cũng tạo nên một mối liên kết xuyên suốt các giai tầng xã hội, các tập đoàn dân tộc lớn nhỏ trên một lãnh địa đã trở thành riêng biệt từ thế kỉ X trở đi.

Sự tập trung quyền lực thế tục đã dẫn tới việc lần lượt tập trung các thần trong nước về kinh đô như ta đã thấy ở triều Lí và hệ thống đó lớn dần nhất là với các nhân thần của triều đại. Tuy nhiên, quan niệm về siêu nhiên biện minh cho ý nghĩa hành động đó chưa cho thấy sự vững vàng như kinh sách đòi hỏi. Các ông vua qua kiến thức nho học tự mình thu nhận hay do các nho sĩ mớm cho cũng biết đến một quan niệm về ông Thiên là Cha mình, nhưng ông Thiên ấy còn lẫn lộn với ông Trời – hay một ông thần quyền lực hơn hết nào đó mà họ đã biết đến trong đời sống với chung quanh.

Ông Trời mang danh hiệu trí thức hóa là ông Thiên vẫn còn là ông Trời thường nhật trong tâm trí các vua, các triều thần.

Ta hãy nhìn lại sự thờ cúng vị thần bảo trợ tối cao của Lí, Trần. Tô Lịch không được chọn dù Lí đã phong là Quốc đô Thành hoàng đại vương vì quá khứ nhân thần rõ rệt. Các ông thần khác của Thăng long và chung quanh cũng không được chọn hoặc là vì gốc nhân thần – nghĩa là không mang tính cách siêu linh tự thân – hoặc tuy cũng là gốc nhiên thần nhưng đã bị truyền thuyết hạ xuống địa vị thần tử, nhân hóa. Cả đến thần Tản Viên sừng sững phía Bắc kinh thành cũng bị loại vì với ghi chép của Tăng Cổn (thế kỉ IX), ông thần này đã thành rể một vị vua trần tục. Người ta chỉ dành địa vị bảo trợ vương quyền cho một ông thần của phương Nam. Có phần chắc rằng thần Đồng Cổ là thần bảo trợ của kinh đô Hoa lư được rước về đô mới để làm người chủ trì chứng giám lời thề của mọi người trong nước, sau khi làm người chứng giám thề bồi của các tập hợp người trên vùng kinh đô của Đinh, Lê: Danh hiệu "Thiên hạ minh chủ thần" có trước tước Đại vương của Lí Thái Tông phong thêm chứng tỏ nhiệm vụ, vai trò của thần ở địa phương.

Ta thấy *Toàn Thư* ghi lại hai lần về lễ thờ: lần đầu, sau loạn Tam vương (1028) với lời thề "làm con bất hiếu, làm tôi bất trung, xin thần minh giết chết", lần 2 (1227), lúc Trần củng cố quyền lực họ chỉ thấy có lời thề của các quan "làm tôi hết lòng trung, làm quan trong sạch..." – và sử thêm chi tiết "Ngày hôm ấy con trai con gái bốn phương đứng ở cạnh đường để xem chật ních, cho là ngày hội lớn". Lời ghi của Lê Tắc thuộc về kí ức trước năm 1285 – lúc ông hàng Nguyên có chi tiết về thành phần tham dự: "Mồng 4 tháng 4, người trong dòng họ, quan cận thần hội tại miếu Sơn thần thề trung thành với vua..."

Gốc tích của thần, thể thức (uống máu) ăn thề chứng tỏ đây là một hội thề bộ lạc, làng xóm được nâng lên cấp bậc trung ương. Thế mà tuy ngày hôm ấy... hội lớn, hội vẫn không đạt được nội dung cao cấp của một vương quyền nho giáo đòi hỏi vì sự mâu thuẫn trong quan niệm về quyền lực thiêng liêng bảo vệ vương quyền: thần do vua phong lại bảo vệ chính nhà vua và dòng họ. Hội lễ tiếp tục vì một thói quen sinh hoạt (Trần như một tiếp nối của Lí ở một số điểm thật khó tách biệt) trong chiều diễn biến tư tưởng làm bật lên sự xung khắc, tranh chấp từ đầu thế kỉ XIV, trong lúc bản thân

thần cũng sa sút đi vào ngõ cụt. Tuy Lê Tắc đã viết về thần sau nhiều năm ở Trung quốc chắc cũng làm phai lạt sự tôn kính có lúc ở quê nhà, nhưng lời ghi nhạt nhẽo ("miếu Thần núi") đã biểu lộ được khía cạnh sa sút uy thế của thần mà ta có thể thấy được khi xét các yếu tố khác.

Thần Đồng Cổ ở phương nam được sùng kính cũng là theo khuynh hướng bẩm sinh của con người đối với núi non nhưng chính căn bản của sự ngưỡng vọng đó đã khiến cho thần thất thế ở Thăng long. Thần "di cư", về nơi ở mới, dù là được rước mời, có đền miếu làm trụ sở, nhưng dù có cảnh rộn ràng mang tính nghiêm túc của lễ hội, tất cả cũng không đủ bù đắp lại trong lòng người sự sùng bái khích động từ quang cảnh hùng vĩ, ghê rợn, âm u của ngày xưa, ở nơi cũ. Thần đến giữa một tập đoàn người vốn đã có khá nhiều thần riêng của họ, có những mối bận tâm thế tục của một kinh đô đầy rẫy biến cố thu hút mọi người theo những sự kiện mới. Nội dung thần làm chủ vua, chủ nước (của vua) mất dần để thay thế vào đó là một vị thần đặc biệt của vua sai phái, xem xét hành vi của các bầy tôi phục vụ vua ở trần thế. Cho nên thần đã được phong đồng loạt, không có dấu hiệu quan tâm gì đặc biệt so với các thần khác trong các năm 1285, 1288, 1313. Ít ra thì trên mặt nguyên tắc của nho giáo, Trần đã tiến thêm một bước so với Lí vì phần lớn các thần được thờ cúng dưới đời Lí không thấy mang một tôn hiệu nào hết.

Những năm được ghi này còn mang ý nghĩa quan trọng khác vì các năm 1285, 1288, 1313 là những năm họ Trần đứng trước sự thách thức an nguy đến tột đỉnh mà sau đó họ đã thoát ra được để có lần phong 1313 như một xác nhận đề phòng kiêu hãnh. Sự khu biệt chính trị dẫn đến sự khu biệt văn hóa trong chừng mực địa phương hóa những tiếp nhận cũ, ngăn trở một phần những tiếp nhận mới và khai thác những yếu tố tưởng đã mất đi từ lâu dần dà nổi lên lại với những dạng hình rõ rệt hơn. Tất cả những yếu tố ý thức hiện diện tranh chấp, hòa hoãn tạo nên một sắc thái sinh hoạt tinh thần riêng biệt mà nổi bật là tính tự tôn dân tộc sẽ lên đến đỉnh cao ở thế kỉ XV với những biện minh lí thuyết và thành tựu thực tế từ trung ương đến địa phương.

2. SỰ PHỒN TẠP CỦA CÁC DÂM TỪ CHỊU ẨN NHẪN

Các triều đại độc lập trong khi chấp nhận một ý thức hệ chính thống làm nền tảng xây dựng cơ nghiệp và tìm cách hệ thống hóa

thần linh theo mẫu hình gợi nên từ cơ cấu thế tục thống nhất thì họ gặp ngay những vướng víu từ chính những hình thức tín ngưỡng mà họ từng chia xẻ từ lúc chưa lên ngôi cửu ngũ, và ngay lúc ngồi trên ngai họ cũng chưa dứt bỏ được.

Các thần linh nằm ở những cơ sở tụ tập dân cư, có từ căn bản những yếu tố làm giới hạn ảnh hưởng, quyền uy đối với đám dân chúng thờ cúng, tin tưởng nơi họ. Dù đối với dân chúng, quyền phép của thần thật to lớn, đáng sợ, nhưng thần cây, đá vẫn bị giới hạn của xác thân thế tục ghìm giữ trong một vị trí cố định. Các nhân thần cũng vậy: họ hiển linh nơi họ thoát xác (chết chôn bình thường, chết vì tai nạn, tử trận...) với một đền thờ lập nên làm chứng tích của sự sùng kính nhưng cũng là vật trói buộc chân thần. Do đấy mà thần trở thành một thế lực địa phương tiềm tàng với đám dân chúng sùng kính chung quanh.

Cũng do đấy, khi tập đoàn người chuyển dịch mở rộng thì thường có những thần mới xuất hiện thêm – ở địa phương. Khi chính quyền trung ương mở rộng quyền uy thì các thần địa phương lũ lượt đi vào trong tầm mắt của họ. Sự phồn tạp ấy sẽ gây nên mối lo ngại cho người cầm quyền cả về phương diện lí tưởng lẫn khía cạnh an ninh. Những thế kỉ độc lập của Lí, Trần đã gây ra cơ hội tạo nên các vấn đề ấy. Năm 1192 một người lính ở địa phương Thanh hóa nhân giải thích điềm lạ hiện ra ở giáp mình đã gây ra một cuộc quấy đảo phải có quân lính trung ương đàn áp mới xong. Nhà Trần mở rộng cả một hệ thống đê điều khiến cho dòng họ có các trang viện với nô tì đông đúc gây biến loạn vào cuối đời không những vì những người này bị áp bức mà cả vì thân phận nô dễ bị lôi cuốn vì những mối tin tưởng khác với tầng lớp chủ của họ. Không có bằng chứng rõ rệt về mối liên hệ "đạo - đời" lúc bấy giờ, nhưng quả đã có hiện tượng song song của việc chính quyền đàn áp tầng lớp nô và việc đàn áp tín ngưỡng của dân chúng – việc trước theo với đà đi xuống của chính quyền và việc sau theo với đà đi lên của họ.

Ta đã thấy các vua Lí, Trần tôn sùng đạo Phật và tuy tôn giáo này theo thâm nhập thực tế đã có những biến dạng mở đường chấp nhận các thần linh của dân chúng, nhưng mức độ triết lí tôn giáo của nó vẫn còn đủ sức uyên áo để những tín đồ cấp cao của nó hãnh diện, chưa kể sự kiêu kì vì thứ bực xã hội của các tín đồ đó khiến cho họ nhìn những xuất hiện tín ngưỡng của đám dân chúng họ cai trị như là những biểu lộ thấp kém, không những không đáng quan

tâm mà còn phải xóa bỏ nữa.

Các vị sư chùa Kiến Sơ của thế kỉ X trở về trước muốn dẹp bỏ thần Phù Đổng nhưng không được có lẽ vì không đủ khả năng. Nhưng tầng lớp Lí, Trần thì lại khác.

Danh tướng Lí Thường Kiệt (1020-1105) khi lập chùa Phật ở Thanh hóa ra tay cải biến "dâm từ", "trừng phạt sa thải những người ham chuộng ma quỉ, các đồng bóng huyễn hoặc dân chúng, để trừ khử những phong tục xấu xa" (1). Hai thế kỉ sau, lại một bằng cớ khác, một vị quốc sư của Trần Anh Tông (1293-1314), ở Thanh hóa, "đi vân du khắp nơi sơn xuyên châu huyện làng mạc, hễ nơi nào có dâm từ, tà thần làm hại dân đều bị sư quở trách đuổi đi hết, chặt phá cả miếu đền". Rõ ràng đây là hành động "cải tạo" triệt để. Nhưng tất nhiên cũng có sẵn đường lối dung hòa khi gặp khó khăn, có kháng cự: "Đối với những vị thần linh thiêng và dữ, phần nhiều hiển hiện hay báo mộng ra đón từ ngoài để cầu xin thì sư thụ giới cho, giảm bớt cúng tế và bắt phải bảo vệ dân, không ai dám xúc phạm" (2). Và có thể là trong cuộc đời hành đạo, Trần Nhân Tông (1279-1293) cũng từng chuyển hóa cách thờ phụng ở nhiều dâm từ, nên nhiều thế kỉ về sau, người ta kể ông đã thay đổi ở đền Đoàn Thượng (3), nhân vật bại trận trong cuộc tranh chấp giành quyền hồi đầu thế kỉ. Lại cũng ngờ rằng việc Trần Thừa bắt các đình trạm thờ Phật (1231) là để thay thế các ông thần "ngoại đạo" nhảy vào khiến đình trạm có khuynh hướng biến thành những dâm từ mới.

Những hành động đàn áp và cải tạo dâm từ như thế còn có mục đích thực tế hơn, là đem lại an ninh cho chính quyền, trong xã hội. Qua những ý nghĩa ẩn giấu bên trong các lời lẽ về sau, ta thấy các thần ở dâm từ đều lấy quyền uy ở sự đe dọa dân chúng, không chừng còn đòi hỏi hiến sinh người như ở truyện Mộc tinh cho thấy dư âm. Trần Nhân Tông đã đem thần Đoàn Thượng vào khuôn khổ đường lối của mình khi thuyết pháp cho thần nghe về thuyết nhân quả và đức hiếu sinh. Và tiếp theo đó hẳn là cơ sở vật chất thờ cúng (tài sản, ruộng đất, nô tì) cũng theo những qui củ mới mà chịu sự câu thúc của pháp luật đương thời.

Sự chuyển hóa dâm từ là do ý định của Phật tử cầm quyền, nhưng hướng thay đổi là của quan niệm nho giáo về phúc thần: thần ngự trị ở cõi linh thiêng không phải để đe dọa dân chúng mà để bảo vệ dân chúng. Đây không phải là một ý niệm mới, nó đã có sẵn trong các nghi lễ cầu an, cầu mưa, nhưng ở đây tính hòa nhịp với

ước vọng của dân chúng đã lấn át tính bất thường của thần và như thế có thể nói là thần đã thuần hóa trước mặt người để mang quyền phép ảnh hưởng đến cuộc sống của người.

Có điều sự dung hòa trong cải tạo thực hiện được lại là bởi mọi người chấp nhận một ranh giới co dãn. Ai có cách hiểu của người nấy. Ngôn từ văn hoa xóa sự cách biệt bề ngoài, khỏi làm hạ giá người cầm quyền khi phải chấp nhận một tin tưởng của dân chúng, còn dân chúng thì khi thấy ông thần của mình tìm được lối thoát trong khi nhận tước phong của triều đình thì họ vẫn còn nhìn thần với con mắt xưa cũ hơn là mới mẻ. Ông thần cửa sông có họ và chức tước là Lí Đô úy được cái may mắn nằm trên sông Thiên Mạc, con đường chạy giặc thoát hiểm của vua Trần, nên từ người có quyền uy với dân chúng trở thành người bảo vệ cho vua, cho nước (4). Có tước phong, ngôi đền gốc dâm từ trở thành đền vị phúc thần. Bởi vì dấu vết nhân thần muộn thật ra cũng bao che cho cả một nguồn gốc nhiên thần nới sắc phong "thần cửa sông" của Thượng đế và nơi hình ảnh mỗi ngày rằm con rắn mão vàng từ dưới vực bò lên khoanh tròn nằm chờ hưởng lễ – con rắn của sông nước, mà thôn dân tôn thờ để chủ trì việc phán xét, thề bồi trong vùng ("minh chủ phúc thần").

Mối liên hệ thờ cúng Phạm Nhan và Trần Hưng Đạo chứng tỏ trường hợp một "thần nhảm nhí... giữ được hương khói đến 500 năm" không phải vì không có một Địch Nhân Kiệt như nhà nho thế kỉ XVIII than thở (5), mà vì người dân đã biết cách lập được một cơ cấu truyện tích để ghép thần của họ với vị đại phúc thần của họ Trần. Xét truyện tích thì thần có tên Nguyễn Bá Linh này là một "nhan bị tội" (từ *nhan* hẳn là danh xưng của thần nói chung ở vùng này), là thần sông của xã An Bài được hưởng sự thờ cúng của đám dân chài lưới ở đó. Tất nhiên yếu tố cấu thành của thần khá phức tạp, nhưng điểm nổi bật có vẻ là yếu tố trung tâm là "thần đi khắp nước, tìm để hút máu" (đàn bà): thần là một thứ "ma lai rút ruột" mà *An Nam chí* ghi ở vùng rừng núi Tây Bắc.

Điều đáng chú ý là vùng Đông Triều xưa có xã An Bài, cũng bao gồm xã An Sinh, đất phong cho cha Trần Quốc Tuấn, Trần Liễu, không phải để đền bù việc mất vợ mà như là với tính cách trưởng tộc, vì đất An Sinh là quê của họ Trần (6) trên đường sang Đại Việt, trước khi tiến về phía nam đến miền Tức Mặc (Nam định). Và *họ Trần gốc dân chài hẳn có lúc cũng thờ thần Nhan*. Đạo

Phật nâng họ Trần lên cao hơn tín ngưỡng cũ của họ – hay ít ra cũng của những người còn lại nơi quê An Sinh, của dân chài vùng Đông triều. Uy thế là người chiến thắng của Trần Quốc Tuấn, con người chủ đất An Sinh, làm cho ông có tư thế cao hơn nữa, xứng đáng là phúc thần của đất "hương hỏa", đủ quyền áp đảo các thần nhảm nhí ở địa phương, trong đó có thần Nhan (7). Và do đó, thần Nhan tồn tại theo với sự thờ cúng thần Vạn Kiếp trong một truyện tích mang kịch tính của chiến tranh hơn là sự thật lịch sử.

Sự tách biệt của quan niệm về bản chất của thần khiến cho có khi – ít ra là dưới mắt dân chúng, vị thần của nhà vua (có thể nói: phần thần của nhà vua) không kiến hiệu, không có uy lực bằng phần thần của dân chúng. Nhưng người dân đến lúc này thì lại phải sống cả với thần lẫn với vua, với kỉ cương của triều đình, vừa với cả tập tục kết thành trong quá khứ và quan niệm mới của người cầm quyền muốn có về thần. Cuộc sống của người dân đối với cõi linh thiêng do đó phải bị chia xé làm hai: thờ thần của mình và thần của vua – cũng một ông thần đó! Cúng lễ thần của vua thì theo các qui tắc – hay ít ra là theo các đường hướng dạng hình của nhà nước qui định, còn cúng thần của mình thì theo tập tục – mà phải giấu giếm vì tính bất hợp pháp của tập tục đó. Có thể nói là *việc cúng* hèm *của thần bắt đầu xuất hiện theo với sự đàn áp, cải tạo dâm từ*.

Dõi theo định nghĩa mang quan niệm và hành động hội lễ xưng tụng thần linh thì hèm có tính chất *cấm kị*. Tất nhiên không thể tìm từ nguyên của hèm từ các diễn biến hội lễ có tính chất đó trên vùng Bắc bộ được ghi nhận trước năm 1945. Khoảng thời gian 5, 7 thế kỉ đủ cho một sự *thờ cúng bên lề* như thế chuyển biến – dù chậm chạp, để thu nhận nhiều yếu tố khiến cho cả người thực hiện lẫn người quan sát phải chuyển dịch quan niệm về tính chất lệch lạc đó đối với nguyên tắc chính thống được chấp nhận.

Nhìn các hèm trong hội lễ, ta gặp các lề lối cúng tế, xưng tụng thần linh "kì quái", "xấu xa" và đồng thời lại có những hèm thật khá bình thường theo con mắt thường tục (như dùng trâu sục bùn thông đường nước, tục rước cung tên...). Nhưng tất cả các hèm đều mang tính cách bên lề như đã nói; đối với xã hội đương thời, nó mang một ý thức về *sự lệch lạc* với hiện tại bình thường đến mức độ phải *giấu giếm, che đậy* (giấu đối với người ngoài, tập đoàn làng xã, thực hiện vào đêm khuya, giải thích bằng lí do chiều theo "sở thích" của thần). Điều đó làm chúng ta ngờ rằng các hèm "kì quái", "xấu xa" ngày nay

tuy có thể xuất hiện muộn nhưng lại gần hơn hết về bản chất với các lối thờ cúng xưa cũ, vào thời chúng được trình diễn bình thường không mặc cảm, không e sợ. Và vì vậy, ta để ý đến định nghĩa về chữ *đàng hèm* của Huình Tịnh Của: "Cái khe nơi hòm thùng" (8).

Chúng tôi không có từ điển xưa hơn để tìm ra, ví dụ, Alex. de Rhodes (thế kỉ XVIII) để nghe người đương thời hiểu hèm nghĩa là gì. Nhưng như chúng tôi đã có lần trình bày rằng một số từ được xem là của miền Nam đang sử dụng trong hiện tại là những từ cổ mà lưu dân Bắc đã mang đi và sử dụng ở quê hương mới trong khi nó đã biến mất hay thay đổi ở vùng gốc. Chúng tôi có thể lấy thêm ví dụ ở câu ca dao:

Đường vô *xứ Nghệ quanh quanh....*

chứng tỏ tập đoàn người sử dụng thông thường chữ "vô" sống ở phía bắc xứ Nghệ an trong khi ngày nay nó là của vùng Huế trở vào:

Con cá trong lờ giương đôi mắt đỏ,
Con cá ngoài mương lấp ló muốn vô.
(Hát ru em ở Quảng nam)

Bằng cớ của sự bảo lưu đó không phải chỉ là ở lãnh vực ngôn ngữ thuần túy mà tất nhiên có liên quan đến cả những sinh hoạt xã hội mà ngôn ngữ thể hiện. Với chữ hèm, các từ điển Bắc (nhất là của các soạn giả người Bắc) đều dừng lại ở nghĩa cấm kị trong thờ cúng (không kể chữ hèm là bã rượu) trong khi không một ai nhắc đến định nghĩa của Huình Tịnh Của nói trên, ở đó chữ hèm phải ghép thêm với một tiếng khác. Nhìn quan điểm nho giáo mang tính nghiêm khắc với dục tính và sự đàn áp dâm từ không theo "lễ", bậy bạ (chắc phần lớn có những trình diễn biểu lộ dục tính như rước sinh thực khí) thì nghĩa chữ hèm là "khe hòm" của P. Của là xưa hơn cả – phần khác vì nó có dấu mai một rõ rệt. Nó chỉ rõ một ý nghĩa liên quan đến tục thờ cúng phồn thực, trình diễn và phô bày ý thức bình thường về cái giống, về sự giao phối tự nhiên. Các hội lễ hèm bình thường như thế, qua cấm đoán, tìm cách luồn lọt để tồn tại như ta đã nói và sau đó hèm mới là cấm kị, từ "hèm" mới mang ý nghĩa cấm kị. Cũng có thể nhắc thêm là nghĩa này không có trong sách của Huình Tịnh Của nghĩa là quan niệm về hèm (cấm kị) thật

xa lạ trong sinh hoạt hội lễ ở miền Nam nếu không nói là không có ở đây.

Với đạo Phật mang tính quốc giáo, một bộ phận hèm thần núp trong các đình thờ Phật và không vì ông Phật bị bắt buộc phải thờ mà mất bản chất: sức mạnh đó không có thì làm sao giải thích được việc các cơ sở thờ cúng gốc đình trạm này trở thành một hình thức riêng biệt, được đông đảo người ưa chuộng, nổi lên thành một vấn đề quốc gia vào nửa thế kỉ XV, làm sao cơ sở thờ cúng đó có ông Phật hiện diện, đã mượn quan niệm lập hậu của nhà chùa lại trở thành đình thần mà không phải là chùa? Đồng thời, các thần linh tương tự lại còn tìm ra một đường thoát, một hướng chuyển biến khác trong ý thức hệ nho giáo vươn lên nắm vai trò chủ thể xã hội và do đó đi tìm một ông tổ cho vua, cho đất nước, cho vương quyền riêng biệt của nước Đại Việt.

3. HÙNG VƯƠNG, HỒI QUANG CỦA LỊCH SỬ VỌNG VÀO DÂN CHÚNG KẾT TẬP THÀNH Ý THỨC

Ngày nay, qua công trình của các học giả, nhiều người cùng biết danh xưng Hùng Vương xuất hiện sớm nhất trong thư tịch là vào thế kỉ III (*Nam Việt chí*). Thư tịch Việt nhắc đến Hùng Vương sớm nhất là VĐUL (1329) trong truyện Tản Viên, tuy dẫn *Giao Châu kí* của Tăng Cổn (thế kỉ IX), nhưng dấu vết huyền hoặc, tượng trưng, không làm thỏa mãn các học giả thời nay bằng đoạn văn ngắn ở *Việt sử lược* (1377) có tính hữu lí ở chỗ trình bày được sự tập trung quyền lực thế tục từ quyền lực siêu nhiên của người đứng đầu "đất nước" Việt cổ. Nhưng chúng ta cũng lưu ý rằng, ngay trong truyện thần Tản Viên, Hùng Vương, nhân vật vào thời sau ở địa vị tối cao, trong truyện đã làm ông vua "đất rộng, dân đông", vậy mà chỉ là cái bóng làm nổi bật thần thông của ông thần núi. Trong lần phong thần năm 1285 – kể lần đầu để ghi nhận dấu vết xưa nhất – họ Trần chỉ phong cho Sĩ Nhiếp, Phùng Hưng, Hai Bà Trưng, Triệu Quang Phục, Hậu Lí Nam Đế, Sơn Tinh, mà không đả động gì đến Hùng Vương. Lê Tắc nhắc tới Lạc Vương (9) vì dựa vào *Giao Châu ngoại vực kí*, nhưng với kinh nghiệm hiểu biết ở nước nhà trước năm 1285 (năm ông hàng Nguyên) – nhắc lại, cũng là năm Trần phong thần lần đầu toàn bộ – thì cũng không thấy ông nói đến Hùng Vương kể cả khi ông nhắc đến Tản Viên, Phù Đổng.

Điều đó cho ta thấy rằng cho đến gần cuối thế kỉ XIII, truyện

tích *Hùng Vương chưa nảy nở, hay ít ra, chưa phát triển trên đất Đại Việt.*

Thần được quốc tế, được xếp vào tự điển để nhà nước chính thức thờ cúng thì khó có kẻ lạ bước vào mà không thuận lí một chừng mực nào đó, không cần đến một thời gian thử thách để hội nhập an toàn. Ở VĐUL không có một ông Hùng Vương nào được thờ cúng, không có ông Hùng Vương III (hay VI) nào chen vào chuyện ông Phù Đổng, có nghĩa là *đến quá 1/4 đầu thế kỉ XIV, chuyện Hùng Vương*, nếu có thành hình đến mức phổ biến, thì *vẫn còn nằm ngoài dân gian*. Và cũng đã được thờ cúng cẩn thận. *An Nam chí* nói đến một "nền cũ cung vua Lạc" còn ở châu Tam Đái, tức là xác nhận trước khi người Minh qua (1407) đã có dấu vết đền Hùng ở địa điểm ngày nay (10). Rồi vài mươi năm sau, khuôn mặt Hùng Vương thành hình, có đầu có đuôi, có dây mơ rễ má chằng chịt với các nhân vật khác thành *một hệ thống khá hoàn chỉnh, đủ cơ sở để đưa vào truyện tích và sử kí*. Như thế là đã có sự tích tụ ngầm hàng trăm năm để đến nửa sau thế kỉ XIV thì các truyện tích Hùng Vương bộc phát lan tràn và hội tụ lại trong sách vở: các nhà nho đã tìm thấy những sự kiện biện minh và giải quyết vấn đề quốc tổ, một điểm căn bản còn thiếu trong lí thuyết vương quyền vay mượn. Và cũng bởi gắn bó với các sự kiện ấy mà từ ngữ Hùng Vương đậm nét địa phương và còn tính hiện đại (đối với đương thời) đã được sử dụng lấn át từ Lạc Vương lúc này đã trở thành "cổ hủ" chỉ vì những người thống trị cũ đã phải rời bỏ thuộc địa nhiều thế kỉ rồi.

Bởi vì đúng là đã có một truyền thống địa phương lâu dài về chữ hùng được sử dụng. Nếu chữ hùng xuất hiện ở *Nam Việt chí* có thời điểm ghi nhận gần gũi (so với các tài liệu về sau) với chữ lạc ở *Giao Châu ngoại vực kí*, cả hai làm ta phân vân lựa chọn thì chữ hùng của Tăng Cốn, viên quan đô hộ từng cùng hành quân với Cao Biền, là bằng cớ địa phương rõ rệt nhất về việc có một danh xưng chỉ người cầm đầu một tập đoàn dân bản xứ trên đất Giao Chỉ – Giao Châu – An Nam. *Việt sử lược*, như đã nói, tuy càng muộn hơn, nhưng bằng chứng mang lại còn có thêm nội dung dân tộc học dễ thuyết phục người ngày nay: Hùng Vương của thế kỉ IX trước công nguyên là một pháp sư, tóm thâu được thần quyền và thế quyền vào trong tay. VSL tất đã lấy nguồn tin địa phương, độc lập với các nguồn tin Bắc sử nhìn người cầm đầu ở đây theo tên của tộc đoàn:

Lạc (Việt). Dựa vào tin tưởng ở truyền thống địa phương đã nói, sử gia Trần Quốc Vượng đã đề nghị giải thích rằng "hùng" là phiên âm của một từ Việt cổ chỉ một chức vụ thủ lĩnh, có hướng bà con với các danh xưng tương tự: cun, khun, khunzt cùng chỉ người cầm đầu tộc đoàn của những người Mường, Thái, Munda (11).

Như thế kí ức tập thể của dân chúng đã lưu giữ hình ảnh về những người cầm đầu một vùng đất nước trước thời ngoại thuộc (trong một hình thức tập hợp chính trị nào đó) mà những mảng dạng hình tương tự – có co rút, có biến đổi một chừng mực – vẫn còn hiện diện trong suốt thời Bắc thuộc và về sau khiến cho kí ức ấy thêm củng cố, bền vững. "Cố chỉ" của "cung Lạc Vương" còn cho người Minh thấy hẳn là của dân chúng lập nên để thờ ông Hùng Vương của họ trước khi nhà nho và triều đình vua chúa biết đến. Những truyện tích về ông vua tổ thời xa xưa đó tập hợp trong LNCQ tạo thành một bộ mặt mới cho nhân vật Hùng Vương, trong đó thật cũng khó biết rạch ròi bộ phận nào là của truyền thuyết, phần nào là sáng tác, thêm bớt, phối hợp của Trần Thế Pháp (Trần) chưa kể của Kiều Phú, Vũ Quỳnh (Lê) (12).

Dù sao ta vẫn thấy trong LNCQ, nhóm truyện Lạc Long Quân và Âu Cơ là một và nhóm Hùng Vương lại là một nhóm khác được dễ dàng nối kết với nhau bằng chuyện đẻ trứng, chia con. Chính nhờ sự nối kết này mà đất nước Hùng Vương lên đến Hồ Động Đình của Lạc Long Quân khiến ông H. Maspéro phải cất công tìm ra một nước Dạ Lang gần đấy để giải thích chữ Văn Lang. Truyện Hồng Bàng nằm tách biệt trong tập hợp LNCQ vì riêng biệt trong vị trí xuất hiện của nó, tuy được ngày nay giải thích như chứng tích của văn minh Đông Nam Á (sự đối kháng của yếu tố trên cạn, dưới nước...) – hay là của "văn minh Man" theo E.P. Maspéro – nhưng rõ ràng là nó đã mang đậm màu sắc, quan niệm ngũ hành của Trung quốc đặt con rồng cầm tinh phương đông, con chim Hồng phía nam và có cả sự tràn lấn xuống nam của tập đoàn Hán tộc. Tuy nhiên, truyện Hồng Bàng đặt đầu sách cho ta thấy nổi bật ý thức muốn giải thích nguồn gốc dân tộc của người tập hợp truyện đã sử dụng truyện tích như chiếc cầu nối hư ảo với thực tế, dẫn từ huyền thoại đến lịch sử Việt cổ.

Hùng Vương (và do đó, Lạc Long Quân - Âu Cơ) được ghép vào các truyện về phong tục với các mối tin tưởng, sinh hoạt của dân chúng vùng Việt cổ. Việc ghép này thấy rõ trong truyện cống

bạch trĩ – có thêm ông Hùng Vương vào gốc sách Bắc sử. Danh hiệu Hùng Vương *chung chung* được nhắc tới trong các truyện Trầu cau, Dưa hấu, Bạch Trĩ. Hùng Vương *cuối cùng*, (suy đoán theo hiểu biết bây giờ) là trong truyện Lí Ông Trọng, Sơn tinh Thủy tinh, vì có nhắc tới An Dương Vương - Thục Vương Phán. Hùng Vương III là ở truyện đầm Nhất Dạ (Chử Đồng Tử - Tiên Dung), Đổng Thiên Vương, Bánh chưng, Việt tỉnh (có nguồn gốc thư tịch Tống, Nguyên). Không có dấu hiệu từ đầu có sự xác định thời đại (Hùng Vương III) như vậy. Trừ chuyện đầm Nhất Dạ có chi tiết "vua cháu 3 đời" (Hùng Vương), còn các truyện khác thì xoay quanh truyện Đổng Thiên Vương (Hùng Vương III) mượn các chi tiết "vua Ân" (Việt tỉnh), phá giặc Ân xong tính chuyện truyền ngôi (Bánh chưng).

Chúng ta lưu ý rằng ông Đống chính hiệu (Xung Thiên Thần Vương) ở làng Phù Đổng trong VĐUL, phần của trước năm 1329, chỉ là một ông thổ địa Phật tử làm chức Hộ pháp cho chùa Kiến Sơ đối với chính quyền, một ông thần của dân chúng được thờ trong dâm từ. Còn ông Đổng Thiên Vương (cũng của VĐUL) phần của Nguyễn văn Hiền (1422 - ?, Tiến sĩ 1448), đã có đầy đủ thần tích với đứa bé lớn lên và ngựa, cùng công tích, điều mà vào hậu bán thế kỉ XIII, Lê Tắc ghi nhận được về người anh hùng dẹp loạn giúp vua, "sau không biết đi đâu mất". Hai thế kỉ đã trôi qua từ Lê Tắc mà Nguyễn văn Hiền cũng không tìm được một thời đại hẹp cho truyện tích ông ghi nhận "theo cố lão tương truyền". Như thế có thể cho thời đại Hùng Vương III của VĐUL là khởi đầu từ sách đó, một sự xác định dễ hiểu lí do, từ nhiều quan niệm, thói quen suy nghĩ dính líu đến con số 3. (Cháu 3 đời Thần Nông, ý niệm tam vị, tam tài, cách suy nghĩ về thế hệ 3 đời từ ông đến cháu...). Rồi khi sách vở đã ghi nhận thì dễ cho chuyện con số 3 trượt sang con số 6 theo cách viết chữ Hán (và) để cho ông Đổng Thiên Vương *sau* LNCQ giúp Hùng Vương VI.

Và Thục An Dương Vương thần thoại cũng được nhắc tới vì mối liên hệ kế tục đã ghi trong sách xưa. Nhưng cái đinh trong câu chuyện của thư tịch Trung quốc là mối tình Trọng Thủy - Mị Châu và người thần Cao Thông có nỏ quí, chuyển sang LNCQ là báu vật của thần Kim Qui với chuyện xây thành Cổ Loa là phần thần thuyết của địa phương trùm lên truyền thuyết xưa. Mối tương quan Hùng - Thục ở truyện Kim Qui được kể "thực thà" hơn là ở các truyền thuyết về sau: tuy không có chuyện An Dương Vương cướp đất

Hùng Vương, nhưng ông không xây được thành vì "tinh khí núi sông này có con vua trước nhập vào để báo thù". Nhưng trong khi ở các truyện khác, tên Hùng Vương được xen vào một cách không cần nguyên cớ gốc gác thì ở truyện Kim Qui, mối liên hệ với nhân vật lịch sử Triệu Đà khiến nhân vật trực tiếp là An Dương Vương bắt cầu qua Hùng Vương và nhân vật này thoát cái vỏ thần thoại của truyện Hồng Bàng mà trở thành có cội rễ bám víu vững chắc trong trí người đọc, củng cố cái chân lí tràn ngập tình cảm bằng chân lí của lí trí hiển hiện qua bằng cớ sách vở mới. Tập hợp truyện tích LNCQ do đó đã mang lại hiệu quả là khiến cho những nhân vật lịch sử còn mờ nhạt lại trở thành linh động, chủ động, giữ địa vị trung tâm cho cả một sinh hoạt tinh thần mới hướng về tính cách duy lí và dân tộc phổ biến hơn trước. Chính là do được tập hợp trong ý thức vương quyền duy lí đó mà các vua Hùng không còn mang hình bóng thần thoại và lại ngự trị trên cả một không khí thần thoại – và chịu ảnh hưởng không khí đó – để giữ vững địa vị cao tột trong lịch sử mở đầu đất nước, lôi theo cả một hệ thống thần linh chuyển hóa từ sự bạc đãi hay thờ ơ của chính quyền, lấy ở cơ sở các xóm làng, đồng núi, đồng ruộng, liên kết với những thần hữu danh thành một hệ thống chuẩn xuyên suốt trên dưới tuy không thu hút, bao gồm trùm khắp nhưng cũng là điểm hướng tới đầy vinh dự càng ngày càng cao giá.

4. HÙNG VƯƠNG VÀO CHÍNH SỬ VÀ QUI TỤ THẦN LINH

Nhưng ngay chính ở LNCQ, ý niệm "quái" còn khiến các ông Hùng Vương được dân chúng sùng kính vẫn như bèo bọt nước bám quanh các nhân vật mang tính tập thể của một tình trạng phát triển (nhân vật Chử Đồng Tử khai thác đầm lầy, nhân vật An Tiêm khai thác hải đảo, làm thương nghiệp, người dân làm bánh dầy...) hay các nhân vật "có thực" của nhà cầm quyền cúng tế, phong chức. Họ chưa được một bộ phận lớn trí thức đang lên đương thời – các nho sĩ, chấp nhận, tuy bản thân những người này cũng không thoát khỏi ám ảnh của những chuyện quái (13), nên mới có tập họp của Trần Thế Pháp. Tuy nhiên cũng nhờ bước chấp nhận khởi đầu đó mà nếu có nho sĩ nào tiến thêm một bước, tìm được một luận cứ đủ cho hệ thống tư tưởng mình chấp nhận thì các chuyện quái của dân chúng sẽ có thể đi vào chính quyền. Đây là một trường hợp cải tạo

dâm từ có khác biệt với các trường hợp đã nói là không diễn tiến bằng sự đàn áp, khuynh đảo mà bằng sự tiến cử có lí luận của tầng lớp trí thức. Và Hồ Tông Thốc/ Xác (hiện diện năm 1372 với chức Hàn lâm viện học sĩ) là người đã có công nâng cấp Hùng Vương, đưa vào chính sử các ông Hùng Vương – vừa như một nhân vật lịch sử quan trọng bị lãng quên, vừa như một thần linh dân tộc được nhắc nhở lại trong ý hướng để con cháu, hậu nhân chu toàn quan niệm trung hiếu với những người mở nước, dựng nhà.

Để trả lời câu trách móc tại sao ông không theo "thánh hiền... bài trừ điều quái dị", Hồ Tông Thốc/ Xác viện dẫn rằng Trung hoa cổ xưa hơn nước Việt mà còn có những "thuyết mơ hồ như chuyện vá trời...", vẫn cho vào sử sách. Huống chi, theo ông, "từ xưa tới nay, tất cả những sự tích được ghi chép đều do lời các bậc kì lão lưu truyền", nên ông không ngần ngại thu thập "những tài liệu cổ lậu di truyền" vào sách *Việt nam thế chí* của ông.

Sách không còn nữa, nhưng tựa đề sách cho thấy ông muốn tác phẩm mang tính chất nghiêm túc: "ghi chép về những đời (vua) của vùng đất phía Nam nước Việt (của Triệu Đà)" thật không còn gì rõ hơn. Cho nên ta nghĩ rằng Phan Huy Chú có thể bất công khi đặt nó vào một chỗ với VĐUL, LNCQ, chưa cho nó tách rời với chuyện "quái" (14). Cũng theo Phan Huy Chú thì sách này có quyển I chép thế phổ 18 đời Hùng Vương, quyển II mới chép nhà Triệu. Con số 18 đời rành rẽ (không thấy trong LNCQ) hẳn phải là do đòi hỏi của một công trình muốn là nghiêm túc.

Trái lại, Phan Huy Chú đặt quyển *Việt sử cương mục*, cũng của Hồ Tông Thốc, vào loại lịch sử "đứng đắn". Sách này cũng không còn, nhưng dựa theo ý định Hồ Tông Thốc đã bàn ở sách trên thì có hi vọng truyện Hồng Bàng và 18 đời Hùng Vương đã có chỗ đứng trong quyển sách sau của ông.

Bước xếp đặt mạnh dạn của Hồ Tông Thốc là của riêng ông, của con người giữ một loại chức vụ "thư kí" của Nghệ Tông (Hàn lâm học sĩ phụng chỉ – 1386), con người có tài làm 100 bài thơ trong một bữa tiệc làm "tiếng dậy kinh sư", nhưng hành động đó cũng là nương theo thời thế đã có sự chấp nhận một quan niệm như thế không còn gây nhiều bàn cãi nữa. Trần Minh Tông (1314-1329) bác bỏ lời xin "thay đổi chế độ" của Lê Bá Quát, Phạm Sư Mạnh, nhưng Trần Dụ Tông ngập ngừng trong niên hiệu đầu (Thiệu Phong, 1341-1357) lại nghe theo lời "kẻ học trò mặt trắng" đổi thay

"theo tục phương Bắc... không kể xiết" trong niên hiệu sau (Đại Trị, 1358-1369). Và Nghệ Tông tuy lập lại "lệ cũ đời Khai Thái" (1324-1329), nhưng vẫn quí trọng Hồ Tông Thốc, tha tội hối lộ cho ông và đưa các nho thần Chu An, Trương Hán Siêu, Đỗ Tử Bình vào văn miếu.

Đàn Viên khâu có ý nghĩa tế trời trong hình dạng tròn mang theo danh xưng của kiến trúc này, đã được dựng lên từ 1154 nhưng chủ đàn lại là một bà "phu nhân" (Hậu Thổ Nguyên Quân), không có chỗ cho một ông Trời chứng giám. Nghi lễ tiến hành ở đấy là cầu đảo với một dạng đồng cốt nào đó. Lí do không hẳn vì tập truyền cũ còn mạnh mà còn vì sự khiếm khuyết trong khâu nối kết thần thánh cha-con làm cơ sở cho ông vua đủ tự tín đứng ra hành lễ. Các cải cách "*không kể hết*" trong đó có sự cải cách "Nhạc chương" của thời Đại Trị hẳn đã có tác dụng kéo bà Hậu thổ xuống và đẩy ông Thiên, ông Đế lên đàn Viên khâu. Nhưng ông Trời cũng phải đợi triều đại sau thay thế mới được tế. Và sự kiện trọng đại đầu tiên này (1402) đã làm run sợ người con tế Cha: Hồ Hán Thương xẩy tay đổ rượu trước mặt các bà được dắt theo vào cuộc lễ mang tính cách độc quyền phụ hệ này, như một níu kéo của quá khứ làm mất sự tự tín của vị chủ tế.

Thời Minh thuộc (1407-1427) như một sự xâm lăng văn hóa thành công hơn là một cuộc xâm lăng quân sự vì lệnh tận thu, tận diệt sách vở, công trình văn hóa theo lệnh của Minh Thành Tổ làm đám dân chúng của thời độc lập tiếp sau thấy mình như cắt với quá khứ trong khi những đổi thay của người Minh đem lại thật ồ ạt, thật nhiều so với thời gian hiện diện ngắn ngủi của họ. Nhóm lang đạo binh tướng chiến thắng từ rừng núi Lam Sơn kéo xuống lúng túng trong sự phân chia quyền hành, ổn định chính trị theo phương thế quyền lực, rốt cục hướng về nho giáo như một cách thức giải quyết (có đà sẵn), độc nhất và ngoan ngoãn phục tùng một ông vua có học thức hơn bậc cha, ông, nắm được thứ vũ khí tư tưởng hợp thời, thích đáng để nâng cao đến tột đỉnh sự chuyên chế có sức kiến hiệu hơn sức mạnh của giáo gươm. Sử sách ghi thật nhiều những lời của Lê Thánh Tông (1468-1497) mắng mỏ, "chửi bới" bầy tôi thật nặng nề **chứng tỏ nhà vua đã biết sử dụng kiến thức thâu thái** từ kinh sách để củng cố ngôi chí tôn của mình qua hai niên hiệu, niên hiệu sau (Hồng Đức, 1470-1497) như một giai đoạn phát triển đầy đủ của năng lực chuẩn bị tích trữ trong niên hiệu Hồng Thuận trước đó.

Trong lúc Ngô Sĩ Liên còn tự ti, nghĩ rằng Đại Việt chỉ là "hạng phiên thần đời xưa" không thể tế Giao thì Lê Thánh Tông ngay lúc lên ngôi, đã chỉ cho viên ngự sử thấy rằng quyền lực nằm trong tay ông để xác nhận ông có quyền tế Giao như vua Trung quốc. Rõ ràng trong sự nắm bắt kiến thức của nho giáo, ông đã có tự tín, đem sự hiểu biết rộng rãi, chứng minh tính căn bản của quyền lực trần thế đang nằm trong tay ông và nói chung, tính văn hóa là phổ biến chứ không phải đặc quyền khu vực, dù là khu vực khởi thủy xuất hiện của văn hóa ấy.

Trong tế Giao nhằm có sự tương thông với thần linh, vị chủ nhân đã thực thi đạo hiếu đối với người Cha thiêng liêng, nghĩa là mở rộng quan hệ tông tộc ra ngoài phạm vi gia đình dòng dõi của mình. Vị nhân chủ tuân thủ đạo hiếu có nghĩa là những nguyên tắc căn bản khác của nho giáo cũng phải được coi trọng. Đất nước là của vua thì ông vua mở nước – đến lúc này người ta đã có ý niệm vững chắc về sự tồn tại của ông vua Hùng đó – tất cũng phải được tôn trọng, thờ cúng. Cho nên năm 1470, Lê Thánh Tông cho quan chức lập ngọc phả của Hùng Vương, vị "thánh vương ngàn đời" của "cổ Việt" (15), như thế ông đã có tông phả ở thế gian để làm điều kiện tế trời 3 năm sau (1473). Hùng Vương là yếu tố cần thiết, làm căn bản cho quyền uy chuyên chế của nho giáo trên đất Việt. Như thế, trong lời tựa năm 1479 tường trình công việc soạn *Đại Việt sử kí toàn thư*, Ngô Sĩ Liên đã có đủ yếu tố thuận lợi để đưa họ Hồng Bàng vào chính sử, vượt được sự tự ti trước kia của một quan niệm chia xẻ văn hóa có thứ bậc đến sự chấp nhận văn hóa ngang hàng mà vị hoàng đế phải dùng lời lẽ nặng nề với sử thần mới thay đổi được.

Ông chỉ đi nốt chặng đường mà Hồ Tông Thốc đã mở. Hùng Vương nhờ địa vị sử quan của ông mà đi vào sử nhà nước, chính sử, thành một phần của sử Việt, phần Ngoại kí. Nhưng có vẻ đó cũng là ý của Hồ Tông Thốc: họ Ngô đã khen "Hồ Tông Thốc làm sách *Việt sử cương mục* chép việc cẩn thận mà có phương pháp, bàn việc đích đáng mà không rườm rà" (16). Sách đó không còn sau cơn binh hỏa 1/4 đầu thế kỉ như Ngô Sĩ Liên xác nhận, nhưng ta có thể tự hỏi VSCM sao không lặp lại quan điểm ở *Việt Nam thế chí* với mức độ bố cục sắp xếp chặt chẽ hơn theo yêu cầu của nhan đề sách "cương mục"? Có điều Ngô Sĩ Liên đã không thể sử dụng VSCM làm tài liệu chính, thì nhắc đến họ Hồng Bàng hẳn ông phải lấy ở LNCQ –

hay từ lời ghi nhận của dân chúng, có lẽ còn nhiều "quái" hơn. Cái cầu nho sĩ làm họ Hồng Bàng bớt tính chất quái trong các trang sử, nhưng nguồn gốc dân gian của nó không phải mất đi dù truyện tích và thần đã được nâng cấp.

Tính chất thần địa phương của Hùng Vương – dù đã được gọi là "Thánh Tổ" và có ảnh hưởng của sự công nhận của chính quyền trung ương – còn thấy trong một câu chuyện hơn hai thế kỉ sau. Lê Quí Đôn ghi chép (1777) rằng đầu niên hiệu Vĩnh Thịnh (1705-1719), dân thôn Cổ tích phục vụ đền Hùng lo liệu đi mua gỗ để sửa lại đền, bè gỗ bị đắm trước đền Ngọc Tháp vì ông "đại vương" ở đó muốn đoạt, nhưng khi thấy được tờ sắc của hoàng đế liền buông ra. Ông đại vương này ở gần đền Hùng theo truyền thuyết, lại có vợ xa tận phía xuôi, trên quê hương của họ Trần, chứng tỏ tác động của ông đến dân chúng cũng thật là lớn (17).

Dù sao thì chính quyền tập trung Lê sơ cũng tạo ra một hình ảnh mới về nhân vật Hùng Vương nhìn qua lăng kính nho giáo để làm đà cho người sau chồng chất thêm truyền thuyết. Bản ngọc phả nói trên ở đền Hùng đã xóa bỏ hết những xung đột Hùng - Thục thấy ở VĐUL, LNCQ. Không có chuyện Loa thành không xây được vì "con vua trước" phá, không có chuyện sử dụng thần Tản Viên chống Thục, mà chỉ có chuyện Thục Phán được vua Hùng XVIII nhường ngôi nhờ thần Tản Viên giảng hòa về sau đó Thục lập đền Hùng. Cả một kiểu mẫu tranh giành chính quyền thật đáng làm gương cho những người muốn dùng bạo lực! Thêm vào sự kiện của LNCQ, ngọc phả còn nói đến chuyện vua Hùng VI xây đền thánh Gióng trên núi Nghĩa Lĩnh (18), mở ra một ý hướng thu hút, qui tụ thần nơi khác.

Về Trưng Vương thì sự gia nhập muộn màng hơn, tuy không có dấu hiệu thần bị bạc đãi. Có vẻ tính chất Vua Bà không thích hợp với một chính quyền mang quan niệm phụ hệ gay gắt. Sự thờ cúng vẫn tiếp tục theo truyền thống chờ thời gian mang lại yếu tố thúc đẩy thích hợp.

Trích trong Thần Người và Đất Việt
do Văn Nghệ vừa xuất bản – 1989

Chú thích:

(1) **VĐUL**, *trang 71.*

(2) Theo hồi kí của Hồ Nguyên Trừng trong **Nam Ông mộng lục**, *bản dịch* **Thơ văn Lí, Trần**, *tập III (Hà nội, 1978), trang 711.*

(3) **VĐUL**, *trang 131-132.*

(4) **VĐUL**, *trang 90-91.*

(5) Vũ Phương Đề, **Công dư tiệp kí**, *quyển III (Sài gòn, 1962), trang 87-89.*

(6) Bia An Sinh Vương, theo **Đại Nam nhất thống chí (ĐNNTC), tỉnh Hải dương** *(bản dịch Sài gòn, 1969), trang 77.*

(7) **Toàn Thư**, *tập II (bản dịch Hà nội, 1967), trang 82. "Sau khi (Trần Quốc Tuấn) chết, các châu huyện ở Lạng Giang bị bệnh chẩn đậu, nhiều người kêu cầu".*

(8) Nguyên văn: **Đàng hèm**: *Đàng hai mí hòm thùng ghép lại mà còn hở phải dùng đồ trét mà trét dài theo. Các từ điển Génibrel, G. Hue, Gouin đều giảng chữ "đàng hèm" là fente, có vẻ là lấy từ của P. Của.* **Việt Nam tự điển** *của Hội Khai Trí Tiến Đức (Hà nội, 1931) định nghĩa hèm: 1. Vì sự húy kị mà kiêng tên; 2. Lễ phẩm để cúng riêng theo sở thích của một vị thần nào. Không thấy có từ "đàng hèm".*

(9) Lê Tắc, **An Nam chí lược**, *trang 39, 41.*

(10) **Ngan Nan tche yuan**, *trang 136, H. Maspéro ("Études d'histoire d'Annam – Le Royaume de Văn Lang", BEFEO XVIII (1918), in lại trong* **Dân Việt Nam** *số 1, 1948), cũng nhắc* **An Nam chí** *ghi chuyện đền Hùng vào đầu thế kỉ XV và cho rằng đó là do Trần lập ra ở đấy vì dựa theo các tác giả đời Đường thì đó là vùng nước Văn Lang. Chúng tôi nghĩ rằng nhà nước Trần không thờ cúng Hùng Vương, chỉ "cố chỉ" (nền xưa) chứng tỏ đền thuộc truyền thống địa phương.*

(11) Trần Quốc Vượng, "Về danh hiệu Hùng Vương" trong **Hùng Vương dựng nước** *tập III, (Hà nội, 1973), trang 353-355.*

(12) Lấy ví dụ gần đây nhất về sự chuyển đổi nội dung ý nghĩa truyện tích từ sự thúc đẩy của định kiến đã đưa những sự phối hợp, giảng giải đi xa gốc gác như thế nào: Trong truyện Ngư tinh, ông Lê Hữu Mục đã cho nhân vật cứu dân cái tên là Đào Kinh Long và còn chú thêm "hay Lạc Long Quân". Thực ra, đó là do lối chấm câu chữ Hán khác với câu đúng ra phải là "Kim hô vi Phật Đào Kinh; Long quân mẫn dân bị hại..." mà dịch giả chuyển chữ Long quân thành Lạc Long Quân, khai thác theo ý tưởng "vĩ tích của Lạc Long Quân". Long quân (hay vương) không phải là Lạc Long Quân nhưng cũng có mức độ gần về âm vận và truyền thuyết (xem truyện Hồng Bàng) để người ta ghép ông vua rồng dưới biển chung quanh với nhân vật cho là tổ tiên của dân Việt. Một bằng chứng khác kể thêm để chứng tỏ ý thức thời đại có thể vượt được cả những cản ngăn gay gắt của chế độ xã hội: xem Cao Huy Đỉnh, "Góp phần phê phán các tài liệu thành văn thời phong kiến nói về cuộc chiến đấu của nhân dân ta chống giặc Ân xâm lược ở thời kì Hùng Vương" trong **Hùng Vương dựng nước**, *tập II (Hà nội, 1972), trang 116, biểu đồ. Ở đây có vẻ ông Cao Huy Đỉnh đã sử*

dụng bài Hậu Tự của Kiều Phú (1446-?) để theo chi tiết "Long quân hóa vi Đổng Thiên Vương..." là một trong ba điểm mà ông này đã sửa đổi bản có về trước. (Chỉ dẫn của **Thơ văn Lí, Trần** *I, Hà nội, 1977, trang 90-93). Bản của ông Lê Hữu Mục ngày nay giữ được hai điểm mà Kiều Phú đã sửa: Tản Viên là con của Lạc Long Quân và Âu Cơ, Lí Ông Trọng giả bị đi tả để tránh khỏi nạp cho Tần – duy chỉ có chuyện Việt tỉnh thì lại là: Hùng Vương tìm được Đổng Thiên Vương theo lời dạy của Long quân bảo đi cầu hiền.*

(13) Hãy xem lời bào chữa thái độ này của một nho sĩ thời thịnh đạt của ý thức hệ nho: Lê Quí Đôn trong **Kiến văn tiểu lục** *tập II (bản dịch Đàm Duy Tạo, Sài gòn, 1965, trang 323): "Thần quái là việc thánh nhân không bàn tới, thế mà trong sách* **Tả truyện** *có chép nhiều chuyện quái...".*

(14) Phan Huy Chú, **Lịch triều hiến chương loại chí**, *tập IX,* **Văn tịch chí**, *quyển 42-45 (Nguyễn Thọ Dực dịch, Sài gòn, 1974), trang 208-210.*

(15) Lê Tượng - Vũ Kim Biên, **Lịch sử Vĩnh Phú** *(Ti Văn hóa và Thông tin Vĩnh phú, 1980) bản ảnh sau trang 24 có đề: "Cổ Việt Hùng thị thiên thế thánh vương ngọc phả cổ truyện". Mức độ chính xác đối với nguyên bản được sao lại mà các tác giả nói là của năm 1470, ra sao chúng tôi không được biết, chỉ thấy phần cuối tờ ngọc phả này (in mờ) có tên người "sửa lại" (trùng dính).*

(16) Phan Huy Chú, **Văn tịch chí** *đã dẫn, trang 22.*

(17) Lê Quí Đôn, **sđd**, *trang 329-330.*

(18) Lê Tượng..., **sđd**, *trang 34, 37.*

Trần thị Kim Lan

HÀNH TRÌNH VÀO ĐỜI

Tôi đi vắng mất hai tuần. Về đến nhà tôi điện thoại ngay cho Diane. Chúng tôi có hứa với nhau là đứa nào đi xa về phải báo cho đứa kia biết để còn nghe ít nhất có một người mừng rỡ về sự có mặt của mình. Lần này tôi thất vọng. Không có tiếng reo vui chào đón tôi. Bà chủ nhà nó ở trọ cho biết nó đã đi tiểu bang khác để nhận việc gấp. Cảm giác đầu tiên của tôi là mừng cho bạn. Lấy xong mảnh bằng, nó gửi đơn nhiều nơi, được gọi phỏng vấn nhiều lần, nhưng mỗi khi tôi hỏi thăm, nó đều lắc đầu bảo tôi cầu nguyện tiếp cho nó. Nhìn nó thất vọng, mặt mày ủ ê tôi xốn xang trong lòng. Mừng cho bạn xong, tôi nhớ ra nó đã đi rồi. Có nghĩa là tôi mất một người bạn thân. Kể ra dùng chữ "thân" không đúng lắm vì chúng tôi còn thận trọng trong cách đối xử và tránh những vấn đề có thể đụng chạm đến hai dân tộc Việt, Mỹ. Phải nói là một người bạn rất cần. Chúng tôi cần nhau. Trước kia tôi tưởng chỉ có nó cần tôi. Bây giờ vắng bóng nó, tự nhiên tôi thấy bơ vơ lạ lùng. Dù sao cũng gần hai năm nay, giữa muôn người xa lạ, chúng tôi tìm thấy nhau. Nó từ một tiểu bang xa xôi hẻo lánh nào đó đến đây, một thân, một ít hành trang cần thiết đi xây lại cuộc đời, bỏ lại sau lưng một dĩ vãng đau buồn, lánh xa những người thân đã coi nó như thù nghịch. Còn tôi cũng là người trôi dạt. Tôi không có thân nhân kề cận, cũng một mình lần bước về hướng tương lai. Tôi dừng lại thành phố này, âm thầm săn sóc từng vết thương to nhỏ tôi vấp ngã trên quãng đường tôi đã đi qua. Và

như thế nó và tôi, hai con người mang thương tích dắt dìu nhau. Vậy mà nó đi rồi. Tôi bỗng thấy trở nên trống vắng và không muốn tin là nơi tôi đang ở không có nó lặn lội, mang ba lô trên vai, bước thật nhanh hay đi lững thững quanh mấy con đường khu đại học Boston. Tôi mở mắt nhắm mắt đều thấy bạn, hình dung lại ánh mắt trong veo mát rượi những cái nhìn, thấy rõ cả làn da mịn màng như da em bé, và nụ cười có khe hở giữa hai răng cửa. Tôi vẫn thường nói với nó là nụ cười đó khó bị tuổi đời ảnh hưởng. Chỉ có mái tóc là thường hay phơi bày dấu vết tháng năm đã đi qua đời người. Tôi chưa bao giờ thật sự quen nhìn màu tóc của nó. Tôi biết là màu xám nhưng đậm, nhạt bất thường. Nhạt là vì những lúc nó quá bận không có thì giờ đi nhuộm. Lại khó có thể nhớ hình dáng cố định của nó ra sao, bởi có lúc u tròn có khi xẹp xuống. Nó ăn kiêng từng giai đoạn. Trong thời kỳ ý chí mạnh nhất nó chỉ ăn mỗi ngày một miếng thịt bằng hai ngón tay ghép lại, vài thỏi cà rốt hay cần tây, và theo đúng tiêu chuẩn làm gầy phải uống ít nhất tám ly nước. Có hôm tôi nhìn nó không ra. Nó tọp hẳn đi và hơi thở nghe khó nhọc. Tôi tỏ ý lo ngại thì nó nói nó cảm thấy nhẹ nhàng dễ chịu lắm. Tôi không nói gì, cứ bày các món ăn trên bàn. Nó ăn ngon lành, vừa ăn vừa nói thức ăn của người Việt nam ăn bao nhiêu cũng không sợ mập cả. Những lần ăn uống như vậy tôi thấy nó tươi tỉnh hơn. Nó hay nói huyên thuyên, tưởng chừng như vui tính nhưng thật ra đã thành tật. Cho nên cần nói điều chi tôi phải cắt lời nó. Khó hy vọng nó dứt một câu để chen vào. Ai mới tiếp xúc với nó đều thấy lạ. Còn tôi biết rõ nguyên nhân. Nó quá cô đơn. Thấy thế tôi hay pha trò cho nó cười. Phiền một điều là nó chậm hiểu những câu khôi hài. (Câu nào hiểu được thì cười dữ lắm). Lúc đầu chưa biết nhau nhiều tôi nói gì nó cũng cho là nghiêm trọng cả. Về sau khi nó cười được với tôi rồi, nó gọi tôi là "a devil and a half", tức là một con quỷ rưỡi lận. Chẳng hạn như tôi nói đứa nào mới đậu Ph.D đứa đó rửa chén sau bữa ăn. Nó đang cắn miếng bánh da lợn, vội vàng nuốt ực, đáp bằng giọng của người có tội (tội thành công chăng!):

- Được, được, để tôi rửa.

Một cô bạn của chúng tôi có mặt hôm đó phá ra cười, bảo nó đừng nghe cái giọng điệu của người ở xứ Cộng sản di cư sang. Nó lại tưởng thật thụi tôi vài thụi. Thật ra tôi không có ý nói người nào học cao thì đáng bị đọa đày. Bởi vì cái công học của họ cũng là một sự đọa đày rồi. Thấy nó mới đỗ đạt tôi muốn chọc bạn cho vui thôi. Nó vẫn không chịu

bỏ qua chuyện đó, cứ phân trần giải thích mãi, làm chúng tôi cả bọn phải nghiêm mặt nghe nó nói:

- Các bạn quên là tôi làm bồi làm bếp, giữ em cho một gia đình gồm bảy người từ ba năm trời nay để đổi lấy cái danh tiến sĩ hay sao? Từ giờ trở đi yêu cầu các bạn gọi tôi là Dr. Krause, đốc tờ đàng hoàng nhé!

Tôi hỏi nó khi nghe người ta gọi đốc tờ thì thấy trong mình có gì lạ không. Nó nói lạ ở chỗ là nhiều người tự nhiên thay đổi cách đối xử, coi nó quan trọng hẳn ra. Câu trả lời làm tôi lo, không biết bạn mình muốn mình có thái độ ra sao. Đến lượt tôi biến chi tiết này thành quan trọng! Chuyện đó chưa rõ ràng thì nó biến mất. Đi không một lời từ giã, không nhắn ai nói lại đi đâu và làm việc gì.

Tôi thấm thờ nhớ bạn. Tôi cũng không ngờ sự thiếu vắng của nó có thể ảnh hưởng tôi đến như vậy. Tôi ôn đi ôn lại những kỷ niệm chúng tôi cùng nhau chia sẻ. Trước hết là về buổi đầu gặp gỡ. Hôm đó nó đứng ngập ngừng trước lớp tôi đang dạy. Nó tự giới thiệu là sinh viên cao học ngành ngôn ngữ học, đã được ông hiệu trưởng cho dự giờ trong lớp học sinh người Việt của tôi. Nó cần tìm hiểu học sinh nước khác để viết bài về "Vai trò của văn hóa trong sự phát triển sinh ngữ". Thế là nó có dịp chứng kiến cảnh thầy trò tôi thương nhau, giận nhau, nghe tôi nói đùa và học trò tôi cười sặc sụa, tôi la hét và học trò tôi nín khe, và rõ ràng là tôi chịu thua khi có vài tên làm dữ. Nó thấy lạ quá. Nó bảo nó thích nhìn ngắm một lớp học như gia đình, tuy có cãi vã rầy rà nhưng bên trong còn ẩn chứa sự kính nhường. Vai trò người giảng dạy gần như cha mẹ. Thằng học trò ngổ ngáo nhất vẫn còn chút gì kiêng nể. Đặc điểm này thấy rõ trong các lớp của người Á đông. Nó nhận xét như vậy. Tôi nghe thế lấy làm mừng đã vô tình giúp nó có nhiều dữ kiện lạ để lấp đầy những trang luận án. Bởi đang lúc hành động thầy trò tôi nào nghĩ đến chuyện mình đang thể hiện mấy ngàn năm văn hóa! Thấy nó quí mến học trò tôi, tôi lại càng hăng hái góp ý. Lúc đầu chúng tôi chỉ gặp nhau ở trường. Sau đó nó điện thoại cho tôi. Điện thoại ngày rồi điện thoại đêm. Nói chuyện học trò, chuyện khác biệt về văn hóa Đông, Tây. Ở chỗ gặp gỡ của hai nền văn hóa, câu chuyện trở thành hứng thú. Từ đó dẫn đến những cuộc hẹn hò ở quán ăn, trong vườn hoa, bên bờ sông vào những ngày nóng bức. Tâm tình hể hả. Tôi có ngờ đâu nó cũng như tôi. Cả hai đều có lần trong đời chỉ biết làm công việc của một kiến trúc sư,

vẽ ra ngôi nhà mơ ước cho đời mình, và nghĩ rằng các thân nhân bè bạn sẽ là những công nhân nhiệt tình, tận tụy xây từng viên gạch, tô vẽ và bảo tồn công trình kiến trúc đó cho chúng tôi. Bây giờ chúng tôi mới hiểu ra cuộc đời đã biến chúng tôi thành thợ nề, thợ mộc tự bao giờ! Ngoài ra chúng tôi còn gặp nhau ở chỗ cả hai đều tránh né những người giàu sang kênh kiệu, lạm dụng uy quyền. Chúng tôi ghét cay ghét đắng hạng người trên đội hạ đạp, bám vào những kẻ yếu hơn mình mà sống, vậy mà nói điều gì cũng vỗ ngực xưng tên. Chúng tôi vừa chống đối họ vừa sợ họ. Sợ những mưu mô xảo quyệt, tâm địa thấp hèn. Chúng tôi giống như những con chó nhỏ thò đầu ra sủa rồi thụt đầu vào trốn bên trong. Cứ vừa sủa vừa thụt chúng tôi sống từng ngày. Có lần nghe nó tâm sự tôi làm vẻ khách quan phê một câu:

- Bạn lý tưởng quá!

Nó đáp ngay:

- Lý tưởng tốt chứ có sao đâu. Những người lý tưởng là những người làm đẹp cuộc đời.

- Nhưng gian nan quá bạn ạ.

- Cực trí, cực thân nhưng cái tâm nhẹ nhàng. Cần nhất là cái tâm nhẹ nhàng.

Thường thường câu chuyện dẫn tới đó thì tôi bỏ cuộc. Nói một lúc trở thành luẩn quẩn. Tôi không biết chắc cái tâm nhàn được bao nhiêu khi cái trí và cái thân phải chịu khổ. Điều rõ ràng là hai đứa tôi đều khổ nên mới nhìn thấy nhau. Tôi nghĩ nó khổ hơn tôi vì tôi giỏi chịu đựng và thực tế hơn nó. Nó nghĩ tôi khổ hơn nó vì xứ này không phải xứ sở tôi. Vấn đề chủ yếu, chúng tôi tạm đồng ý, phần lớn không phải do tha nhân hay ngoại cảnh mà là ở chính mình. Mọi người phải tìm lối thoát riêng để đi đến con đường hạnh phúc. Chúng tôi lại bắt sang chuyện đi tìm hạnh phúc. Nó thử đi vài lần. Lần nào cũng vấp ngã. Nó đã cố thoát ra một gia đình khe khắt, cổ hủ, trọng tiếng tăm hơn là ước vọng riêng tư của nó. Cha mẹ nó bắt nó học ngành không hợp sở thích, thuyết phục nó lấy người đàn ông do hai ông bà chọn lựa. Nó bỏ nhà trốn theo người đàn ông đeo đuổi nó nhiều năm. Nó nói chẳng yêu đương gì cả, chỉ xúc động vì sự bền lòng của ông ta, và cần bám vào một nguyên cớ để được ra khỏi nhà. Hóa ra ông bạn "tình" bị hấp dẫn bởi "con người lý tưởng" quá đẹp của nó. Ông ta muốn ném nó vào đầu cân

bên kia cho thăng bằng cái cân lương tri đã nghiêng hẳn một bên vì cái ước vọng làm giàu bất chính của ông. "...Rồi ông ấy dùng tôi như dùng cái khăn sạch để chùi một chỗ thật bẩn". Tôi còn nhớ nguyên lời nó nói. Nó từ chối làm những điều gian lận ông ta muốn nó tiếp tay. Năn nỉ ỉ ôi, giải thích đủ lời. Ông ta đã không nghe còn gọi nó là đồ ăn bám, đạo đức giả, biết xài tiền mà không biết làm ra tiền. Ăn thịt khen ngon mà không dám giết lợn, còn bày chuyện đau lòng thấy cảnh sát sinh. Ông ta thù nó đã cản trở bước đường phú quý của ông. Rằng ông ta thương hại nó, thấy nó người hiền lành mới đem về cho nó được sung sướng, chứ có tiền như ông thì một đêm ngủ với mấy cô gái trẻ mà chẳng được. Ông không ngừng nhắc cái tuổi ngoài ba mươi của nó chẳng khác gì thịt đông lạnh. Lời lẽ độc địa quá. Cái tâm hồn nghệ sĩ của nó làm sao chịu nổi. Cũng may là chưa cưới hỏi. Nó bỏ trốn. Năm năm trời trôi dạt một mình nó nhìn thấy lối thoát thứ hai. Nó vẽ ra một con đường đi đến nông trại nuôi bò sữa, trồng bắp, trồng rau. Người chồng tay lấm chân bùn nhưng lòng chân chất, ý nghĩ đơn sơ, lời nói chắc nịch, xem tình yêu như cơm áo, triết lý rút ra từ cuộc đời, không phải trong những sách vở cao siêu. Nó sẽ yên ổn bên một người chồng như thế. Và sẽ hạnh phúc tràn trề khi nhìn ngắm một đàn con tung tăng quanh trại. Lẽ dĩ nhiên không phải những đứa con do chính nó sinh ra, vì như vậy chưa thỏa mãn được tình thương ăm ắp trong lòng nó. Phải là những đứa trẻ lạc loài trên thế giới. Nó sẽ mang về chăm sóc bằng cả tấm lòng yêu thương dạt dào của nó. Những đứa trẻ sẽ thành những người lớn hữu dụng và đầy tự tin vì được chăm sóc chu đáo. Cuộc đời dun rủi nó về quê dạy học. Gặp đúng ông nông dân mơ ước. Hai người lấy nhau. Buổi sáng có chim hót trên cành, có không khí trong lành hít thở. Nó thức khuya dậy sớm, thả gà nhặt trứng, nấu thức ăn cho một đàn gia súc, quét rác, ươm cây. Cảnh vật nên thơ, thiên nhiên kề cận. Thế mà nó không lấy hứng đâu ra để mà vẽ, viết gì cả. À, tôi quên nói, lúc đó sở trường của nó là hội họa và làm thơ. Nó quần quật suốt ngày. Bàn tay nghệ sĩ nứt nẻ, sưng phù, chảy máu. Đã thế không được lòng chồng. Ông ta chê nó làm giọng tiểu thơ, luôn luôn kể lể về công lao của người vợ nông dân quá cố của ông. Ông ta còn nói thức ăn của nó nấu chỉ để cho chó ăn thôi. Để chứng minh lời nói, ông búng ngón tay gọi chó đến ăn. Đó là chưa kể không một lời âu yếm, không một cử chỉ vuốt ve mà đối với nó cần thiết như ánh trăng thanh, như những bản nhạc tình. Ông ta lầm lì làm

việc. Đêm ngáy o o. Sáng hôm sau lại lầm lì làm việc. Ngày nào như ngày nấy. Nó chịu đựng hết nổi và ông ta cũng không chịu nổi nó, nhìn nó như một chướng ngại vật, gọi nó là đồ ăn bám. Lại ăn bám! Ngoài giờ lao động, ông ta về nghỉ ngơi nhà cha mẹ ruột. Bị dồn vào ngõ cụt, nó xin ly dị, không lấy một đồng. Người lý tưởng mà! Ngày xách hành trang bước đi, nó ngoái nhìn lại nông trại, trong tâm trí vẫn còn in rõ hình ảnh một đàn con khác màu da đang tung tăng trong nắng sớm.

Nó về Boston. Làm nhiều nghề vặt vãnh. Cuối cùng xin được một học bổng, tìm được một chỗ ở trọ không phải trả tiền. Bù lại nó phải làm công việc nhà và dạy con bà chủ học. Có nhà ở, chỗ học yên ổn nó bắt đầu vạch ra lối thoát thứ ba. Lần này hoàn toàn độc lập không dựa vào đàn ông. Nó nói:

- Không cần thiết phải có một người đàn ông trong đời. Trước kia tôi tưởng tôi phải hoàn toàn thuộc về một người nào đó để tìm thấy chính mình. Nhưng bây giờ tôi nghĩ khác. Có lẽ Thượng đế muốn những người như tôi phải chia sẻ tình thương cho tất cả mọi người. Học xong tôi sẽ giúp đỡ người tị nạn trên xứ này. Tôi sẽ tận tình nâng đỡ những ai có thiện chí đấu tranh cho quyền lợi của dân họ. Vấn đề quan trọng đối với tôi hiện nay là chăm lo việc giáo dục trẻ em di dân. Chúng nó sẽ là những công dân tương lai của nước Mỹ. Mấy cái ghetto đen, trắng hay vàng, đỏ, to hay nhỏ, sau này là bắt đầu từ những đứa trẻ chúng ta đang dạy dỗ hôm nay. Nước Mỹ đầy tội ác và những mầm mống sa đọa cho tuổi trẻ. Không thể trách trẻ con, không thể đổ lỗi cả cho xã hội. Mọi người phải hành động.

Tôi đồng ý với nó. Và cái lý tưởng đó tôi đang thực hiện. Có cái khác là tôi không có khả năng và tư thế để làm lớn chuyện như nó. Nó muốn thay đổi cả hệ thống giáo dục của thành phố Boston, một nơi có nhiều trường đại học nổi tiếng lại thất bại nặng nề trong việc giáo dục bậc tiểu học và trung học. Nó tin ở sự tôn trọng văn hóa các nước, xóa bỏ kỳ thị và định kiến sai lầm coi thường dân tộc nhỏ. Với tinh thần đó nó đi xin việc. Đã ba tháng trôi qua từ ngày tốt nghiệp nó vẫn chưa có việc làm. Có một vài chỗ nhận nhưng nó từ chối. Nó giải thích rằng chỗ nào có bè phái, nịnh bợ, có những tư tưởng cực đoan vô lý là không có nó. Tôi lo ngại cho bạn. Tôi không dám lạc quan tin rằng có một thiên đường nào đó không có sự bon chen giành giựt, không có những người lót đường tiến thân bằng những lời nịnh bợ cúi lòn. Nghĩ cho cùng đó

là cách chiến đấu của một số người cho sự sống còn của họ. Mình có bảo bọc được đời ai đâu mà tức giận. Tôi cắt nghĩa như thế. Tôi tin vào những việc nhỏ và trong tầm tay với của mình. Nó mơ chuyện đại sự. Vậy mà ngại nhập cuộc. Hai đứa tôi đang lúng túng tranh cãi chuyện đó thì một biến cố khác xảy ra. Nó đang nuôi một mối tình tuyệt vọng mà không hay. Thường thường chúng tôi ngầm thỏa thuận với nhau là đứa này bận thì đứa kia để yên. Nó biết tôi đang ráo riết học thi mà vẫn gọi tôi. Giọng nó yếu và e dè qua điện thoại:

- Bạn có muốn nghỉ xả hơi một chút không? Tôi cần gặp bạn. Chừng một tiếng đồng hồ thôi.

Tiếng nói của nó khác thường làm tôi hơi hoảng, tỏ vẻ lưu tâm hỏi:

- Bạn có sao không? Trời lạnh để tôi đi đón. Bốn mươi lăm phút nữa nhé. Phải mất ít nhất mười lăm phút cạo đá trên kiếng xe.

Nó tỏ ý mừng. Tôi càng thêm lo ngại. Ít khi nó chịu cho tôi đưa đón, bảo cần đi bộ để vận động cơ thể.

Suốt đoạn đường trên xe nó không nói tiếng nào. "Nhân vật này mà ngưng nói thì chắc chắn có điều gì nguy biến lắm". Tôi nghĩ tôi phải phá tan bầu không khí lạnh ngắt bằng cách nói đi nói lại có một câu: "Đường trơn lái xe nguy hiểm".

Về đến nhà tôi pha trà ngồi chờ. Nó ngồi ủ rũ một lúc, rồi ngẩng mặt lên nhìn tôi nói:

- Bạn cầu nguyện cho cha Power giùm tôi nhé

Tôi là người rất hoang mang về chuyện cầu nguyện vì chưa thấu triệt tôn giáo nào cả nhưng cũng nhanh nhẩu gật đầu và sốt sắng hỏi:

- Ông ấy bị sao?

- Đã hai tuần qua không thấy cha ra làm lễ ban phước lành cho người bệnh. Bà bạn tôi cho biết bác sĩ nói bệnh ung thư của cha đang ở thời kỳ trầm trọng. Cha chỉ có thể sống cao lắm là hai tháng nữa thôi.

Nó run run theo từng lời nói, nước mắt rơi lã chã. Tôi thường nghe nó nhắc đến cha Power. Nó tìm thấy nơi ông niềm an ủi vô biên, nói ông là người tượng trưng cho sự trong sạch, giàu lòng vị tha, một tâm hồn cao cả, một khối óc quang minh. Ông là điểm tựa tinh thần và tình cảm của nó. Chúa nhật nào không thấy ông nó bồn chồn xao xuyến, lòng dạ không yên. Nó giải thích:

- Bạn đừng hiểu lầm. Tôi thương quý ông ấy như người cha. Nghĩ đến sự chịu đựng và lòng can đảm chiến đấu của cha trước cái chết gần kề để tiếp tục phục vụ tín đồ, lòng tôi đau như cắt.

Tôi thấy nó lâm nguy nhưng nó chưa muốn tâm sự nên chưa lần nào dám có ý kiến. Nhìn nó khổ sở như vậy tôi chịu không nổi, quên cả sự tế nhị, nặng lời với nó:

- Bạn muốn gì? Tám mươi tuổi, đau ung thư, sống dễ chịu lắm sao? Phải mừng cho sự ra đi của ông ấy chứ.

Nó ậm ợ nhưng tôi biết nó không nghe tôi nói gì cả vì nó cứ tiếp tục kể lể khi buồn rầu, khi vui sướng về những điều ông truyền dạy nó, về những bài thơ nó gửi cho ông. Nó viết cho ông hằng ngày, có khi hằng giờ, tả ra từng biến chuyển trong ý nghĩ, trong tình cảm của nó đối với ông, bởi ông là người gây lại niềm tin trong lòng nó, một người đã cứu nó ra khỏi cái mặc cảm tội lỗi nguyên nhân do cái chết của người chồng cũ sau hơn một năm ly dị. Có lúc nó tin rằng nếu nó cố nhẫn nhục chịu đựng, ở cạnh bên chồng lúc ông ta đau ốm thì ông ta chưa chết. Cha Power đã giải thích với nó rằng chồng nó chết là do ý muốn của Chúa. Thật ra nếu chồng nó yêu thương và hiểu nó thì đâu có chuyện nó bỏ đi. Nó ngưng nói một lúc, mắt nhìn xa xăm long lanh niềm hạnh phúc, nói lên điều mơ ước:

- Tôi tưởng tượng cùng cha đi dạo trên bờ biển. Gió ngoài khơi thổi vào lồng lộng. Những con hải âu bay thấp, và cha quàng vai tôi nói những lời trìu mến. Tôi mơ chuyện cùng cha ngồi trong quán nhỏ miền quê bên ánh nến, và cha nói với tôi về chân lý cuộc đời. Tôi viết cho cha kể hết những ước mơ của tôi. Tôi muốn cha cùng tôi tận hưởng những ngày cuối cùng còn lại của cha.

Tôi cắt lời nó:

- Rồi cha nói sao?

Nó ngập ngừng đáp, giọng yếu hẳn:

- Cha gửi cho tôi một bài thơ tôi không hiểu rõ cha muốn nói gì. Đại khái là cha không thể vượt qua cương vị của một người tu hành.

Tôi kết gọn:

- Rất tiếc Diane ạ, tôi đứng về phía cha Power. Ông ta đi gần trọn con đường đã vạch, ông ta đang đạt được ước vọng của mình. Bạn yêu ông ấy. Yêu như một người tình. Không cha con bác cháu lôi thôi gì cả.

Nó chống chế:

- Thật mà. Tôi chỉ nghĩ đến cha như một người cha.

Tôi giáng mạnh:

- Có đứa con gái nào gửi thư cho cha hằng ngày không? Lại còn đi trên bờ biển, thủ thỉ bên ngọn đèn. Rồi tới gì nữa, nếu không về sống chung hạnh phúc đời đời? Tôi nhắc bạn ông ta chỉ còn sống có hai tháng nữa thôi. Có thương quý ông ta thì để cho ông ấy yên. Bạn đang đau khổ, chán cuộc đời xấu xa, thất vọng vì những cuộc hôn nhân thất bại, nhìn thấy cha như vị cứu tinh là phải. Nhưng tới đó được rồi. Đi xa hơn nữa chỉ gây thêm phiền lụy cho cả hai. Vả lại... tôi nghĩ, giá như cha không còn đứng trên cao, rời bục giảng cùng bạn đi đến một nơi nào đó thì cha không còn là cha nữa, và rồi thần tượng của bạn lại sụp đổ.

Nó nhìn tôi trân trân, mồm há hốc. Nó chưa bao giờ thấy tôi ác với nó như vậy. Cái nhìn của nó bỗng trở nên lạnh và khô. Tôi thấy tự nhiên tôi với nó cách xa thêm một khoảng. Nó im lặng một lúc rồi nói như người bị bắt tại trận về một chuyện gì:

- Có lẽ bạn nói đúng. Có lẽ tôi dối lòng.

Tôi đổi giọng làm hòa:

- Tôi xin lỗi đã nặng lời với bạn. Nhưng tôi tin tôi khách quan hơn trong việc này. Hiện tôi không ở trong tình trạng yêu đương. Tôi chỉ lo đánh máy bài viết để nộp cho đúng hạn. Hơn nữa tôi trải qua những kinh nghiệm sống khác với bạn. Tôi đã bao lần gần kề cái chết. Trong bom đạn tôi từng chứng kiến cảnh xác người tan nát, và hình ảnh những bàn tay đẫm máu cố đưa lên xin cứu giúp còn in rõ trong trí tôi, cho nên những cuộc tình vô vọng đối với tôi đã trở thành xa xỉ, thừa thãi, phi lý. Bạn đang yêu thì khác. Yêu tốt thôi. Nhưng yêu không lối thoát, không nhìn thấy tương lai, tôi lo cho bạn.

Bẵng đi cả tháng trời nó mới liên lạc lại với tôi. Nó cho biết đang tập xa dần cha. Bắt đầu là ngưng viết cho cha. Nó nói cần ở với tôi ít hôm trước khi về thăm nhà. Tôi đồng ý ngay, biết nó đang muốn tìm an ủi trong tình bạn và tình gia đình.

Đã hai đêm liền tôi chập chờn mấy giấc vẫn còn nghe tiếng chân nó ngoài phòng khách. Nhằm lúc máy sưởi tự nhiên bị tắt, tôi có cớ ra phòng ngoài, đưa thêm mền cho nó. Nó quấn cái chăn bông ngồi trên sàn gỗ, ngẩng mặt nhìn ánh trăng vằng vặc trên cao. Tôi khẽ ngồi xuống

cạnh nó và lên tiếng trước:

- Không ngủ được sao?

Chờ mãi tôi mới nghe đáp:

- Bạn biết gì không, tôi đang nhìn thấy cha như hình ảnh Thượng đế trên cao, trong vầng trăng ấy.

Tôi cố tìm lời thông cảm, nhưng lại nghe mình nói một câu hỏi thừa:

- Bạn khổ lắm phải không, Diane?

Nhưng tôi ngạc nhiên nghe nó đáp:

- Không. Nhìn như thế đẹp hơn.

Mắt nó bỗng rời bỏ ánh trăng, quay lại nhìn tôi thổ lộ:

- Tôi gặp cha cách đây hai hôm. Xin một cái hẹn riêng trong phòng làm việc của cha.

- Có nói gì được không?

- Cha nói nhiều hơn tôi. Cha mừng tôi đỗ đạt và hứa sẽ luôn luôn cầu nguyện cho từng bước đi của tôi. Rồi cha ban phước lành cho tôi... Có điều lạ là tôi không hiểu vì sao cha nói cuộc đời cha có thể khác đi, trở thành một bác sĩ hay kỹ sư gì đó, nhưng cha chọn con đường tu hành và cha hài lòng về sự chọn lựa của mình. Cha nói rất nhiều về thời niên thiếu, khi còn là một học sinh xuất sắc về khoa học... Cha yếu lắm, cố gượng ngồi tựa lưng trên ghế... Tôi cũng không biết tôi sao nữa, lúc đó tôi không có xúc cảm nào rõ rệt và... tôi... tôi ngửi thấy mùi tử khí nơi cha. Bạn có hiểu tôi nói gì không? Cái mùi của người già đang chết. Tự nhiên trong giây phút đó tôi không còn rung động như bao lần khác đứng cạnh cha.

Tôi thầm kêu trời. Bạn tôi lại thất vọng vì cha chỉ là người chứ không phải là một vị thánh bất tử như nó muốn, một con người với những nuối tiếc về thời thơ ấu và sự nhận chịu sức tàn phá của thời gian. Khám phá này còn làm nó thất vọng hơn là không được cha đáp lại tình yêu. Tôi nghĩ thế nhưng không nói ra, chỉ bóp vai nó tỏ chút tình thân mến.

Sau hôm đó chúng tôi chia tay, hẹn vài tuần sau gặp lại vì tôi có việc phải vắng nhà. Lúc tôi trở về thì nó đã đi rồi. Tôi nôn nóng đợi tin. Soát hộp thư ngày hai bận. Tôi biết nó gửi đơn đi nhiều tiểu bang, nhưng cả hai chúng tôi đều hy vọng nó tìm được việc nơi tôi đang ở. Dù sao có

nhau cũng đỡ dần. Tôi bứt rứt trong lòng, mong đợi chán hoá ra giận hờn. Lại lo không biết nó ra sao.

Một hôm tôi bốc một bức thư màu vàng in chữ đỏ, giống như một tờ quảng cáo. Đầu thư có những câu như sau:

Tình thương của Thượng đế là tiếng cười
Là nước mắt
Là một chương sách mới
Trong tiểu sử của Con Ngài

Tôi chẳng hiểu sao cả. Đọc đi đọc lại nhiều lần mới biết nó viết chung cho tất cả những người quen thân, báo cho biết đã gia nhập một hội truyền giáo sang Phi châu dạy cho dân chúng miền quê mù chữ. Kèm theo bức thư có một mảnh giấy in hàng chữ thật lớn "Có cả phân nửa số người trên thế giới này không đọc được thánh kinh". Nó mong mọi người hãy cầu nguyện cho cuộc hành trình mới của nó và vì nó làm việc từ thiện nên chỉ xin ơn trên cho nó đủ sống qua ngày, kêu gọi sự giúp đỡ tài chánh của thân bằng quyến thuộc.

"Như vầy thì coi như đi tu rồi!" Tôi nghĩ. Đáng lẽ phải mừng cho bạn, con người phàm tục của tôi thấy buồn rầu vô cùng. Lại một thân một mình lưu lạc, còn qua đến tận Phi châu. Một con kiến cắn cũng rên mà về sống kham khổ nơi làng quê nghèo khó. Tôi chắc con người lý tưởng như nó rồi sẽ tìm thấy niềm vui trong hành động hy sinh cao cả của mình. Nhưng tôi lo lắng nó không thực sự hạnh phúc. Còn tôi nữa. Tôi mất bạn, lòng trở nên ích kỷ. Tôi bỗng nhớ lại lời nó nói với tôi ngày nào: "Thượng đế sinh ra người như tôi để không thuộc về ai cả mà thuộc về tất cả". Ý tưởng đó có lẽ làm cho nó an tâm đi nốt cuộc hành trình vào đời. Còn tôi ở lại một mình với bao nỗi bâng khuâng. Mỗi lần nhớ bạn tâm trí tôi hiện ra hình ảnh một người đàn bà tóc đã phai màu, vai vác ba lô sờn rách đi trên con đường hoang vắng. Bóng người đàn bà ấy nhỏ dần mất hút vào một chốn xa xăm...

Trần thị Kim Lan

7.7.89

Định Nguyên

MƯỜI HAI LỤC BÁT CUỒNG

1

Thơ anh Lục bát hoang đường
Nghĩa trang chôn cuộc tình buồn mai sau
Chữ thường hay nói dối câu
Mực hay tim tím để sầu cho thơ

2

Thơ anh không hẹn vẫn chờ
Tương tư ngã bệnh còn ngờ chưa thương
Cắm sào neo lại cuối sông
Tiếng tiêu cổ tích, nối buồn ca dao

3

Thơ anh vôi trắng, trầu cau
Môi hồng cắn chỉ, yếm đào trinh nguyên
Quen em từ thuở đánh chuyền
Lỡ vì cái núm đồng tiền cuồng si

4

Thơ anh gàn dở Đường thi
Lẳng lơ lục bát, dậy thì ngũ ngôn
Nhớ nhau thơ cứ mê cuồng
Nồng trong hơi thở, mặn dòng mồ hôi

5

Thơ anh ngày tháng rong chơi
Ngất ngư chờ đợi luân hồi kiếp sau
Những tình trên bộc trong dâu
Là tình nhớ đến bạc đầu chưa quên

6

Thơ anh trước lạ sau quen
Liêu trai sáu chữ, Hồ tinh tám lời
Gối. Chăn. Da. Thịt bồi hồi
Đêm đêm mở cửa đón người chiêm bao

7
Thơ anh ngoa ngoắt ca dao
Lần tay cởi giải yếm đào em cho
Ở nhà nàng lại đắn đo
Trong dâu em chẳng thẹn thò với ai
8
Thơ anh vết cắn trên vai
Về nhà mẹ gạn hỏi hoài không thưa
Bắt lên thề thốt trên chùa
"Con mà nói dối ông sư... trọc đầu"
9
Thơ anh dưới rặng trâm bầu
Áo quên khóc lóc qua cầu gió bay
Cầu vồng ở tít trên mây
Em vừa cởi áo gió bay cầu vồng
10
Thơ anh như ngọn cải ngồng
Lưỡi se vị đắng mà lòng ngọt ngay
Nỡ nào uống chén rượu cay
Lạy u rồi lại lạy thầy con đi...
11
Thơ anh si vẫn cuồng si
Nhưng không tiếng bấc, tiếng chì một ai
Suốt đời Lục bát thơ ngây
Sáu kia chẳng hận, tám này không đau
12
Thơ anh đôi mắt dao cau
Mười năm vẫn cắt lòng nhau xót hoài
Cảm ơn mướp đắng, gừng cay
Cho anh suốt cuộc đời này làm thơ

Định Nguyên
(Trích tập thơ Quê Hương.
Nhà xuất bản Văn Nghệ sắp phát hành)

Thường Quán

THÁNG SÁU

Tháng Sáu lướt qua thềm lửa lạnh
Trưa nối chiều cây trút lá ra đi
Sương hồng dâng ngõ đời ráo tạnh
Trào lên mắt đỏ lời gì
Đêm hát về một trận gió
Thổi ngược đầu những đóa cúc tàn
Ngày mẫu đơn nát ngực
Những búp sen trên đồng đỏ than
Vẫn nở lòng huyết dụ
Mùa thu gọi về bao niềm thương cũ
Ngày hè trên những con đường
Đá đen quê hương lầm lũi
Bơ phờ nón lá
Mái tóc bài thơ
Soi lên cửa nắng ảnh hình
Mộc mạc hiền từ bình dị
Hồ ao mất người
Ai đó? Còn sống, hay đã khuất?
Tháng Sáu đôi bờ sông đêm
Tay khum nến thắp
Gió gầy gò không nhà
Không thể trở về
Những mộng đòi ra đi thời xanh trẻ
Mong được đến nơi chân trời góc bể
Những quán đời khuya
Những mút chân trời đổ gục

Để làm gì bây giờ những khuya
Có những khuya nằm đổ gục, hởi gió?
Tháng Sáu nằm tiếc những thanh xuân tuẫn tiết
Dũng cảm đầu huệ
Thềm đá mùa xuân
Ở một nơi khác

2

- Có phải cuộc đời không thể đổi khác?
Trong khuya tìm đọc lại những bài thơ
Đã ngoài thời gian nắng khói hoen mờ
Hình dung một mảnh vỡ trường thành Trường An trở về
Chiều hôm Đỗ Phủ "Quốc phá sơn hà tại"
Nửa đêm Quỳnh Hải Nguyễn Du
"Cùng đồ liên nhữ..."
Binh lửa rụi tàn tro than lịch sử
Cánh đồng vắng rạc gió đi qua
Bên đường tiếng hát
Ai nghe? Còn ai nghe? Ngoài biển cát
Những chìm sâu...

•

Tháng Sáu mảnh trăng
Vẫn mọc lên
Bóng thỏ ngày non dại
Bao nhiêu thời đại đi qua
Người chết đi và sống lại
Vẫn một mảnh trăng thu nở cúc
Những con đường đá cổ đen mưa
Tiếng sáo tiếng hồ cầm
Trầm trầm thổi qua
Lướt đi - lướt đi - lướt đi
marcia funebre

Thường Quán

Như Chi

GIỮA ĐƯỜNG, NHÌN LẠI...

Tôi bỏ một đời làm tên ngu dại
Nhường khôn ngoan cho những kẻ tầm thường
Đời rối rắm làm sao tôi hiểu được
Chuyện bây giờ như chuyện của ngàn xưa

Tôi sống một đời như là đá cuội
Mưa vỗ về như nắng đốt cháy thân
Cứ để mặc cho rong rêu bám cội
Cho bao người dẫm dưới bàn chân

Tôi sống một đời như là tìm kiếm
Mà thâm tâm tuyệt vọng đã từ lâu
Rơi đây đó những dòng tư biệt niệm
Giữa đất trời tôi có biết gì đâu

Ai đang nói và đang đi đứng đó
Muôn triệu cuộc đời trong khoảnh khắc nhục thân
Muôn tội lỗi trong một làn hơi thở
Có hề gì đâu vạn nỗi băn khoăn

Tôi để một đời sống không là gì cả
Quá khứ không còn chẳng có tương lai
Cả hiện tại cũng không hề dừng lại
Bóng chớp hư không mây trắng lạc loài

Tôi để một đời làm người vô dụng
Tôi để một đời làm việc vô công
Xin với vô tâm đi vào cõi động
Làm một cơn mơ trong chốn hồng trần

Như Chi
7/1989

Trần Vũ

BÊN TRONG PHÁO ĐÀI

Cuộc sống của đám con gái trở nên khó khăn hơn từ khi chúng tôi chuyển sang công tác hầm mười một. Cuộc sống? Nếu có thể gọi hai mươi bốn tiếng đồng hồ chui rúc dưới lòng đất của lũ con gái là cuộc sống. Thế kỷ này thật lạ. Ngày xưa chỉ có những kẻ chết rồi mới vào nằm trong đất. Ngày nay những thây ma tranh nhau giành phơi mình trên đất nóng mùi lửa. Bọn sống sót còn thở chúng tôi, còn mang những gân máu dữ dội trong hố mắt, thì bò trườn lê lết trong những đường hầm hun hút thậm thượt. Thế giới đảo lộn từ khi thần chết biết bay, xuống bắt người từ những đám mây xanh an bình, tưởng hiền lành mà bất thần thả lao nổi chết vỡ vụn. Bọn con gái, những khi rảnh rỗi, ngồi kiểm điểm trao đổi những kinh nghiệm bản thân đã trải qua. Kinh nghiệm? Nếu gọi là kinh nghiệm cảnh tượng tất tả chạy trối chết băng đồng về điểm núp, bàn tay tê liệt không cầm nổi súng trong thử âm thanh lanh lảnh của đạn đại liên từ máy bay lên thẳng xối ào xuống ruộng. Tôi dường đã đánh mất từ khi chui xuống hầm mười một, cái cảm giác nóng bỏng của giọt nắng vỡ òa trên da thịt sợ hãi cháy phỏng lửa xăng. Không phải tôi không còn biết sợ mỗi khi máy bay địch tập kích. Mỗi khi trần tăng xê của hầm mười một vụt rung chuyển, lắc lư bần bật, thuốc đạn, bụi đất tung mù không khí và hơi nóng dồn xuống muốn nung chín mọi người co quắp run rẩy chịu đựng. Những khi ấy

dĩ nhiên là tôi biết sợ. Nhưng là nỗi sợ hãi trong bóng tối có màu đất đen quánh ngột ngạt, không phải sự sợ hãi bình thường của một con người đang chạy trốn, bị đe dọa nhưng còn trông thấy mặt trời và tin tưởng vào sức sống của cỏ cây, vạn vật chung quanh. Ở đây – dưới hầm mười một – không có cây, không có lá, không có mặt trời, không có mây và không có cả sự tự do chạy trốn. Chỉ có một đám người tê cứng tử chi thụ động chờ thần chết đem đi. Trong số những chiến sĩ du kích của huyện đội Củ Chi sống chui rúc dưới lòng đất, trốn những trận mưa bom không ngớt, liền liền, có bốn đứa con gái là Nhu, Phấn, Huệ và tôi.

*

* *

Hôm đầu tiên về công tác ở hầm mười một, tôi nhớ bọn con gái đã được chào đón hân hoan bằng nhiều khuôn mặt hồ hởi của các đồng chí nằm hầm bao lâu nay. Sự hồ hởi của họ hiển hiện rõ trong tiếng cười khàn khàn, gần như không thoát ra nổi khỏi hàm răng luôn luôn nghiến chặt kìm hãm nỗi xúc động thường trực, thường bùng nổ đột ngột ở mỗi trận bom. Lực – người cán bộ chỉ đạo của Mặt trận – cũng có giọng cười sền sệt co rút các cơ hàm khi bố trí chỗ ăn ngủ và chỉ định các khâu công tác cho chúng tôi. Hầm mười một quả là điểm nóng của tuyến đường ngầm 916B. Bọn con gái đã chịu thử thách ngay những giờ nằm điểm đầu tiên. Thoạt tiên là còi báo động. Thứ âm thanh gần giống với chuông báo thức thoát ra từ cái đài bán dẫn, được khuếch đại vang lên trong tất bật của cả một nhóm người nhốn nháo. Tiếng bom reo trong lòng đất kế đến mới thật kinh dị. Bọn chúng tôi nghe rõ mồn một thứ tiếng động mạnh của nhiều vật nặng xuyên xoáy vào lòng đất. Rồi tiếng nổ chát chúa ù tai dây chuyền trong lúc người váng đi, thân thể tung bắn lên trần hầm. Kinh nhất là sức ép trong lòng đất. Tám lá phổi của bốn đứa con gái như bị bóp dẹp, vò nát rách bươm từng mảnh. Những trận bom có thể bất chợt trong nhiều phút với tiếng nổ ầm ầm rồi kéo dài hàng giờ với tiếng vọng âm âm trong lòng đất, nhiều khi từ một nơi thật xa truyền lại còn giữ nguyên sức rung địa chấn. Chúng tôi co quắp ôm chặt nhau những khi ấy, với cảm tưởng thần chết đang bóp chặt lấy cổ họng. Đất đá từ trần rơi xuống lộp bộp, lấp đầy những cái miệng cố mở lớn để thu vào chút dưỡng khí. Cả bọn chỉ nhận ra người mình phủ đầy cát và một dòng máu đỏ lòm đang rỉ ra từ cánh mũi đen xì cáu bẩn đất sau khi cuộc đánh bom qua đi. Đời sống ở hầm mười một

quả là khủng khiếp, nếu còn có thể gọi là đời sống.

Nhưng rồi ở đâu thì con người cũng tìm cách thích nghi với môi trường mới. Chúng tôi quen dần với những trận đánh bom. Quen với những luồng hơi nóng hừng hực của bom xăng đặc ném dội xuống, đôi khi nồng mùi hóa chất của bom lân tinh phả xuống hầm. Quen với những tuyến đường ngầm đào theo hình chữ L, sâu xuống thành hình chữ E và tẽ ra thành chữ K chạy zích zắc nối liền nhau bằng các hầm chắn an toàn để đầy than đá, vôi sống và sỏi cát để lọc khói mà địch thường bơm xuống từ một nắp hầm bị khám phá. Bốn đứa con gái quen với cả tính tình và vóc dáng những người du kích huyện đội. Hai ống chân ghẻ chốc của Tính, khuôn mặt phù thủng của Lập, bệnh sốt rét kinh niên của Chiến hay vết thẹo dài sâu hoắm giữa lưng Lực... Chúng tôi học sống và chiến đấu dưới lòng đất. Nhu – đứa con gái mười bảy tuổi – được chỉ định làm giao liên, biết mò mẫm trườn bò di chuyển trong những lộ tuyến nhỏ bằng lỗ chó chui, biết luồn lách trong những khúc hầm nguy hiểm nhất và ngửi ra mùi khói ngạt mà bọn Mỹ không ngừng ném, phun, xịt vào lòng đất. Nhu thường buộc lại búi tóc trễ xuống vai, ném về chúng tôi cái nhìn trìu mến trước khi biến mất vào trong bóng tối của những con đường hầm đen thẳm, để dẫn đưa hay đón người tới từ những hầm chung quanh. Chẳng thế mà tập thể đã bình bầu Nhu là chiến sĩ giao liên tiên tiến, tặng danh hiệu anh hùng làm vẻ vang cho cả bọn. Phấn thì khác. Đứa con gái mười chín tuổi sinh đẻ ở Củ Chi rành rẽ, sành sõi, nhớ mặt từng Dân vệ trong vùng. Phấn còn là tay bắn cừ khôi của hầm. Mỗi đêm Phấn theo Lực và tổ du kích rời hầm đi đắp mô, thâu thuế và tấn kích một vài đồn bót Ngụy ven khu vực. So với Phấn, Huệ mập mạp đẫy đà, có nước da xanh nhợt, trắng bệch vì là đứa sống lâu nhất dưới mặt đất. Tuy thế Huệ công tác tốt ở khâu chị nuôi. Và cả tôi nữa – đứa con gái tên Nhật – vào đời với may mắn chưa bao giờ phải sống trong vùng tạm chiếm của Ngụy. Mỗi ngày tôi ngồi trước máy, phụ trách khâu hiệu thính điện đài, tháo rỡ, cắm rút mấy chục cái phích để liên lạc với các hầm số chín, mười ba, mười lăm... báo cáo tình hình và hội thảo phương án chi viện cho một điểm nóng nào đó nếu cần. Tôi còn nghe ngóng đêm cũng như ngày, tất cả những động tĩnh trên đường dây điện đàm của địch và trình cho Lực nắm những mẩu tin xếp loại A. Những khi tôi ngủ, tự động Phấn hoặc Nhu ngồi vào bàn thay thế. Chúng tôi sống với tuổi trẻ và chiến đấu

bằng niềm tin mãnh liệt rằng ngày tổng công kích sắp đến...

*

* *

Thế giới của côn trùng, của giun dế, tuy thế cũng có những ngày êm lắng và bình yên. Máy bay địch hay gã thần chết hiểm ác dường như không mấy thích bay lượn những ngày mưa. Mỗi bận nghe tiếng sấm rền vọng ngân trong lòng đất, Phấn cong môi mỉa mai rằng giặc lái sợ ướt bộ đồ bay đẹp của chúng khi phải ra sân bay dưới cơn mưa nặng hạt. Nhu thì nói dối những hôm trời tầm tã thế này, thể nào cóc nhái và ễnh ương cũng ra chào cô trong những đường hầm ngập nước. Huệ càu nhàu than củi ướt quá, khó nhen lửa bắc lò. Và tôi – con Nhật hiệu thính – bộ tịch hờn mát trời gầm làm đường dây nghe không rõ. Ngoài miệng nói thế, nhưng trong thâm tâm lũ con gái mong mưa như đất hạn mong nước. Ai hiểu cho bọn con gái những khó khăn thầm kín, những vấn đề vệ sinh bản thân mà bốn ca nước tiêu chuẩn mỗi ngày không đủ thỏa mãn cung ứng. Chúng tôi túa đi, thi nhau hứng những giọt nước trong suốt rỉ nhiễu từ những rễ cây mọc len lỏi trong đất. Tiếng động lốp bốp vui tai của giọt nước vỡ, đôi khi làm người ta quên mất đang sống trong thế giới của loài trùng đất. Riêng tôi cứ tưởng đâu mình hãy còn dưới mái nhà lá dột phất phơ của gia đình. Bốn đứa con gái vụt trở nên trẻ thơ, đùa giỡn tạt nước vào nhau từ cái vại nước hứng đầy. Bọn chúng tôi gội đầu và chà mình trong góc hầm giăng bạt. Sau những buổi tranh thủ tắm đột xuất như thế, tóc Nhu óng ả mượt mà hẳn lên, thôi dính bệt từng mảng bùn đỏ ké "thu hoạch" được trong những chuyến giao liên. Da thịt Huệ cũng hồi sinh, nuột nà bay mất mùi bếp và tro than. Tôi tìm cho mình cái thú ngồi tựa lưng vào vách hầm mát lạnh, thấm loang loáng nước mưa rỉ rả nghe Nhu thủ thỉ kể những mẩu chuyện góp nhặt từ các hầm khác. Đôi mắt của mọi người long lanh bị kích thích khi nghe Nhu kể một cảnh cứu đất sập ở hầm mười bốn. Cả bọn nén tiếng thở chờ đợi Lực kể tiếp một vụ xử lý linh động thằng trưởng ấp chiến lược bị Mặt trận bắt được. Huệ luôn đãi cả hầm một ấm chè tươi với bánh đậu mà hậu phương lớn miền Bắc gởi vào khích lệ nhân dân Nam bộ, sau những lúc hàn huyên thân mật ấy.

Nhưng thời gian dưới mặt đất qua mới chậm. Giọng đùa cợt khúc khích của bọn con gái lơi dần. Khuôn mặt của những người du kích trở lại lầm lì, lạnh đá. Đêm cũng như ngày chỉ có một ánh đèn dầu vàng lu,

vặn nhỏ tim leo lét, soi loe hoe dăm cái bóng lúc chao nghiêng ngả, lúc đứng sững dán in lên vách. Những háo hức ban đầu của lũ con gái vừa khám phá ra mặt chìm của đời sống dưới lòng đất qua nhanh như cuộc tắm mưa ngắn ngủi. Thời gian biến thành sự bồn chồn chờ đợi. Tai vểnh lên nghe ngóng rình rập một tiếng động lạ. Mười ngón tay bứt rứt cào sước trên mặt đất. Những kích thích tột độ của một bản tin chiến thắng, số máy bay Mỹ bị bắn rơi trong ngày. Sự lo lắng chu toàn khâu công tác của mỗi người, những chiếc võng treo hối hả trên vũng nước ngập lõng bõng của hầm ngày mưa bão và cả nỗi sợ hãi điếng người khi địch vãi bom cày xới mặt đất, cũng không đủ giúp thời gian trôi nhanh hơn. Ngày dưới hầm mười một là một khối lê thê, dài thậm thượt hun hút như con đường ngầm sâu hoắm, bất tận, nuốt chửng mọi sinh vật. Nhóm con gái chỉ phân biệt được đêm ngày ở cây kim đồng hồ đánh tích tách dưới trần hầm đen cứng. Ngày đến với tiếng khạc nhổ của một du kích bị loét bao tử thức sớm. Trưa là tiếng đằng hắng của Lực triệu tập phiên họp bồi dưỡng chính trị. Chiều xuống thêm một buổi học tập cách thức bám trụ, chống càn trong chiến tranh giải phóng. Đêm về, trả lại tiếng tra đạn lách cách của tổ du kích khi rời hầm đi hoạt động. Chừng ấy tiếng động tẻ lặng, ngần ấy cử chỉ rời rạc của từng người diễn ra trong ánh đèn dầu vàng bủng màu nghệ. Một tuần, một tháng, một năm... tiếng cười trong vắt của Nhu dục dần, cũng trở nên khàn khàn kìm hãm. Giọng hát cao vút của Phấn thấp đi, không còn chuyên chở hết lửa nhiệt tình của những bài ca đấu tranh của Mặt trận. Và tôi – ở trần hầm im phắc – tôi bắt đầu trông thấy những đốm thao thức lớn dần, loang loáng nhiều ý nghĩ lạ. Ngày tổng công kích vẫn chưa đến, nhưng những bồn chồn nóng nảy trong lòng mọi người chừng đã chín mùi ghê gớm lắm rồi. Hànội, hậu phương lớn – pháo đài của niềm tin – trong bản tin cuối cùng đang chịu những trận bom khốc liệt.

*

* *

Những trận bom khốc liệt tiếp tục một năm, thêm một tuần, thêm một tháng, thêm nhiều tháng... trong ngột ngạt thường trực của căn hầm ngộp hơi, thiếu dưỡng khí. Cảnh tù quẩn bít bùng chìm sâu dưới lòng đất để làm con người ta nếu không phát điên, cũng chẳng còn bình thường. Điều kỳ lạ là lớp vỏ bên ngoài của những con người nằm hầm, nếu có vẻ vượt qua được thử thách để sống sót trong một môi sinh khắc

nghiệt, thì cái phần bên trong của con người ấy hoàn toàn bị hủy hoại. Tôi chứng kiến đầy đủ, gần như trọn vẹn sự thoái hóa của những du kích bị tước đoạt ánh mặt trời.

Chuyện tranh chấp giữa Huệ và Phấn khởi đi từ một ve dầu dừa cỏn con. Một bận sau phiên trực máy, buông mình xuống mặt chiếu tìm giấc ngủ bồi dưỡng, đang lim dim, tôi chợt nghe tiếng Huệ vọng lên chua và sắc.

– Gớm! Sao tóc thơm mùi dầu dừa thế! Lại lấy trộm của tao đấy phỏng?

– Tôi không lấy trộm của ai!

– Thế ở đâu ra? Ăn cắp còn chửa nhận thì thôi!

Có lẽ chính những cặp mắt đổ dồn về làm Phấn tự ái. Đứa con gái được tập thể biểu dương có tính triệt để cách mạng trong công tác, vụt hung hãn như thể tìm thấy đích bắn lúc hươi nòng súng.

– Mày bảo ai ăn cắp, con kia?

– Tao nói đứa đầu hôi như cú không dám cho trai ngửi!

Tiếng "bộc" khô khan từ nắm tay Phấn bất ngờ thoi vào mặt Huệ không kịp lường trước. Huệ ngã bật ngửa sõng soài ra bếp, nhưng trước tập thể, Huệ không muốn mình yếu thế vùng ngay dậy, tiện tay chụp thanh củi tạ phang mạnh vào người Phấn. Hai đứa con gái tru tréo the thé, chửi bới đào mả, thóa mạ dòng họ của nhau. Huệ và Phấn xô đẩy, đấm thụi, bứt tóc, cào cấu gầm rú trước mặt đám đàn ông dửng dưng như đang xem diễn tuồng. Lúc Lực can cả hai ra và lớn tiếng phê phán tác phong, đạo đức của hai người, thì Phấn và Huệ đã tả tơi, bầm dập mình mẩy. Huệ chui vào xó bếp lẩm bẩm chửi rủa. Phấn ôm đầu tóc rối bù với một bên má bầm tím ra ngồi ở đầu hầm, mài lưỡi lê soành soạch bằng hai bàn tay nổi gân chai đá. Không khí ngột ngạt nghẹt thở. Tôi nằm im giả vờ ngủ. Nhóm đàn ông quay mặt lại làm như không thấy gì, nhưng trong ánh đèn dầu vàng lu, một vài khóe môi nhếch lên kỳ lạ. Thái độ chần chờ trước khi can thiệp của Lực cũng kỳ lạ. Đám ruồi xanh bay vo ve trên nền đất. Một con chuột xạ chạy vụt qua hầm. Tôi nhìn thấy ở trần nhà, dáng nằm thụ động của chính mình. Tại sao tôi không nhào vào can gián, giải hòa cho hai con bạn gái cùng tổ? Tại sao mấy anh du kích cười mỉm thích thú? Con chuột lại bò ra giữa hầm tha theo mẩu bánh, không ai buồn đuổi. Tiếng chuốt lưỡi lê của Phấn tiếp

tục vọng lên, sắc nhọn, đều đều.

Từ ve dầu dừa cỏn con, sự giận hờn mau chóng biến thành mối thù truyền kiếp. Phấn và Huệ nói xấu công khai, trắng trợn, sau lưng nhau. Nhiều lần Phấn rình rập lén trút muối vào nồi canh, đổ thêm nước vào chảo cơm Huệ đang nấu. Bữa trưa, bát canh bí lưa thưa vài con tôm khô, trở thành mặn chát. Chảo cơm gạo lức nhão nhoẹt. Huệ sượng sùng, lầm lì cúi gầm mặt ngồi ăn giữa những anh du kích xếp bằng tròn cũng giận dữ, và từng đũa cơm vữa vào miệng. Chỉ hai lần như vậy đủ để Huệ bị đưa ra kiểm điểm trước tập thể. Chỉ một miếng ăn không ngon mà Huệ bị những đồng chí còn coi nhau khắng khít hơn anh em hôm qua, đem ra phê phán gay gắt. Nhưng Huệ đủ khôn lanh để tìm ra ngay thủ phạm. Cái hôm mà mọi người đi khuân đạn bên hầm mười chín, chỉ còn hai đứa ở lại trực phiên, tôi bắt gặp Huệ chui rúc trong góc hầm đang mài miếng chai rắc vô bi đông nước uống của Phấn. Ánh mắt Huệ mới đầy chết chóc và hiểm ác khi Huệ ngửng lên trông thấy tôi đang đứng nhìn nó. Huệ nhìn tôi đằng đằng sát khí, như thể chỉ cần tôi lên tiếng, làm một cử động nhỏ là nó sẽ giết chết tôi ngay. Tiếng động cà rèn rẹt từ hòn đá mài dao, mải miết không ngừng phát lên nơi bàn tay béo mập của Huệ. Tôi bị ánh mắt thôi miên của đứa con gái bấu chết trân tại chỗ cho đến khi nó làm xong, hoàn tất cái công việc ám hại có chủ đích.

– Quỷ tha ma bắt nó đi!

Huệ cà xong miếng chai, đến đứng trước mặt tôi chờ đợi một phản ứng. Khuôn mặt Huệ vẫn đầy vẻ đanh đá và hiểm ác khi thốt ra câu nguyền rủa độc địa.

– Mày là đồng chí của tao. Phấn, nó là một con quỷ!

Tôi đứng yên như một xác chết. Đứng yên vì sợ hãi cái hành động giết người của Huệ hay vì biểu đồng tình? Tôi cũng không biết rõ. Tôi chỉ biết mình ghét Huệ nhưng không đủ can đảm có một phản ứng nào cả, ngay cả một lời nói. Huệ gật gù tỏ vẻ hài lòng, đưa một bàn tay – cái bàn tay phải đã cầm cục đá mài khi nãy – lên vuốt má tôi trìu mến.

– Tao có tranh thủ cất riêng tí đường, nấu bát chè mình cùng ăn.

Nói rồi Huệ quầy quả treo bi đông nước lại chỗ cũ, bước ra xó bếp nhen lửa, bắc nước nấu chè. Với Huệ mối thù đã trả xong. Tôi nuốt chất lỏng ngọt với ý nghĩ mình vừa bán nhân phẩm để đổi lấy một bát

chè.

Sau hôm đó, thời gian đối với tôi càng trở nên dài hơn. Tất cả ngưng lại, nặng chì ở cây kim giờ đứng yên, cây kim phút không di chuyển và kim giây đánh tích tách, tích tách liên hồi chừng vang xoáy muốn đâm thủng bốn vách hầm. Tim đèn dầu thường trực soi bất động thứ ánh sáng vàng khè. Từng chập những tiếng thở ngắt quãng mệt nhọc của Chiến bị bệnh sốt rét hành hạ. Lâu lâu, tiếng chân dồn dập của bầy chuột xạ lại chạy rần rần vang rân trong khúc đường hầm không người ở. Phấn bắt đầu kêu đau bụng một buổi tối, rên rỉ kêu sót ruột và dạ dày. Tình trạng sức khỏe của Phấn nhanh chóng suy xụp, thường hay bị sốt liên miên và tiêu ra máu. Phấn không còn đi kích với những người du kích nữa, mà nằm liệt trên chiếc võng ny lông, đong đưa kẽo kẹt hai mươi bốn tiếng. Lúc thức, lúc ngủ, Phấn rơi dần vào tình trạng hôn mê bất thường. Điều lạ lùng là cả hầm thụ động chứng kiến, không ai biết phải làm gì. Chỉ có Huệ vụt trở nên thành khẩn, hăng say chăm sóc cho người bệnh. Cặp mắt Huệ long lanh sung sướng mỗi khi được đút cháo cho Phấn. Thái độ đóng kịch sỗ sàng của Huệ chỉ đem đến cho tôi những cơn ác mộng hãi hùng trong giấc ngủ. Tôi thường mơ thấy một bắp chân đứt lìa, một cánh tay lênh láng máu và tiếng thét của Phấn the thé vang vang trong giấc mơ. *A! Con Nhật, mày đồng lõa!* Lần nào cũng vậy, tôi giật bắn mình choàng tỉnh, người tướp ướt mồ hôi. Căn hầm hầm nóng ngộp hơi đến tắt thở. Chiếc võng nơi Phấn nằm đu đưa như có bàn tay vô hình đẩy. Cây đèn dầu vẫn cháy thoi thóp. Cặp mắt Huệ luôn ở đó, rình mò theo dõi. Và nước ở đâu nhiễu giọt lỏng tỏng, vang vang trong góc hầm. Tiếng động của giọt nước vỡ, được khuếch đại nặng nề như tiếng chân thần chết. Đêm hay ngày đều kéo lê sự hoang vắng rùng rợn của chính nó.

*

* *

Nhưng Phấn không chết như Huệ mong muốn. Chỉ nằm đó, dật dờ oằn oại và lả đi trong bóng tối của căn hầm ngày càng nặng nề âm khí. Xuất sáng không rõ từ lúc nào, thường vọng lên tiếng chửi rủa giữa những người du kích với nhau. Những câu tục tằn, thô bạo gán ghép cho nhau chỉ vì một bi tbuốc lào, một xị rượu đế. Giấc trưa và chiều, những khuôn mặt gật gù hạ quyết tâm máy móc. Lực tiếp tục lập đi lập lại phương án chống càn mà chúng tôi đã thuộc nằm lòng. *Phản kích,*

vây ép. Bám trụ, bám chắc. mánh chậm, đánh tối. Bắn trúng, bắn bời. Kiên trì diệt Mỹ, giải phóng miền Nam. Nhân dân nhớ ơn, miền Bắc chi viện... Một buổi tối, tổ du kích trở về thiếu mất Lập và Tính. Lực lạnh lùng phát âm hai chữ *"hy sinh"* rồi thản nhiên ra lục cơm nguội. Tôi chợt nhớ có một lần Phấn kể, khi công tác những người bị thương đều không được phép mang về hầm, phải linh động xử lý. Thứ nhất chúng tôi không có đủ thuốc men để săn sóc người bị thương. Thứ nhì cảnh tượng hấp hối của một đồng chí có thể gây tác hại, giao động tinh thần cho hầm. Phấn đã kể chính tay Lực đã kê súng vào đầu Thọ, khi anh Thọ bị đạn vào đùi không chạy được nữa. Nhớ đến câu chuyện của Phấn, tự nhiên tôi nghĩ đến cảnh Lực linh động giải quyết Lập và Tính. Tôi rùng mình trong xó hầm đen tối. Bất giác tôi quay đầu nhìn về chiếc võng của Phấn, vẫn đu đưa im lìm. Bao giờ thì Lực mới quyết định giải quyết trường hợp của Phấn? Đứa con gái rõ ràng không còn khả năng chống Mỹ. Khoảng thời gian này, đột nhiên giặc lơi ném bom. Đã lâu chúng tôi không còn sống cái cảm giác sợ hãi chờ thần chết đến bắt đi trong cơn địa chấn của lòng đất. Làm như con người ta chỉ yêu thương nhau khi kề cận nỗi chết. Từ lúc máy bay địch ít bay qua vùng, tự dưng ở đâu bao tị hiềm nhỏ nhen vụt bật ra trong cảnh sống của hầm mười một. Miếng ăn, miếng uống, thư nhà, dè bỉu trong công tác trở thành nguyên do của sự xâu xé. Nhưng trầm trọng hơn là ánh mắt nhìn chăm chăm của đám du kích lên thân thể ba đứa con gái, mỗi khi tụi tôi giăng bạt tắm mưa. Sau lớp vải, bọn con gái chịu đựng âm thầm chục đôi mắt đang nhìn chòng chọc về phía mình.

Chuyện xảy đến cho Nhu như một tiến trình tất yếu. Lần đó Nhu được chỉ định đi giao liên với Trọng. Lúc trở về người Nhu như mất hồn, đôi mắt khiếp đảm và vẻ mặt đau đớn. Chuyện gì đã xảy ra cho Nhu trong khúc đường hầm đen đặc ấy? Xác một *"con chuột"* – như bọn Mỹ vẫn gọi những du kích đường hầm – chết lâu ngày sình thối bất ngờ ngã đè lên người Nhu? Hay Nhu bị bò cạp cắn? Tôi đỡ lấy Nhu, con bạn gái mà tôi thương yêu nhất, chú thỏ đất của tôi ngã rũ rượi ra chiếu, mắt nhìn nghiêng và đôi môi mím chặt. Nhu cương quyết dấu nhẹm câu chuyện kinh khủng đã xảy đến cho cô, trong tuyến đường ngầm với Trọng. Trọng cũng không giải thích điều gì, tảng lờ coi như không có chuyện. Sau hôm ấy ở Nhu không còn sự tinh anh, tươi tắn, trẻ trung yêu đời của tuổi mười tám. Nhu lầm lì không nói chuyện với ai, câm

như hến kể cả với tôi. Giống như Nhu không còn tha thiết với cuộc sống nữa, vì đã đánh mất cái phần quý giá nhất của một con người. Liên tiếp nhiều đêm sau đó, trong giấc ngủ tôi nghe tiếng thở của Nhu trăn trở, gần như phiền não. Làm như trong tiếng thở có sự ẩn ức, nhục nhã không nói nên lời. Rồi một đêm bất ngờ tôi thức giấc. Ở chiếc chiếu kế bên, nơi Nhu nằm, tôi bắt gặp một bóng đen trườn tới, đè lên mình Nhu. Đứa con gái kháng cự yếu ớt, hai cánh tay của bóng đen săn chắc chống xuống mặt chiếu, một thân hình loang loáng mồ hôi lên xuống nhịp nhàng trên người Nhu. Tiếng thở của bóng đen dồn dập, hào hển. Tiếng thở của Nhu rên rỉ, đau đớn nhiều hơn là khoái lạc. Căn hầm tắt đèn tối om. Tiếng muỗi vo ve và tiếng cử động nhẹ của hai thân hình chập chờn trên mặt chiếu. Tôi không nhận rõ mặt người du kích, nhưng đoán là Trọng bởi cái lưng chắc khỏe, bả vai cuồn cuộn thịt. Tôi nhìn sững họ ở chỗ nằm. Lần đầu tiên tôi chứng kiến một cảnh tượng như thế. Độ năm mười phút thì Trọng rời ra khỏi Nhu, bò về chỗ ngủ. Cái hình ảnh gian díu vụng trộm đó diễn ra hằng đêm, cho tới một hôm tôi chợt khám phá ra không phải chỉ mình Trọng ăn nằm với Nhu, mà là cả nhóm du kích. Vết thẹo giặc chém sâu hoắm trên lưng Lực, nổi ửng một bên đen trong đêm. Tấm lưng trần xương xẩu của Lực cũng lấm tấm mồ hôi chảy nhiều xuống da thịt trắng tươi của Nhu, luôn luôn nằm thụ động chịu đựng. Đôi chân khẳng khiu của Vượng, đôi chân ban ngày có nhiều mụt đỏ lốm đốm, ban đêm duỗi thẳng song song, làm đà chống cho thân hình Vượng vồ vập lấy Nhu. Ngực tôi bị nghẹn, trái tim đập mạnh muốn vỡ tung lồng ngực. Tôi cùng chịu đựng với Nhu hoạt cảnh thô bỉ của mỗi đêm. Thời gian qua Nhu phờ phạc đi trông thấy. Mắt thâm quầng và mặt hốc hác, da xanh mướt. Trong một buổi kiểm thảo, Lực phê bình Nhu thiếu tích cực trong công tác. Nhu ngồi bó gối cúi mặt. Huệ lim dim thích thú và tãi nép sát vào vách trốn tránh. Bầy ruồi đậu trên những bắp chân trần của đám du kích. Những bắp đùi hằng đêm chống trên mặt chiếu của Nhu. Tôi bỗng thấy mình may mắn vì không có nhan sắc. Tôi cũng thấy mình ích kỷ vì không dám lên tiếng bào chữa cho Nhu. Tạm thời họ để yên tôi và Huệ, vì chúng tôi xấu, vì Nhu trẻ đẹp hơn, tất nhiên. Đêm đó Nhu thở khá lớn, chừng như để chứng tỏ mình tích cực hơn. Sáng hôm sau, Lực tỏ ra thỏa mãn, phấn khởi thôi hằn học và lần đầu tiên quyết định cho Phấn biên chế sang hầm bệnh xá, nghe đâu Phấn phải mổ một khúc ruột nhưng sống sót.

Từ lúc Phấn rời hầm, Nhu ít nói như người câm, Tĩnh và Lực hy sinh, hầm mười một ảm đạm hơn một nhà mồ. Không ai còn hàn huyên với ai. Chỉ có những câu trao đổi ngắn vì nhiệm vụ, thật vô hồn. Dần dà mọi người biến thành những xác chết biết bò, trườn, chui, len lỏi trong lòng đất. Những cái xác chỉ thật sự sống vào bữa ăn, tranh nhau lùa cơm vào miệng, và nhai nuốt chửng khúc cá khô nhanh hơn một con thú. Bình thường trong ngày thì mọi người giam mình vào lớp áo quan riêng, khép kín, nhìn lên trần hầm bằng đôi con ngươi thiếu sự sống. Tôi trực máy nhiều hơn. Tôi xa lánh tập thể xung quanh, muốn nghe thấy một giọng nói khác, của một con người sống đúng nghĩa trên đường dây. Nhưng ở các hầm khác, những mẩu đối thoại rập khuôn tương tự cũng chỉ là những mẩu chết. Chỉ trên đường dây điện đàm của Ngụy là có sinh khí. Tôi thường say mê cắm những cái phích, nghe ngóng rình mò các đường dây liên lạc của Ngụy. Tôi thường hay bắt được cùng một tiếng nói của một người lính. Tiếng nói giọng thành phố còn trẻ, đùa giỡn trên máy. Tôi thích thú theo dõi giọng cười của người lính vang vang sảng khoái, anh ta kể những câu chuyện mà tôi chưa bao giờ được nghe. Người lính có vẻ nghệ sĩ, lâu lâu hát tặng bạn bè trong máy. Bản nhạc lạ, có âm hưởng lúc vui tươi, khi buồn mang mác xa vắng, nhưng tuyệt nhiên không có sắt thép và máu trong lời nhạc. Giọng người lính ấm ngọt ngào bên tai. Đã từ lâu tôi không còn trình lên Lực những mẩu tin loại này, vì Lực đánh giá tầm phào không có giá trị quân báo cao. Nhưng rõ ràng mỗi ngày tôi một say mê, trở nên thích thú, gần như sung sướng được nghe trộm những câu chuyện trao đổi giữa họ. Một câu chuyện vui, có khi là một chuyện tình được kể với thương yêu bùi ngùi và có khi chỉ là những tâm sự bâng khuâng thao thức của người lính. Nhiều lúc tôi có cảm tưởng người lính đang ngồi ở ngay trên nóc hầm, mở máy truyền tin nói chuyện với bạn bè. Giọng anh ta rõ mồn một. Tôi có ý nghĩ kỳ cục là chỉ cần trổ nóc hầm là tôi có thể trông thấy mặt mũi người lính. Hôm nào trời mưa bão, đường dây bị sấm ù nghe không rõ, hay những hôm người lính lười biếng không lên máy, tôi cảm thấy thật thiếu thốn, bứt rứt chờ đợi trong lòng. Tôi quen giọng nói anh ta đến nỗi, chỉ cần nghe một câu vô thưởng vô phạt là tôi đoán ra được người nói chuyện, đề tài sắp bàn tới. Thường thì người lính kể về thành phố anh ta sống, lớn lên trước khi gia nhập quân đội đánh thuê. Lâu lâu anh ta nhắc về một kỷ niệm cũ, ở góc quán cà phê thơ mộng, hay sau

buổi xem hát dưới phố. Điều kỳ lạ là trong cái thành phố đó không hề có cảnh đàn áp, áp bức của chính quyền tay sai Mỹ. Cũng không bao giờ tôi nghe người lính nhắc về một cảnh bóc lột nhân dân lao động của thành phần thống trị tư bản. Người lính chỉ nhắc những vừng hoa giấy sặc sỡ màu sắc, một cổng trường trung học tưng bừng phố xá hay về một người con gái nào đó mà tôi đoán là người yêu. Lần lần tôi khám phá ra họ không phải là những tên đồ tể điên cuồng bắn giết như chúng tôi tưởng. Trong những mẩu chuyện của họ, có cái gì đó thật thơ mộng, đôi lúc lãng mạn mà không thể tìm thấy trong câu chuyện của những người du kích. Họ cũng biết chua xót đau đớn cho đất đai bị tàn phá. Tình cảm tôi dành cho người lính nhen nhúm, nẩy sinh đến lúc nào không hay. Có khi tôi có cảm tưởng người lính biết tôi đang rình rập nghe lén anh ta và anh trả lời cho tôi nghe.

– Sao tôi thèm nói chuyện với một người con gái quá ông à! Kỳ này lữ đoàn cho mình lội kỹ quá, mãi không được về.

– Ừ, hành quân hoài chán quá. Nghe đâu còn đóng dài dài.

– Tôi nhớ cô hàng cà phê quán Nguyệt Cầm quá. Ông nhớ bồ không?

– Đang nhớ héo hon đây. Ông có cây guitare đó không? Hát tôi nghe một bản đi.

– Bản gì?

– Gì cũng được.

– Ông nghe tôi hát bài Không tên số Bốn của Vũ Thành An chưa? Bài có câu *đời con gái cũng cần dĩ vãng, mà em tôi chỉ còn tương lai* đó?

– Chưa, hát đi.

Người lính của tôi cất tiếng hát. Giọng ấm rung thật truyền cảm. Khi ngân giọng hát khao khao, lúc xuống thấp buồn da diết. Tôi uống từng lời hát, nuốt từng nốt nhạc tây ban cầm. Chưa có ai hát cho riêng mình tôi nghe một bản nhạc trữ tình hay như thế. Thường thường các anh du kích hát tặng chúng tôi trước tập thể, nhưng đều là những bài ca tranh đấu sôi sục, không hề có âm hưởng tha thiết và tình cảm như người lính đang hát. Giọng hát trầm ấm theo đường dây điện đài vào thẳng tim tôi và ngừng ở đó. Trong máy có khoảng im lặng một lúc, rồi người lính chuyện trò trở lại.

– Buồn quá ông ơi.

– Biết làm sao?

– Ê, này ông đã gặp Việt cộng cái chưa?

– Cái gì?

– Việt cộng cái, nghe nói có nhiều đứa thơm lắm!

– Cám ơn, tôi có bồ rồi, để phần ông!

– Chết cha, thôi tôi gác máy, thẩm quyền tôi tới!

Tiếng rè rè trên đường dây và mẩu nói chuyện ngưng ngang ở đó. Trở về manh chiếu của mình, tôi nằm xuống ngó lên trần và thấy ở đó một khuôn mặt. Tôi cố mường tượng ra người lính Ngụy, không phải với hình ảnh ác ôn mà chúng tôi được học tập, nhưng bằng giọng hát khi nãy còn đeo đuổi bên tai. *Đời con gái cũng cần dĩ vãng, mà em tôi chỉ còn tương lai*...Anh ta có biết tôi chưa hề có dĩ vãng? Còn tương lai? Tôi đâu nhìn thấy gì ngoài cái trần hầm đen đủi trên đầu mình. Tôi đã sống dưới lòng đất hai năm rồi. Hai năm của tuổi thanh xuân, để đến một lúc nào đó phải làm công tác như Nhu. Người lính có thực sự muốn gặp chúng tôi? Tôi sẽ bắn anh ấy? Và anh ta bắn tôi, ai là kẻ bắn trước?

Ý nghĩ hỗn độn trong đầu tôi. Tim đèn dầu vàng lu. Căn hầm tối thê lương. Đám du kích sống dật dờ. Một đứa con gái chỉ chực sinh sự, một đứa con gái hiến thân cho cách mạng ở nghĩa đen và một đứa con gái chao đảo, tương tư một giọng hát. Không còn những trận bom ác liệt. Không còn những nóng nảy, bồn chồn chờ đợi ngày tổng công kích. Không còn chi hết. Chỉ có tiếng chân chuột chạy và tiếng động của loài thú sống dưới mặt đất.

Trần Vũ

6/89

Hoàng Xuân Sơn

TÓC XANH

(tặng Bùi Bảo Trúc)

Tóc đã chải bốn ngàn xưa lồng lộng
Cho giang hồ trói buộc những miền xanh
Người sực tỉnh giữa mê si cuồng vọng
Lòng tinh sương còn hẹn với không đành

Con mắt động từ ẩn tình khơi động
Ừ thôi thúc đường xa chẳng làm gì
Nhắc với nhé kẻ ù lì câm nín
Cho bùng lên sâu thẳm một tức thì

Con sóng ấy thuở đưa tay thề thốt
Vẫy mơ hồ trong một chuyến đi khơi
Ướm hỏi được lời gì trên sóng nước
Buồn thanh niên dấu ấn gẫy bên đời

Ngồi đâu mặt với biển đời vô tướng
Từng khúc quanh từng hiện diện u trầm
Rồi buồn bã ôm một đời câm hướng
Sợi tóc hờ trên vực thẳm nghìn năm

Ôi tóc xanh buổi nào lấp lánh sáng
Còn gì đâu mai mốt có còn gì
Đường sương nhẹ hoa hồng hay ngõ nắng
Có vọng hoài giang ải lạnh tà huy

Có vẽ lại đường chim hồng tuyệt mỏi
Những tàn phai trong mộ khúc hao gầy
Hồn nguyên thủy chân dung người bối rối
Mắt lệ mù hoan lạc dưới ngàn mây

Phai hết ý dặm chiều thêm mấy nỗi
Ngàn dâu xanh thương nội cỏ vô tình
Chiều tĩnh mặc cho tang bồng chắn lối
Sầu lên chưa mà rượu đã khô bình

Xin trả hết cho suối nguồn hiu quạnh
Bờ cỏ non và gót mộng đăng trình
Ngồi xuống đó một đêm dài yên tịnh
Nhìn ngu ngơ và hát khẽ riêng mình

Thôi uống vội đất trời vĩnh phúc
Sợ mai xa sương nắng lộ nguyên hình
Hồn trúc thủy nhớ vọng thầm sao Bắc
Đá tự trầm khắc khoải một dòng kinh

Ôi giao cảm với nỗi đời khốc liệt
Tay buông đi hồn đẫm xuống tửu phiền
Tóc đã chải bốn ngàn năm hào kiệt
Anh hùng nào không chết giữa thuyền quyên

Hoàng Xuân Sơn

Nguyễn Mạnh Trinh

THƠ Ở TRƯỜNG SƠN

Giầy trận đế mòn leo dốc đứng
lang thang lặn lội lũng rừng xa
mỏm núi vọng phu trời sẵn dựng
đầy thân lữ lạc chắc mình ta.

Chiều xuống mưa giăng như thác đổ
quân đi khói tỏa vướng chân người
nặng chất ngàn cân trên ngực thở
áo sô dường sũng biển dòng trôi.

Súng cầm tay nặng tuồng chinh khách
nón sắt che đầu tưởng nối mê
nói thầm gửi đến ngày hiu hắt
bao giờ phố vắng bước ai về.

Chiều xuống dừng quân bờ hiu quạnh
Võng giăng nước giọt vẫn trên vai
ước chi có phép làm tiên thánh
mưa tạnh cho lòng ấm nắng mai.

Bâng khuâng nhìn mãi cành hoa dại
nhắc tím màu len mùi tóc bay
ơi bốn thiên thu dường trở lại
cánh thư định viết bỗng u hoài.

Chiều xuống lam xanh triền xương trắng
lá cành chưa dấu cuộc đùa chơi
tiếng em xao xác ngoài thinh lặng
hay đời ở tạm đỉnh mù khơi?

Cơm sấy chiều nay no trận mạc
gợi tìm khói bếp ấm quê nhà
rau rừng vị bỗng niềm man mác
thèm bát canh xuông nhớ mẹ già.

Chiều xuống bản đồ khoanh dấu đỏ
số nhà đã sẵn lối chông gai
rung đùi yên giấc đêm ngủ đỡ
hướng đó mìn giăng chắc chẳng sai.

Gió cuộn tâm tư chìm tịch mịch
thầm thì vượn hú giọng kêu thương
chuột nhắt bạo gan đừng có nghịch
sợ không xương thịt vãi bên đường?

TRĂNG CŨ

Nửa đêm múa lại vài thế võ
dào cơn địa chấn buốt trong tâm
thép đã rỉ hoen thanh kiếm cổ
bụi vẫn mù khơi chốn cát lầm

Trăng cũng hình như đau nỗi nhớ
hồn ta biền biệt cõi trùng dương
gió lay trang giấy kinh thư giở
ta hỏi về đâu những dặm trường?

Sầu ghé lại chơi chiều đang tắt
bàng bạc không gian một tiếng cười
mốt mai còn hết lời tất bật
hay ngược cội nguồn hạt nước rơi.

Bóng dãi vầng trăng cơn thiếp ngủ
đầu non chim vạc cánh chao vòng
bên tai chợt động ngàn mưa lũ
thấy đời con nước lớn mênh mông

Sao ta lại thành tên khách lạ
bước bước chơi chơi chốn bụi nhòa
ngã tư đứng nhìn ngày vội vã
đường về thiên lý vẫn còn xa.

Ta lắng im nghe từ bóng tối
những điệu ru buồn tiếng hời ơi
có phải ước mơ không còn đợi
nên con ngựa chiến vẫn trông trời.

Lòng hỏi bây giờ trăng tháng mấy
và ta mấy buổi, mấy ngày vui
cả cười trăng sáng tìm đâu thấy
chỉ thấy bâng khuâng tiếng gió ngùi

Ta về nhớ tiếng chim ghềnh núi
cùng vầng trăng cũ ở trùng khơi
gió ơi sao cứ hoài phương ấy
Đông hải bến xưa vẫn nhớ người

Nguyễn Mạnh Trinh

Hoàng Khởi Phong

HOÀNG HÔN

Phải mất ba ngày tôi mới hoàn toàn quen được những ngõ ngách của khu tôi ở. Đó là một khu "mobile home", thoạt kỳ thủy dành cho người già trên 55 tuổi, song trên cõi đời này làm gì có những việc bất di bất dịch. Mọi điều lệ rồi cũng bị xâm phạm. Những làn sóng người trôi qua, dạt lại do những thay đổi của đời sống mỗi ngày một khó hơn, tốc độ mỗi ngày mỗi nhanh hơn, cường độ mỗi ngày một mạnh hơn. Đã thế nước Mỹ dường như ít chú trọng đến tuổi già, lại thêm vào những mánh khóe của những ông buôn bán nhà cửa, những nhà băng muốn cho mượn tiền, và tên chủ đất có bao giờ chịu để trống một lô đất mướn. Tất cả những thứ ấy quyện vào nhau để rồi sau cùng tôi cư ngụ hợp pháp trong một khu dành cho người già, mà đáng lẽ phải mười năm nữa tôi mới có thể mon men tới cái quy định bởi điều lệ một: vấn đề tuổi tác.

Tôi là kẻ mới tới xứ này, không dễ gì thay đổi lối suy nghĩ trong một sớm, một chiều. Nơi tôi sinh ra, lớn lên rồi trưởng thành với những định kiến về sống, chết chắc nịch "sống mỗi người một nhà, chết mỗi người một mồ" thì ở đây bên cạnh những nghĩa trang thuần túy, có những đám táng ở ngoài khơi, có những xác được đốt trong lò thiêu và có cả những nhà quàng xác mà ở đó mỗi thi thể có một ngăn kéo, được giữ ở một nhiệt độ thấp, thỉnh thoảng thân nhân tới kéo ra nhìn cho đỡ nhớ. Cái nhà đối với tôi là một cái gì vững chắc, móng được chôn sâu cả thước, và người ta trang trọng chọn ngày lành tháng tốt để đặt viên gạch đầu, để đặt một cái đòn cái thì làm sao tôi không bâng khuâng trước một loại "nhà di động", nó cho tôi cái cảm giác bất ổn, bồng bềnh không "an cư lạc nghiệp" được. Nó cho tôi cảm giác đó là những tấm

liều tạm trú, sơ sài. Làm sao tôi có thể quen ngay được với lối ăn chớp nhoáng "food to go", khi mà tôi lớn lên dẫu nghèo khổ "rau cháo qua ngày" thì bữa ăn đối với chúng tôi cũng là những nghi thức dưỡng sinh của trời đất.

Có khoảng một trăm đơn vị trong khu "nhà di động" này, ít nhất tôi cũng phải sang làm quen hàng xóm láng giềng, ít nhất tôi cũng phải biết mặt, biết tên hai bên tả hữu cùng nhà đối diện.

*

* *

(2) Tôi đứng tần ngần trước cái cổng nhỏ của căn nhà đối diện, căn nhà "single wide" nằm trơ trẽn trên một hệ thống sáu con đội cao hơn mặt đất chừng nửa thước, những bánh xe phô ra không che đậy, giấu diếm và gầm nhà lỏng chỏng những lon đồ hộp đã dùng. Bởi chủ nhân dường như không chú ý tới chính mình thì chắc chắn cũng sẽ không ấy náy về hình dạng căn nhà. Khoảng sân cỏ trong vườn cho tàng của hai cây đào chi chít những quả, và chủ nhân ngồi bệ vệ trong lòng xe lăn, trên đùi phủ một tấm chăn mỏng, trên tấm chăn này những gói ngũ cốc ông mua để trải ra cho những con chim thành phố lười biếng kiếm mồi. Một chú sóc dạn dĩ, lăng xăng nhặt nhạnh những hột bắp rang rải đầy trên cỏ, thỉnh thoảng vụt yên lặng, nghe ngóng động tĩnh, cái đuôi như một bông lau nhỏ mọc ngược ngạo trên mặt cỏ. Ông ta đang ngủ thật ngon. Tôi lặng lẽ quay trở về nhà, ngồi xuống cái ghế bành kê trước cửa, bụng bảo dạ: không biết ông ta trở dậy lúc nào để tôi có thể hoàn tất cái lễ nghi tối thiểu ở nơi chân ướt chân ráo này.

Không hiểu ông ta bao nhiêu tuổi, những nếp nhăn trên mặt, trên cổ y như những nét khắc của một pho tượng cũ, có một lúc tôi tưởng chừng ông ta là một gốc sồi cổ thụ, khi còn trẻ chắc hẳn là lực lưỡng bởi lẽ tuổi tác đã rút hết thịt, chỉ còn lớp da phủ lấy bộ xương thế mà ông ta ngồi có vẻ như chật cả chiếc xe lăn, không hiểu ông đã làm gì cho xứ sở này? Tôi nhớ tới câu danh ngôn của ông Kenedy: "Đừng hỏi xứ sở đã làm gì cho anh mà hãy tự hỏi anh đã làm gì cho xứ sở?" Tôi chợt nghĩ tới những "nursing home" đó đây trên đất nước này.

Ông ta cựa mình, mở mắt ra nhìn lờ đờ cảnh vật xung quanh, tôi định chờ thêm vài phút cho ông ta tỉnh ngủ hẳn sẽ sang lân la hỏi chuyện nào ngờ năm phút sau ông ta lại ngủ tiếp. Chừng mười lăm phút nữa

ông ta hốt hoảng choàng dậy, quờ quạng tìm cái còi thể dục đeo nơi cổ, thổi một hơi dài. Tôi chưa kịp bỡ ngỡ về công dụng của hồi còi, thì cửa ra vào mở ra, một bà già tất tả chạy ra miệng nói:

"Honey, what do you want?" Bà già ghé tai vào miệng ông già, hôn lên trán trước khi trở vào.

Tôi mạnh dạn bước sang chào hỏi, tự giới thiệu mình mới tới cư ngụ ở đây. Ông ta nghe có vẻ hiểu, nhưng ông ta không thể nói chuyện với tôi bằng cái còi. Còn bà già. Thật khó mà có thể hiểu cái gì ẩn giấu sau đôi mắt mầu hạt dẻ. Qua cái nhìn này tôi bâng khuâng tự hỏi: "Không biết mình có nên sang thăm hỏi hai nhà bên cạnh?"

*

*

(3) Sáng nay thứ Bảy, tôi thu dọn quần áo đem giặt, vừa mở cửa xe xong quay vào nhà mang hai giỏ quần áo dơ ra ngoài tôi thấy một người đàn ông lớn tuổi, nhưng rất nhanh nhẹn, đôi mắt ánh lên vẻ nghịch ngợm của một đứa trẻ, ông ta chào tôi giọng xấc xược:

– Good morning, son. Are you Vietnamese?

Tôi hơi cáu, bởi nếu ông ta biết tôi là người Việt thì nên biết thêm một chút xíu nữa là người Việt rất khó chịu khi bị người lạ gọi bằng con, càng khó chịu hơn nữa, nếu đó là một người nước khác. Hồi nhỏ tôi kiêu hãnh biết bao nhiêu về giòng giống của tôi, vó ngựa Mông Cổ dẫm nát một phần hai quả địa cầu, đã làm trụi cỏ những bình nguyên bao la bát ngát từ Á sang Âu, song vó ngựa đó khựng lại ở nước tôi, và cỏ ở nước tôi vẫn xanh tận chân trời, rồi Lê Lợi, Quang Trung, những trang sử khép lại, và tô giới mở ra, với hình ảnh của những chiếc tháp của người Chiêm thành thoi thóp trong nắng chiều. Lớn hơn một chút, tôi hiểu thêm về sự hiện diện của người Pháp ở nước tôi. Rồi chính tôi sau vài năm ở nước Mỹ này, sau những hành động của một số người thiếu ý thức khi lợi dụng tiền trợ cấp, sau những mánh lới của một số y sĩ bất lương, sau những thủ đoạn của những con buôn lừa bịp đồng hương, cái lòng kiêu hãnh là người Việt mỗi ngày một teo lại. Tôi đang phân vân về câu hỏi này thì người đàn ông lớn tuổi nói tiếp:

– My name is Bill. I am your neighbor next door. I've been in your country for 3 years from 69 to 72.

– Tên tôi là Nguyễn.

Thế là đỡ được một chuyến thăm viếng vô tích sự. Chúng tôi trao đổi vài câu xã giao thường thức. Ông Bill trước kia phục vụ trong Air Force, do đó ông đi và biết khá nhiều về Việt nam, ông cũng biết vài tiếng Việt sử dụng ở những chỗ người tử tế ít léo hánh tới, hồi ở Việt nam ông có bao một cô vợ nhỏ. Ông Bill 65 tuổi nhưng trông trẻ như người vừa quá ngũ tuần.

Từ đó thỉnh thoảng ông Bill ghé đứng nói chuyện với tôi qua hàng rào, đôi khi ông vào nhà tôi chuyện vãn một hồi. Thông thường ông nói, vì khả năng tiếng Mỹ của tôi giới hạn. Qua ông tôi biết được đủ mọi việc xảy ra trong cái thế giới nhỏ hẹp của khu "mobile home" này.

– Weekend này mày có dự party ở Club House không?

– Party gì?

– Smith và Laura kỷ niệm hai năm ngày thành hôn.

– Tôi không quen họ, không chắc họ có mời.

– Thông lệ party trong này ai cũng dự được hết. Có ăn free, có đàn hát, funny lắm. Smith và Laura làm đám cưới ở đây, cả hai đều hơn tám mươi tuổi rồi, cả hai đều có great grand children.

– Mày có biết cha White ở căn F8 không?

– Tôi không biết ai ở đâu ngoại trừ ông bà già trước cửa và ông.

– White da đen ấy mà. Thằng chả hồi trước cũng có qua Việt nam. Con thằng chả mới đi tù vì cướp của, hiếp dâm rồi giết luôn gia chủ. Tao mà là ông tòa tao xử tử cho rồi.

Tôi chưa kịp nói gì ông Bill tiếp luôn:

– Thằng chả ở đây bốn năm rồi, tao không bao giờ thấy mặt thằng con. Hồi gần đây con thằng chả tới thăm hoài, có hôm ngủ đêm ở đây luôn. Mày có biết nó cướp của giết người hiếp dâm ở đâu không? Ngay tại đây. Nó đột nhập căn nhà M4 của bà Barbara vào lúc hai giờ đêm, cướp được khoảng hai trăm đồng, hiếp bà già xong rồi đâm chết. Nó gan cùng mình, tuần sau còn trở lại tính làm ăn chuyến nữa thì đổ bể bị bắt. Thằng chả hồi này không dám thò mặt ra ngoài vì bị bà con nghi là tòng phạm nên bị tẩy chay.

– Tôi không tin chuyện đó, chắc thằng con lợi dụng đến thăm bố để thăm dò đường lối. Tôi chắc White bị oan.

– Cảnh sát cũng nghĩ như mày, nên mời White tới hỏi cung xong cho về liền. Bề gì đi nữa tao vẫn không khoái bọn đen.

*
* *

(4) Khi tôi mang bó hoa và cái thiệp mừng tới "Club House" đã đông nghẹt người, cỡ chừng 50, 60 ông bà già. Có một số người ngồi trên xe lăn, vợ chồng ông già trước cửa không tham dự. Ông Bill thấy tôi, tự động đứng dậy, dẫn tôi vào giới thiệu với mọi người. Tôi lúng túng giữa những thân xác già nua. Cặp vợ chồng già Smith và Laura mặc quần áo màu rực rỡ cố khỏa lấp những nét tàn phá của thời gian trên thân thể họ. Ông Smith run rẩy xốc nách vợ đứng dậy nhận bó hoa của tôi, tôi nghe một giọng nói thều thào lọt qua cửa miệng ông ta. Dường như chính tôi cũng lí nhí lây trong cái không khí thoi thóp này, tôi chúc mừng "congratulation" cặp vợ chồng già chịu chơi này. Bill lấy cho tôi một cái đĩa giấy, tôi chọn một cái sandwich rồi lui vào một ghế trống trong góc. Đúng lúc đó tôi thấy một người đàn ông da đen xuất hiện. Ông ta bê một gói quà có bọc giấy thất nơ cẩn thận. Những tiếng ồn ào dịu xuống trở thành những tiếng xầm xì. White trông thật nhẫn nại, chịu đựng. Ông tiến tới đặt gói quà xuống bàn, quay lại nói lời chúc tụng ông bà già, rồi thản nhiên, chịu đựng những cặp mắt soi bói, khi ông ngồi xuống chiếc ghế trống cạnh tôi ông tự giới thiệu:

– My name is White. What's yours.

– Tên tôi là Nguyễn.

Tôi xiết chặt tay ông ta và biết chắc có thật nhiều cặp mắt chú trọng tới cái bắt tay này. Họ bắt đầu hát, một bà già ngồi vào chiếc dương cầm cũ, ấn nhẹ trên phím, những âm thanh rời đuổi bắt nhau một cách mệt nhọc. Rồi tiếng hát cất lên, những bài ca nói về tuổi trẻ, nói về tình yêu được những cái miệng đã móm cố gào lên. Bill trông trẻ hẳn ra, ông ta có vẻ "funny" nhất, ông lôi người này, kéo người kia ra sàn nhảy, có người mập muốn đi không nổi, có người gầy tong teo, nhiều người giữa chừng bỏ về chỗ ngồi ho rũ rượi, thở khò khè, những người ngồi xe lăn vỗ tay hòa nhịp. Khi những ồn ào dịu xuống, ông White đứng dậy tiến tới cái dương cầm, ông cúi xuống nói nhỏ với bà già một đôi lời, bà già lật tập nhạc trên nóc dương cầm tìm kiếm một hồi, bà ta đặt một bản nhạc trước hàng phím, dạo thử một vài nốt nhạc, buồn bã, giọng ông White cất lên, trầm và buồn như một bản bi ca, hầu như mọi người đều thấm với bài hát này. Tôi lén bỏ ra về, đầu bị ám ảnh bởi

những thân cây tàn úa và mái tóc trắng như tuyết, cùng dáng điệu quý phái của bà già ngồi dạo dương cầm. Tôi bị ám ảnh bởi những cặp mắt lờ đờ, yếu đuối nhánh lên, long lanh kỳ dị trong một khoảnh khắc rồi lại trở nên xa vắng, vô hồn.

*

* *

(5) Mấy hôm liền có nhiều xe lạ đậu trong bãi đậu xe dành cho khách thăm viếng ngoài cổng, có những bảng số xe từ những tiểu bang xa xôi. Tôi bắt gặp những cặp vợ chồng, đôi khi dẫn theo một hai đứa trẻ hồng hào bụ bẫm đi bộ trong khu vực. Sáng nay khi ra mua vài món đồ lặt vặt ở liquor gần nhà tôi bắt gặp ông White da đen mua một chai whiskey cỡ một galon. Khi thấy tôi ánh mắt ông ta thoáng một chút bối rối ngượng ngập. Lúc lái xe về, khi tôi toan bước vào nhà thì ông Bill hàng xóm xuất hiện:

– Mày có ai tới thăm không?

– Tôi có bạn nhiều lắm, nhưng họ ngại tới đây vì ít chỗ đậu xe, vả lại tụi tôi gặp nhau thường nhật tại các tiệm ăn Việt nam.

– Tao không hỏi tụi bạn mày, gần tới ngày Father Day mọi người ai cũng nôn nả đợi con tới thăm. Con tao năm nay bận không tới được, nó mới gởi card cho tao hôm qua.

– Con ông ở đâu?

– San Francisco, độ tám giờ lái xe. Nó học ở U.C. Davis ra xong ở làm việc ở trên đó cả mười năm nay. Con tao năm nay ba mươi hai tuổi. À ông bà già đằng trước cũng không có ai về thăm cả sáu năm nay.

– Tôi có sang thăm ông ta hồi mới tới, nhưng tôi cũng chưa biết tên ông ta là gì?

– Thằng chả là bác sĩ người Armenian tên là Zingerkhan, chả đến Mỹ hồi 1945 lúc đó chả mới 35 tuổi, bây giờ gần 80 rồi. Nghe nói chả cũng bỏ vợ con ở lại Armenia, bà vợ bây giờ là y tá, hồi trước làm việc với chả ở trong bệnh viện. Họ có một đứa con chết bên xứ mày đó.

Tôi nhớ tới cái nhìn kỳ dị của bà già hôm tôi qua chào, tôi nhớ tới hồi còi của ông già, những con chim lười biếng của thành phố, những con sóc tinh nghịch đã sống no đủ với nỗi buồn của ông già, cùng với những gói ngũ cốc trên xe lăn. Tôi nhớ rõ cặp mắt ông già nhìn tôi dịu dàng hơn vợ.

– Mày có biết tại sao năm nay con tao không về không?

– Chắc ảnh bận với công vụ hay buôn bán, thì những dịp lễ này là dịp "làm tiền" mọi người.

– Không phải, tại con vợ quỷ sứ mới cưới của nó. Con vợ trước đã đẹp lại tử tế, mỗi khi hai đứa về thăm tao là hàng chục gói quà. Con vợ mới này mập, xấu, lười. Nó làm tao ghét cả thằng con tao luôn.

– Ông còn đỡ hơn ông White. Tôi thấy ổng đi mua một galon rượu Whiskey sáng nay.

– Con thằng chả bị xử khổ sai chung thân. Hôm tòa xử cỡ nửa số người nghe là thuộc khu này.

Tôi có cái cảm giác như xứ này lấy cái bất hạnh của người khác làm hạnh phúc cho mình. Đôi khi điều tồi tệ của mình nhỏ hơn điều tồi tệ của người khác đã là một hạnh phúc to tát. Tự nhiên tôi ghét ông Bill về ý nghĩ này, mặc dù tôi hiểu ông ta là một con người vô tâm chứ không phải tiểu tâm.

Cái không khí gợn lên một chút xao động của ngày Father Day qua đi, bãi đậu xe trở lại tình trạng vắng vẻ như cũ, buổi chiều những thân hình còm cõi, già nua run rẩy ra ngồi trong những chiếc ghế lộ thiên rải rác trong khu chung cư, thỉnh thoảng một vài người ở ngoài vào thăm thân nhân, thong thả đẩy những chiếc xe lăn đi qua lại dưới ánh nắng thoi thóp của buổi hoàng hôn. Cứ thế đời sống qua đi trong lặng lẽ, lâu lâu Bill lại báo cho tôi biết một người dọn đi, thông thường chỉ có hai lý do: Một là đã chết, hai là quá già yếu không thể tự lo nổi mọi việc ăn uống, vệ sinh hàng ngày đã được con cái, hay thân nhân đưa vào "Nursing home".

Cứ thế ngày qua đi, một hôm khi đi ăn chiều về, tôi thấy xe cảnh sát, xe cứu thương và xe cứu hỏa đậu chật nơi bãi đậu xe, những người láng giềng trong khu tôi ở bu lấy căn nhà F8. Cứ trông khuôn mặt họ tôi biết đã có một biến cố trọng đại xảy ra, bà già đánh dương cầm mất còn ngấn lệ được ông Bill láng giềng của tôi choàng tay qua vai, dìu tới cái ghế đặt dưới cội cây trúc đào, bà già trước cửa nhà tôi cũng đẩy ông chồng tới đứng lấp ló đằng xa. Căn nhà F8, nơi trú ngụ của ông White, người da đen duy nhất trong khu này. Cảnh sát chăng một dây vải vàng chung quanh nhà, toán cứu thương áo trắng ra vào tấp nập, những người lính cứu hỏa không có dịp hành nghề nên ngồi nhấn nha hút

thuốc. Hôm đó là ngày Veteran Day, những người cựu chiến binh như Bill, họp nhau làm một party lớn, có người còn thủ được bộ quần áo nhà binh cũ có lon lá cẩn thận, huy chương trước ngực, họ nôn nả từ sớm qua thăm viếng lẫn nhau, họ nói chuyện về những ngày trai trẻ cũ. Party dự định bắt đầu vào năm giờ chiều, ông Bill đi đi, về về như con thoi, nhiều lần định ghé nhà ông White, không hiểu sao ông lại không vào, ông nghĩ thế nào mà chả gặp ông White trong lúc party. Mãi đến gần năm giờ, ông mới ghé để lôi ông này tới party. Ông gõ cửa mấy tiếng, không thấy trả lời, quay ra chỗ để xe, chiếc Buick thổ tả còn đó, ông giộng cửa cũng không nghe động tĩnh, ông vòng ra sau, nhìn qua khe hở của màn cửa sổ, ông thấy ông White treo lủng lẳng nơi một góc phòng ngủ, lưỡi thè ra ngoài cả gang tay, éo le thay trên đầu vẫn còn đội cái nón của Veteran, ông tối mặt ngồi xuống để thở, để định thần. Vài phút sau ông qua nhà bên cạnh dùng điện thoại gọi cho cảnh sát.

Party vẫn diễn ra như thường lệ, trễ hơn một giờ. Ông Bill đứng bên cạnh dương cầm, bà già tóc trắng vẫn ngồi ở trước phím đàn, không có ai ca hát, đàn địch chỉ có tiếng ông Bill kể lại chuyện nội vụ và tự trách mình nếu buổi sáng, hay buổi trưa trong lúc đi đi, về về đó ông chỉ cần ghé lại nhậu vài ly với người chiến hữu da đen chắc ông White sẽ không chết, chắc giờ này ông còn đứng đây để hát bài "God Bless America" biết đâu chừng cao hứng tất cả còn hát một số bản nhạc quân hành hùng tráng.

*

* *

(6) Thấm thoát tôi đã ở khu này được hơn một năm trời, căn nhà F8 không có người thừa kế, con ông White ở trong tù nhận được một số đồ vật chỉ có giá trị kỷ niệm cùng một số tiền do chủ đất chuyển lại sau khi bán rẻ căn nhà cũ kỹ của ông White và khấu trừ những nợ nần khắp chốn, chủ mới căn nhà là một anh Đại hàn cùng cỡ tuổi tôi. Anh bạn này xã giao kỹ, đi chào khắp lượt, bề gì ảnh cũng bảnh hơn tôi, có đằng sau lưng cả một quốc gia đang đà phát triển, ảnh sơn lại căn nhà màu tươi mát hơn, ảnh treo trong phòng một cái poster bự về Thế vận hội Hán thành 88, ảnh xài một chiếc xe Hyundai láng coóng, từ hôm có ảnh ông Bill ít nói chuyện với tôi, thỉnh thoảng tôi thấy ông đi nhậu ở nhà anh bạn Đại hàn. Tôi có dịp quan sát kỹ hơn ông bà già đằng trước. Tôi đi làm ca hai, về đến nhà lục đục một hồi, đọc sách báo, coi một

phim TV xong lên giường cũng đã ba giờ sáng, thường thường tôi thức dậy, nằm trên giường nhìn qua cửa sổ cái hình ảnh đầu ngày là ông già ngồi bất động trong lòng xe, lưng được độn bằng một cái gối hơi, do đó thân người ngả về phía sau, tựa đầu vào ghế, mắt nhìn lên trời cao, thỉnh thoảng ông lần mò trong những lon đồ hộp treo ở ngay khung xe, chỗ đôi tay tì vào thoải mái, ông uể oải phẩy tay ra phía trước, những con chim nhảy ra xa, rồi lại xà ngay xuống những hạt ngũ cốc vừa rơi xuống đất. Tôi quen thuộc hơn với tiếng còi. Nếu là một hồi còi dài có nghĩa là ông già cần nước, nếu hai hồi ngắn hơn có nghĩa là ổng cần được di chuyển sang một chỗ khác mát hơn không bị nắng soi thẳng vào mặt, ba hồi còi có nghĩa là ông già cần phải đi rest room hay làm cái gì đó trong nhà, tôi đoán già là đi vệ sinh, vì cứ ba hồi còi nổi lên là bà già ra đẩy ông vào trong nhà. Buổi trưa ông già vào trong nhà ngủ để chỉ có mặt ngoài sân vào lúc bốn giờ chiều mùa đông và năm giờ rưỡi nếu là mùa hè. Họ yêu nhau hơn bất cứ một cặp tình nhân nào trên trái đất này. Thông thường bà già ngồi bên cạnh thủ thỉ, thầm thì bên tai ông, nhưng nếu bà phải vào trong nhà thì chỉ mấy hồi còi bà cũng tươi cười đi ra và mở miệng thì một điều honey, hai điều honey, lại nữa khi vào hay ra bao giờ bà cũng âu yếm hôn lên trán, lên má ông già.

Từ khi biết ông già là người Armenia đến Mỹ này vào sau Đệ nhị Thế chiến tôi có điều gần gũi hơn với ông già. Nước của ông cũng bị rơi vào tay Cộng sản, rồi lại nữa con ông chết ở nước tôi lại càng làm cho tôi thân thiết hơn, tôi thèm được nói chuyện với ông già biết bao, nhưng không thể bởi lẽ ngay với bà già ông cũng chỉ thều thào sát bên tai và thông thường là ra dấu hiệu, đó là tôi chưa kể tới đôi mắt màu hạt dẻ của bà già nhìn tôi lạnh lùng, xa vắng lúc ban đầu, có lẽ đối với bà tôi là hiện thân của cái nguyên cớ làm bà mất đi người con thân yêu, làm cho tuổi già của bà cô đơn, quạnh quẽ. Rất nhiều lần tôi xách hộ bà những bao đồ từ xe vào trong nhà, hay khênh hộ bà một vài món đồ nặng, bà chỉ nói một câu cám ơn ngắn ngủi khô khan, không một dấu hiệu cởi mở, khoan thứ. Riết rồi quen đi, tôi vẫn giúp bà mỗi khi có thể và không hề chờ đợi bất cứ một cử chỉ nào.

Giáng sinh năm nay tôi được nghỉ mười ngày, tôi cũng cô quạnh đã lâu, cần đi chơi xa một chuyến thăm những người bạn cũ ở rải rác trong vùng D.C. vào giữa lúc Gorbachev sang thăm nước Mỹ, báo chí khắp nơi nói về "Glasnot", về viễn ảnh của hai siêu cường sẽ đem lại

hòa bình cho nhân loại. Đột nhiên ông trời nổi giận, đất nổi phong ba ở xứ Armenia, cái vùng đất đã bị đại nạn bởi con người, đã bị Hồng quân Nga dập vùi nửa thế kỷ bây giờ nhận thêm một cuộc động đất chết cả trăm ngàn người. Gorbachev bỏ dở công du, về sớm ba ngày. Ông trời thật là không có mắt, bà địa chẳng có tai, chọn đúng lúc dân chúng Armenia đang vùng dậy đòi quyền tự trị để tác oai, tác quái. Những hình ảnh đổ nát của Armenia làm tôi bâng khuâng nghĩ tới ông già. Ổng đã đứng vững trước bao tai họa của con người không biết ông có nghĩ gì về vùng đất cũ? Các bạn tôi đón tôi trộn lẫn những vui buồn, chúng tôi ôn lại chuyện cũ, chúng tôi nói về quê người, tôi quên đi hình ảnh của những đống gạch vụn bất ngờ phủ chụp xuống một thành phố ở xa tôi hàng vạn dặm.

*

* *

(7) Vừa quẹo xe vào dẫy nhà tôi, tôi đã thấy có gì bất ổn, bây giờ là mười giờ sáng, ông già đau hay sao mà không thấy bóng dáng chiếc xe lăn dưới cội đào? Căn nhà cửa đóng im ỉm, không có dấu hiệu của sinh khí. Thoáng thấy tôi ông Bill ở trong nhà vọt ra như một cơn lốc.

– Zingerkhan chết rồi mày biết chưa?

Tôi lặng người đi, một chút thân thiết đã vụt bay xa tới chín từng trời, dằn xúc động xuống tôi hỏi ông láng giềng vô tâm, vô tích sự:

– Ổng chết hôm nào?

– Sau Giáng sinh ba ngày.

– Ổng bị tai nạn hay bị đau?

– Già quá thì chết chứ gì.

– Bà già đâu rồi?

– Chôn ổng xong thì bà về Fresno ở chung với người em gái ruột của bà. Nghe đâu bà em ở có một mình.

– Căn nhà đã có chủ mới chưa?

– Chưa, hôm bả dọn đi tụi tao qua phụ thu xếp đồ đạc, tao thấy bả ôm khư khư một chồng sách báo, và một cái hộp đựng thư từ. Bả nói tao là lúc gần chết ổng đòi bả đọc lại cho ổng nghe mấy cái thư cũ tới 30, 40 năm của bà con, bè bạn gởi cho ổng, bả còn nói ổng đâu có thấy gì mà bắt bả giở tập album ra cho ổng coi từng trang, bắt đọc tên từng người phụ chú dưới mỗi tấm ảnh. Tao thấy tập album bên cạnh, tao giở

ra coi, thằng chả hồi trẻ đẹp trai dễ sợ, to con. Mày biết không, thằng chả cũng nhà binh như tao, như mày, chả là bác sĩ quân y. Còn đống sách báo thấy toàn là liên quan đến xứ thằng chả.

– Ông có đi đưa đám ma ổng không?

– Có chớ, trừ mấy người phải ngồi xe lăn không đi còn hầu hết bà con đều đi tới nghĩa trang mà.

– Ổng chôn ở đâu?

– Nghĩa địa chỗ đường Bolsa và đường Beach.

– Ông có nhớ rõ chỗ mộ ổng không?

– Mày muốn tới thăm hả? Ghé văn phòng họ chỉ chỗ cho, ai mà nhớ mấy cái đó được.

Buổi chiều tôi ghé nghĩa trang, tìm lại chỗ mộ ông ta, thắp một nén hương tưởng nhớ một người đồng cảnh, đồng thuyền. Tiếc là tôi chưa bao giờ nói chuyện trực tiếp được với ổng.

*

* *

(8) Sau cùng tôi cũng dọn khỏi khu "mobile home" đó vì một lý do giản dị: Bạn tôi mua một căn nhà ở gần chỗ tôi làm, ảnh muốn tôi dọn về ở với ảnh cho vui, tiền nhà rẻ được chút ít, nhưng có điều ông Bill không thể hiểu được là tôi sẽ rất nhớ chỗ này, nhớ ông bà già trước cửa, ông hàng xóm vô tâm, bà già đánh dương cầm quí phái và ông White oái oăm da đen v.v... Người mua lại cái mobile home cũ từ thời năm 69 của tôi là một anh Đại hàn nữa, anh này lại còn trẻ hơn tôi vài tuổi vừa mới từ Đại Hàn sang, tôi dọn ra buổi sáng, anh ta dọn vào buổi chiều. Ảnh cũng chạy xe Hyundai và cũng dán một cái poster tổ bố về Thế vận hội Hán thành 88. Anh ta khác tôi ở chỗ lúc nào mặt cũng vác lên, còn tôi nghiệm thấy một điều buồn bã hơn 10 năm nay dường như lúc nào tôi cũng cúi mặt.

Hoàng Khởi Phong

Ngu Yên

NGƯỜI VÀ THƠ

Có hai cách đi vào cõi thơ chung. Một cách tìm ra cõi thơ riêng. Và một cách đi loanh quanh.

Cõi thơ, không dành riêng cho một ai, nhưng không phải cho tất cả mọi người. Thường những kẻ tìm đến vì thích thú hoặc vì lợi ích. Không phải bất cứ ai đã vào cũng muốn tìm cách ra. Càng có ít người tìm ra được một cõi riêng như mong ước.

THƯỞNG NGOẠN là cách thông thường, tương đối dễ dãi, đi vào cõi thơ. Càng đi sâu, càng khó. Tiến từ đơn giản đến phức tạp. Càng đi xa, càng hưởng thụ được nhiều thú vị.

NGHIÊN CỨU là cách đi vào soi mói, tọc mạch, xục xạo cõi thơ. Gom góp những phức tạp, để tìm ra sự đơn giản. Gạn lọc từ những gì đã có, đã thấy, đã nghĩ, để ký tên những phát triển, đóng dấu những kết luận.

SÁNG TÁC là cách tìm ra cõi thơ riêng. Khi đã vào cõi thơ chung, tùy theo sở thích và khả năng, lấy một mớ của chung của thiên hạ, cất vào hành lý làm của riêng tư, rồi tìm một lối ra, để xây dựng một giang sơn riêng biệt. Ngày ngày, ở đấy ca hát, nhảy múa tùy nghi theo hứng thú của tâm tình.

PHÊ BÌNH là cách đi loanh quanh. Khởi từ một điểm của cá tính, lý luận, và nguyên tắc. Không có điểm chấm dứt. Chỉ có những điểm tạm dừng chân.

Sự liên hệ giữa bốn loại người này với thơ, tạo nên thế giới thi ca

của nhân loại, của một dân tộc, của một thời đại, hoặc của một tác giả. Nhưng sự liên hệ giữa bốn loại người này với nhau, ngẫm nghĩ, rất kỳ quặc. Có khi tương sinh, khi tương phản, khi minh bạch, khi hàm hồ, khi hòa nhã, khi cay cú, khi nghiêm trang, khi cà khịa, khi thân ái, khi khắc nghiệt... Nói một cách ví dụ:

Thơ là khu rừng rậm lớn. Người thưởng ngoạn là du khách. Người nghiên cứu là nhà kiến thiết chuyên nghiệp. Người sáng tác là thi sĩ, mang nhiệm vụ khai phá và làm đẹp khu rừng. Người phê bình là cảnh sát, đặc trách chỉ đường, bảo vệ trật tự, và giữ gìn vệ sinh chung.

Câu chuyện của thơ khởi sinh từ lúc những thi sĩ đầu tiên bước vào khu rừng hoang vu. Họ là những người bẩm sinh có thiên tư yêu mến cái đẹp. Tâm hồn nhạy cảm với rung động tơ tóc. Hay thao thức hoang mang. Với đôi mắt nhìn ra những thứ khác thường. Với đôi tai nghe được những điều thầm lặng. Họ ca ngợi những phong cảnh, kỳ quan. Ái mộ những bông hoa, chim bướm. Họ sầu than trong cảnh chiều tà, bên bờ suối vắng, dưới cơn mưa lạnh. Thét sợ vì bóng đêm. Phẫn nộ vì bão tố. Buồn úa với mùa thu. Rạng rỡ với bình minh. Phơi phới với hương xuân. Tiếng la, tiếng hát của họ đã gợi dậy lòng hiếu kỳ của người thưởng ngoạn. Du khách kéo nhau vào rừng để tìm kiếm, chia sẻ, và thưởng thức những gì mà thi sĩ vinh danh, than thở, chê bai, thắc mắc.

Số đông của đám du khách này, suốt đời chỉ làm những kẻ thưởng ngoạn bàng quan. Một số ít hợp tình xây xẩm, rồi trở thành thi sĩ. Một số ít hơn, thích thưởng thức thơ dưới ngọn đèn lý trí. Xem xét những công trình do thi sĩ tạo nên. Xếp đặt lại theo trật tự của luận lý. Xây cất những nền móng định nghĩa, rường cột nguyên tắc, và tường nóc phương pháp. Từ đấy, nhiều nơi trong khu rừng đã được kiến thiết thành đền đài cổ kính, thành quách hùng vĩ, thôn trang thơ mộng, phố xá tân kỳ. Người nghiên cứu càng trọng kỷ luật, càng khó chịu trước những lộn xộn của du khách, những bừa bãi của thi sĩ. Thế là, nhiều người kiến thiết biến thành kẻ phê bình. Họ dựng nên đèn xanh, đèn đỏ, đường một chiều, hai chiều, bảng cấm, bảng giới hạn tốc độ. Họ tự đặc trách hướng dẫn du khách. Rượt bắt, sửa lưng những thi sĩ ca hát quá trớn, nhảy múa quá cuồng loạn. Họ trở thành những cảnh sát có uy quyền của kiến thức.

Càng về sau, những du khách, nhất là những thi sĩ, gia nhập vào khu rừng, càng rối rắm e dè trước lắm luật lệ lưu thông. Quẩn chân trói

mình dưới những bộ thi pháp đồ sộ đã được soạn thảo, hiệu đính qua nhiều thời đại. Những thi sĩ bình thường dần dần quên đi nhiệm vụ khám phá, khai khẩn những vùng rừng còn hoang dã thâm u. Để chỉ biết vỗ tay khen thưởng ánh đèn màu. Tô điểm rồng rắn lên đền miếu. Kẻ lại những chữ đã bạc màu. Phết lại những tường vôi đã loang lổ. Những thi sĩ tầm thường đã nghiễm nhiên chọn những nơi an toàn có đông du khách. Hát những bài ca quen thuộc. Múa những điệu vũ cổ truyền. Hưởng danh mọn qua ngày. Những thi sĩ nào không chịu được những ràng buộc, những tệ đoan, những giáo điều, sẽ phải tự mình dấn thân bước ra ngoài vòng cương tỏa. Đi đến những miền hoang sơ vắng vẻ. Nếu không làm được cổ thụ, thì đành làm rừng mắm. Chớ không chịu làm cây tùng trong chậu kiểng. Bước đi phải can đảm vì tiếng nguyền rủa, khinh bai từ thành phố sẽ vọng xa trên trăm cây số đường dài. Những thi sĩ ấy là những người sống với sáng tác như những thi sĩ đầu tiên của nhân loại, của một thời đại, của một môn phái, của một cõi thơ riêng.

Sáng tác thì như con thỏ. Nhảy cao. Phóng xa. Tự do tung tăng. Nghiên cứu thì như rùa. Bám đua với thỏ. Sáng tác phiêu hốt theo ánh sáng tâm linh. Nghiên cứu từ tốn theo ánh đèn lý trí. Một bên bay bổng theo hứng khởi. Một bên trì trệ vì suy nghĩ, lý luận. Nhưng ngụ ngôn *Thỏ và Rùa*, xưa nay khó phân hơn kém. Thỏ nhanh mà hay lạc lối. Rùa chậm mà bền bỉ, chắc nịch. Đường đến đích thơ còn xa xôi mù mịt. Đố ai, biết ai sẽ đến mức cuối cùng?

Sáng tác, thi sĩ Xuân Diệu đã ví von, như con chim lạ ngửa cổ hót chơi. Phê bình như người thợ săn động tâm đến nghe. Tiếng hót vừa ý sẽ ru người thợ săn một giấc mơ màng. Nằm dài dưới gốc cây bóng mát. Tiếng hót chói tai sẽ khiến người thợ săn ngửa tay. Bắn vài phát súng. Có chim trúng đạn câm nín, quay lơ. Có chim hốt hoảng bay không trở lại. Có chim bất cần, bay sang cành khác, đậu hót líu lo. Lẩm cẩm thay! Tiếng hót làm sướng tai ông thợ săn này, có thể sẽ làm khổ tai ông thợ săn kia. Tấm màng nhĩ lại tùy vào cá tính. Thợ săn nghiêm nghị không thích tiếng hót lãng mạn. Thợ săn cổ điển không thích tiếng hót tân kỳ. Thợ săn chịu chơi không thích tiếng hót đức hạnh. Trái lại, ngược qua, đạn bắn, chim rơi. Đố ai biết được, làm cách nào cho hết cảnh tương tàn?

Sáng tác như tình lang số một. Nghiên cứu phê bình như tình lang

số hai. Thưởng ngoạn như một thiếu nữ, phân vân ở giữa hai mối tình vĩ đại. Một đàng phong lưu nghệ sĩ. Mang đến cho nàng những tâm tình ngây ngất tuyệt vời. Những giây phút lãng mạn đắm say. Một đàng thông thái chững chạc. Mang đến cho nàng những an toàn của lý lẽ. Những niềm tin của suy tư. Biết phải gá nghĩa cùng ai? Đôi khi, thưởng ngoạn ngã vào tay thi sĩ. Sáng tác đoạt được hậu thuẫn. Thơ lên như diều gặp gió. Bay cao lồng lộng với trời mây. Sáng thịnh mà phê suy. Người ta la lên rằng: *Chưa có phê bình thì chưa có nền thi ca đích thật.* Múa gậy vườn hoang. Quả thật, sáng tác thường hay vấp khuyết điểm: Nhà vắng, chuột lên cắn bàn thờ. Khiến thưởng ngoạn tỉnh giấc. Bực bội bỏ sang kề môi tựa má với nghiên cứu phê bình. Vợ xiêu theo chồng, tát biển đông cũng cạn. Phê thịnh mà sáng suy. Phê bình mà đoạt được sức mạnh thì sáng tác ngập ngừng lúng túng. Đi trong bóng che của những thần tượng ngự trên đài quá khứ. Sống chật hẹp với những quy luật của đa số bình thường. Phố đông thì không múa gậy. Không gậy làm sao múa hay? Quả thật, sáng tác và nghiên cứu phê bình chỉ có thể tương sinh hỗ trợ, khi giới thưởng ngoạn giữ vị trí thân tình ở giữa.

Giới thưởng ngoạn thường rất bàng quan Vì bàng quan nên ít bận tâm suy xét. Thường vì thói quen hơn là luyện tập sự thưởng thức. Thường vì cá tính giới hạn hơn là lòng đón nhận mênh mông. Thường tin vào cái đẹp, cái hay đã sẵn có, đã được chứng minh. Thường quen thuộc dễ yêu cái cũ. Thường đồng ý với sự minh bạch của lý luận. Thường xiêu lòng trước kiến thức của các học giả uyên thâm. Nên thường hay bị nghiên cứu và phê bình dẫn dắt. Đối diện với đám đông ấy, sáng tác chân thực thường là những cá nhân đơn độc.

Để giới thưởng ngoạn ủng hộ một cá nhân sáng tác, thường phải xét bốn chữ: Tài năng và Thời thế. Tài năng tạo nên thời thế hoặc thời thế tạo nên tài năng. Xưa nay, vẫn có ít anh hùng tự dụng tài năng xoay chiều thời thế. Thường khi, thời thế tạo lắm anh hùng. Hai loại anh hùng này khác nhau xa lắm. Thi sĩ cũng vậy.

Để thưởng ngoạn không vô ý bị lôi kéo bởi nghiên cứu và phê bình hoặc bởi sáng tác, thưởng ngoạn cần phải thấy rõ sở trường và yếu điểm của mỗi bên.

Lý luận là khí giới ghê gớm của nghiên cứu phê bình. So với thông cảm, thông ngộ, lý luận là con đường thực tế hơn, tiến đến chân lý.

Nhưng xưa nay, đã có ai biết được chân lý là gì? Kể cả những thánh hiền, triết gia, mỗi người mỗi *lý* lần lượt ôm *chân* chôn vào cát bụi. Nhân sinh vẫn hỗn loạn mù mờ. Không thấy chân lý, dùng tạm bộ bình phong lý luận. Có điều bộ bình phong này có triệu triệu tấn. Gỡ mãi không hết.

Thường ngày người ta sống bằng tình cảm, nhưng tin vào lý lẽ. Lý luận là cách minh bạch và hệ thống nhất để lý lẽ chứng minh mục đích. Mục đích tùy vào suy tư. Suy tư tùy vào tâm tình. Tâm tình do cá tính chủ động. Nên suy nghĩ bao giờ cũng đi chậm hơn những phản xạ của cá tính. Nên lý luận thường bị thất thái cuả tâm tình (hỉ, nộ, bi, ai, ái, ố, dục) làm áp lực. Lòng người thường tin vào lý luận vì lợi ích, vì an toàn, hơn là vì chân lý.

Lý luận chỉ là khí giới. Phải xem tấm lòng, nhất là cá tính, của mỗi người nghiên cứu phê bình. Phải xem cách họ sử dụng khí giới ấy. Đem cái lý đã có để luận bàn. Hoặc bàn luận để tìm cái lý. Thấy được điều ấy thì phân được chính hoặc tà.

Trong lý luận khó xác quyết được đúng sai. Người nói: Đấng trượng phu phải có lòng vị tha. Người lại nói: Vô độc bất trượng phu. Cả hai đều có chỗ đúng. Kẻ nói: Người chỉ biết lo tiểu tiết, không làm nên đại sự. Kẻ lại nói: Người không chu toàn việc nhỏ, tất khó thành công việc lớn. Cả hai đều có chỗ sai. Lý luận là con dao hai lưỡi. Cắt bên nào cũng sắc bén gọn gàng. Người thưởng ngoạn hời hợt vô tâm, dễ bị đứt tay.

Dù là người nghiên cứu phê bình chân chính, cũng khó kiềm chế được tâm tình. Càng khó thoát khỏi cá tính của mình. Giang sơn dễ đổi. Bản tính khó dời. Nên một lý luận khách quan chỉ là một lý luận "giả tưởng".

Lý luận chủ quan thường bị thất tình lục dục, mặc cảm bịt mắt dẫn đi. Người nghiên cứu phê bình chân chính thường viết hai chữ *phản tỉnh*, trước khi viết một bài lý luận. Nói một cách khác, chỉ sử dụng những lý luận chủ quan *có ý thức*. Và ý thức hồi tố để biết công khai nhìn nhận những sai lầm của suy nghĩ.

Chủ yếu của sáng tác là có *sáng* rồi mới *tác*. Tối mò, chạng vạng, làm sao tác được thứ gì? Sáng, theo người vinh danh hóa, gọi là sáng tạo. Người nghi ngờ cho là sáng kiến. Sáng, theo một nghĩa thông thường nhất, là cái sáng của tâm trí. Một người vô vẩn ngồi chơi dưới

gốc cây. Trái táo chín rụng rơi trúng đầu. Giật mình, tỉnh ngộ tìm ra sức hút quả đất và trọng lượng của vạn vật. Đấy là sáng. Một người khác nhảy vào nước, kỳ cọ tắm rửa. Bị sức nước đẩy nổi lên. Tìm ra nguyên lý Archimède. Đấy là sáng. Sáng, không phải lúc nào cũng tìm thấy một cái gì mới ghê gớm, chưa ai từng nghĩ ra. Sáng, còn có lúc nhìn những thứ bình thường, tầm thường mà thấy được cái khác thường. Nhìn những gì cũ kỹ, cổ lỗ xĩ, thấy được chất mới mẻ trong ấy. Biết bao nhiêu người yêu đôi mắt đẹp. *A ha! Chí lớn trong thiên hạ không đựng đầy đôi mắt giai nhân* (P.H.T). Một câu thơ khẩu khí tầm thường, cũ rích. Sáng sao bằng câu thơ yêu mắt của L.T.L.: *Mắt em là một dòng sông. Thuyền anh bơi lội trong dòng mắt em.*

Thi sĩ, bẩm sinh đã có một khả năng văn chương. Khả năng này là nguồn sáng từ tâm linh rọi ra vạn vật, soi vào đời sống thường ngày. Nhờ nguồn sáng đặc biệt này mà thi sĩ nhìn thấy thi tính tiềm ẩn trong sự việc, phong cảnh xung quanh. Đây là phút giây lạ kỳ của rung động và ý tứ diễn ra. Sự khám phá tình cờ này có thể gọi là duyên, là số, là ý trời. Không phải bất cứ lúc nào thi sĩ muốn làm thơ, sẽ có thơ. Nếu không có cái sáng ấy khởi đầu và dẫn dắt, cái tác cố gắng sẽ ngượng nghịu và tối mò.

Tác lại là một khả năng khác của thi sĩ. Khả năng diễn tả. Khả năng này là kết tinh của nhận thức thẩm mỹ, kinh nghiệm, kiến thức, và nghệ thuật sử dụng ngôn ngữ. Thiếu khả năng này, sáng có thể bị ghi nhận, diễn đạt không đúng mức. Sáng trở thành lờ mờ. Nếu diễn tả lệch lạc, sáng sẽ chạng vạng.

Sáng và tác đều quan trọng như nhau. Sáng không đủ, thơ xoàng xĩnh. Tác không tới, thơ lạng quạng hụt hơi.

Từ hai sở trường này, sáng tác mang lại cho thưởng ngoạn những biến hóa bất chợt, những thẩm mỹ khác lạ, những diễn tình khó ngờ, những ý tứ thú vị. Những gì mà người thưởng ngoạn chung đụng hàng ngày, nhưng không nhận ra. Hoặc dẫu nhận ra, cũng không diễn được như vậy.

Yếu điểm của sáng tác nằm ở cá tính và sự tinh luyện. Mỗi thi sĩ có hoàn toàn tự do lựa chọn khi làm thơ. Thông thường có rất nhiều nguyên nhân và lý do ảnh hưởng sự lựa chọn ấy. Môi trường bên ngoài như chính trị, xã hội... Nhu cầu bên trong như danh phận, lòng đạo đức...

Cá tính của cỏ thì mềm. Gió thổi thì xuôi. Cá tính của cổ thụ thì cứng. Gặp bão thì gãy cành, bật gốc.

Cá tính của mỗi thi sĩ lại khiến cho nguồn sáng rọi rõ những nơi thích hợp mà mờ tối những nơi khác. Có thi sĩ làm thơ tình hay, làm thơ hào hùng lại dở. Có thi sĩ làm thơ đấu tranh rất tới mà làm thơ tả cảnh lại xoàng. Sáng ở nơi này, chọn nơi khác làm thơ, thường hay thất bại.

Cá tính là nam mà mặc đồ nữ, thường giống lại cái. Cá tính là chim mà rống như hổ, thường làm kẻ khác bật cười. Tác như thế nào là do cá tính. Người e lệ thì không kể chuyện phòng the đúng mức. Người nhút nhát thì không giả chuyện can trường đến nơi. Người hào khí dù có khóc cũng không bi lụy. Tác mà không biểu lộ được cá tính, hoặc không dám để cá tính biểu lộ, dù có sáng, thơ cũng nhạt.

Sáng là do bẩm sinh. Tác có thể luyện tập. Họa sĩ, văn sĩ, thi sĩ, nhạc sĩ, điêu khúc gia, điện ảnh gia... đều có nguồn sáng về nghệ thuật. Nhưng mỗi loại người lại có cách tác khác nhau. Thi sĩ tác bằng ngôn ngữ với kỹ thuật của thơ. Tác càng học hỏi, càng chín chắn. Càng luyện tập, càng tinh tế. Càng gần gũi, càng thấm nhuần. Càng đào sâu, càng lãnh hội.

Sáng không rõ, tác không tinh, cá tính thường lơ lớ. Không có đặc điểm riêng tư. Thơ không có cá tính, ai ký tên cũng vậy.

Những liên hệ kỳ quặc giữa các người trong gia đình thơ được giải thích qua sự đồng dị của cá tính. Trong cõi thơ, thưởng ngoạn là giới đông đảo nhất. Kể cả người sáng tác, người nghiên cứu, người phê bình, đều là người thưởng ngoạn. Tùy theo mục đích và trình độ, mỗi người thưởng thức thơ khác nhau. Trọng yếu nhất là tùy theo cá tính của mỗi người thưởng ngoạn mà đồng thanh tương ứng với từng loại thơ, từng bài thơ, từng tác giả.

Do những điểm tương đồng, cá tính chia ra thành nhiều loại. Nói một cách "đơn giản": Gom bản chất của tính tình lên đến đỉnh. Chia làm năm nhóm: Kim, Mộc, Thủy, Hỏa, Thổ. Người trong nhóm Thủy dễ hợp ý với nhau. Xung khắc với Thổ. Hòa thuận với Mộc. Không cùng đường, khó đi chung. Không hợp tính, tình khó cảm. Một bài thơ hợp ý, đọc dễ chia sẻ. Người thưởng ngoạn dễ ưa thích thi sĩ nào có nhiều cá tính hợp với mình. Nói một cách khác, vô thức hoặc ý thức, độc giả tìm thấy một phần nào đó hình ảnh tâm tư của mình qua một bài thơ.

Đó là những điểm tương đồng giữa hai cá tính của độc giả và tác giả.

Hai chữ *hay* và *dở*, trong đa số trường hợp được sử dụng, có nghĩa là *hợp* hay *không hợp*. Như một bài thơ được nhiều người khen hay. Thường vì được họ ưa thích. Không hẳn vì giá trị văn chương mà vì nhiều lý do khác như hoàn cảnh chung, ước mơ chung, hoặc tâm sự chung... Hợp chí, hợp tình thường đồng thanh, đồng khí. Tính tình của thiên hạ thường chia ra làm ba nhóm: bảo thủ, tân thời và trung hòa. Cái gì mới, bảo thủ không thích. Cái gì cũ, tân thời không ưa. Nhóm trung hòa khi ưa cái cũ, khi ưa cái mới. Do đó mà một bài thơ hay ở nhóm này, dở ở nhóm kia. Một thi sĩ được nhóm này ca tụng, đồng thời nhóm kia chê bai. Bài thơ nào, thi sĩ nào được nhóm trung hòa thưởng thức, sẽ được nhiều tiếng vang.

Giải thích những liên hệ theo tính tình là cách giải thích nghiêm chỉnh. Theo cách thị phi, nên giải thích theo lối *thân tâm*. Con khỉ lòng. Nhỏ thì muốn làm vua ở động hoa quả. Lớn thì muốn đánh đổ cả thiên đình. Trong mỗi tấm lòng đều có Tam Tạng, Sa Tăng, Gát Giái, Tề Thiên: Thiện lý, tham của, tham sắc, tham danh.

Khi khen ngợi hoặc dè bỉu một bài thơ, một thi sĩ, phê phán thường chỉ để rửa bóng mặt mũi của Tề Thiên. Để chứng minh khả năng hiểu biết và thẩm thấu về thơ. Để thắp đèn soi một chút danh của người có kiến thức và biết thưởng ngoạn.

Hội họp bàn tán, điện thoại truyền luận, viết báo khen lá chê sâu, vì giá trị văn chương thì ít, vì đòi hỏi của ông Tề Thiên thì nhiều. Thường ngày, sống lầm lì vô danh, ông Tề ấy buồn lắm, nên luôn luôn giục giã nhu cầu được ngưỡng mộ. Dưới sự ám tả của ông Tề, người thưởng ngoạn nào cũng thủ phát một mớ ý kiến, để ông Tề có dịp vênh mặt hiu hiu.

Người ta thường sợ ông lợn lòng, nhưng ông khỉ còn nguy hiểm hơn nhiều. Sự thỏa mãn của ông Bát Giái có mục tiêu rõ rệt. Và ông thường phải nghỉ ngơi hoặc sinh lòng chán chê. Ông Tề Thiên đòi hỏi liên tục. Có quần, đòi áo. Có áo, đòi mão. Có mão, đòi hào quang. Có hào quang, đòi thiên thu. Khó làm cho ông ấy vừa ý.

Con khỉ trong lòng người sáng tác và người phê bình thường to lớn, bệ vệ hơn. Thường ngứa ngáy, cựa quậy nhiều hơn. Thường kiêu hãnh và thù dai hơn. Nó là đười ươi. Nói về thơ, có thơ dẫn chứng. Chẳng

phải ông Bùi Giáng đã tâm sự: *Đi về trong cõi người ta. Trước là thi sĩ, sau là đười ươi?*

Người và thơ, có lối vào lối ra, tương đối dễ lưu thông. Người thơ và người thơ, xưa nay liên hệ thường hay trục trặc.

Để sự liên hệ được yên ấm, thân ái và hữu ích hơn, mỗi nhân vật trong gia đình thơ nên nhận rõ vị trí và ý thức hành vi của mình.

Ý thức thưởng ngoạn như ăn một bữa cơm. Ngon là nhờ hợp khẩu vị, hoặc vì bữa ăn được nấu nướng đúng cách bởi người đầu bếp tài hoa, hoặc vì đúng nhằm lúc đói bụng.

Ý thức nghiên cứu là thước đo của luận lý. Dùng để đo những khúc đường của nghệ thuật đã đi qua. Thường đi sau sáng tác. Chỉ có khi nào nghiên cứu tự nó trở thành một sáng kiến, một sáng tạo, mới có thể hướng dẫn hoặc đi song song với sáng tác.

Ý thức phê bình thường là những lời nói thị phi. Dù có chân chính, thường chỉ là chân chính chủ quan. Chủ quan không phải là sai, nhưng thường hạn hẹp.

Ý thức sáng tác là tinh thần mạo hiểm tìm kiếm sự mới lạ. Là tinh thần tu dưỡng cái cũ để làm nó mới lại theo từng thời đại, từng thế hệ, từng khúc quanh của thơ. Là tinh thần biểu lộ cá tính riêng tư của mỗi thi sĩ.

Ý thức chữ danh là do tài năng mà có. Không do trí trá, lươn lẹo. Không do những hành vi ngoài cõi thơ. Hữu xạ tự nhiên hương. Kim bén dù bọc mấy lớp vải dày, cũng sẽ có ngày lòi ra. Hễ có tài năng, tức có người thưởng thức. Nếu không kềm chế được ông Tề Thiên, thì học như Tam Tạng. Lợi dụng ông Tề đi thỉnh kinh. Lợi dụng được đười ươi, thi sĩ sẽ có nhiều tác phẩm quan trọng.

Ý thức thơ là một thế giới mênh mông. Hễ còn có con người, cõi thơ còn được khai triển. Thơ hôm nay và thơ ngày mai tất có chỗ khác nhau. Cũng như thơ hôm nay khác thơ ngày xưa. Khăng khăng bảo vệ một quan niệm, tức là như Tề Thiên tưởng mình đã nhảy qua khỏi lòng bàn tay của Phật bà.

Ý thức rằng ý thức không như vậy chưa đủ. Người và thơ chỉ đơn giản như thế thôi sao?

Ngu Yên

Luân Hoán

CŨNG MAY CÒN TÌNH YÊU

Đổi đời ta đạp xích lô
Chở em đôi bận đâm vơ vẩn buồn
Một hôm trời đất bình thường
Riêng ta ngơ ngẩn lộn đường liên miên
Em cười chúm chím tự nhiên
Vô âm mà dội đảo điên tâm hồn
Lộn quanh mấy nẻo Sàigòn
Thấy ta chợt mất chợt còn đời ta
Đổi đời ta ngồi sửa xe
Ngã ba mượn bóng gốc me hành nghề
Một thau nhựa nước vàng khè
Mấy vòng lốp ruột lủng be bét nằm
Cái kềm cái búa bó căm
Cái bơm lon mủ đăm đăm mắt nhìn
Một hôm em rất vô tình
Giắt xe vào vá bực mình ngó ta
Vì sao kín đáo thở ra
Ta về thao thức nhớ ba bốn ngày
Đổi đời ta bán cà rem
Miệng rao chân đạp lênh đênh theo đời
Gặp em lặn lội chợ trời
Muốn mời giải khát mở lời không ra
Cái gì vương vướng cổ ta
Cái gì níu kéo liếc qua lại hoài
Thùng kem càng dấu càng lòi
Thì ra mắc cỡ coi mòi còn nguyên
Nghĩa là còn muốn làm duyên
Còn nghe tim đập loạn thiên trong lòng

Luân Hoán

Nguyễn Ban Sơ

BUỔI TỐI VÀ CÔ ĐƠN

Buổi tối rủ sầu đi uống rượu
Ta thấy đời đẹp như mây bay
Sáng về ôm gối nằm quay ngủ
Tỉnh ra thì đã hết một ngày
Thấy tối ta bèn đi uống rượu
Cũng thấy đời như mây đang bay
Chợt nhớ đến ngày xưa... bằng hữu
Bây giờ... chỉ một mình ta say
Sáng sớm về phòng ôm gối ngủ
Chợt khóc... như ngày xưa trẻ thơ
Nhớ đến câu: "bồ đào mỹ tửu"
Ra đi thời loạn... mấy ai về?

CÕI MÂY TAN

Ai về hỏi liễu Chương Đài
Cây xanh xanh cứ hát bài tang thương
Ai về qua bến Hàm Dương
Trăm năm hẹn ước cũng đường ấy thôi
Ai về hoa nở nụ rồi
Mười lăm năm ngỡ mây trời xa xôi
Ai về dừng lại bên đồi
Thiên thu là vạn ngày trôi lặng lờ.

Nguyễn Ban Sơ

25 – 04 – 1989

Lê Bi

GIỚI HẠN

Từ suy nghĩ cho đến khi ra ngòi viết
Những giới hạn của sức người làm ta
thấy mình bất lực nhỏ nhoi
Từ yêu nước cho đến lên đường nhập cuộc
Là cách xa hơn một biển trời

Biết ra đi là tự cắt lìa nguồn cội
Nhưng tới nửa vòng quay vẫn chưa hiểu thấu một cơn mơ
Thập tự trong ta là hình hài tội lỗi
Mười lăm năm vẫn không thấy bến bờ

Từ lý tưởng cho đến khi thành xảo ngữ
Chính trị mà cứ phô trương ở đỉnh cao
thì làm sao thấy được xác người
Lúc lên thuyền, sóng đã chật phương trời lữ thứ
Đôi mắt nhìn trời vẫn ngạt thở nhớ trời

Sao vội biết chẳng bao giờ tới nơi sự thực
Mà những cơn mơ không bao giờ dứt
Sao vẫn muốn ngước cao hơn cả trời xanh
Mà đôi chân cứ vấp váp chuyện không thành

Xưa tưởng tượng tình yêu không còn biên giới
Nhưng ta vẫn là hòn đảo lúc gần em
Từ lưu lạc nửa vòng thế giới
Khám phá ta vẫn gối đầu bằng đất nước trong tim

Đỗ Kh.

KHÔNG KHÍ THỜI CHƯA CHIẾN

Hắn về đến nhà, cái đèn báo hiệu màu xanh lặng lẽ chớp trên máy điện thoại. Có message "Tao với tụi bạn đang uống drink ở Olive Garden trên Brea, mày có muốn lên đây ăn tối không, bây giờ là sáu giờ rưỡi, lát nữa tao gọi lại", vợ hắn nhắn. Brea, tiếng Ả Rập là một lũng hoang, sang tiếng Tây Ban Nha trở thành "hắc ín". Ở quận Cam, người nam Cali dung hòa, hắn đến thị xã này thấy nó còn hoang dại lắm, đồng cam, mỏ dầu và cỏ vàng. Nhưng khắp nơi kiều lộ đang mở mang, rục rịch ủi đất, sửa đường. OK, thì vừa lũng hoang vừa hắc ín, chẳng sao, tiếng người cười nói lao xao đằng sau tiếng vợ hắn trên máy ghi âm điện thoại làm hắn hứng, hắn vào phòng thay quần áo.

Đến khi vợ hắn gọi lại thì hắn đang chỉnh tề ngồi đọc lại vài trang trong *"The Long Goodbye"* của Chandler. Nhân vật Philippe Marlowe đang ngồi uống Gimlet ở quán rượu Victor.

"Vào năm đó, tôi ngụ ở một căn nhà cho thuê nhỏ trên Yucca Avenue bên lưng đồi và trong một con hẻm cụt. Vài nấc thang gỗ dẫn lên bậc thềm khuất đằng sau một bụi cây khuynh diệp".

Gimlet nửa gin, nửa nước chanh với vài giọt angostura và si rô. Hắn hỏi vợ:

– Mày đang uống gì?

– Tao uống Bloody Mary. Sao, mày có lên đây ăn không, tụi bạn

tao đang đòi về kìa.

– Mày biết Gimlet không?

– Không.

– Ở đó có Gimlet không?

– Sao tao biết. Vợ hắn thấy hắn có vẻ lằng nhằng nên đề nghị. Thôi, để tao về nhà đón mày lên trở lại. Hay là mày muốn đi ăn cơm Nhật.

Tại sao lại Nhật Bản, hắn nghĩ thầm trong đầu. Vợ hắn bảo:

– Mày cứ nghĩ tiếp đi, đợi tao về.

Vợ hắn về đến nơi, không biết nghĩ ngợi gì, Marlowe thì dễ rồi chàng trung thành với một thứ drink, ít ra là trung thành được trong một chuyện.

"Từ hôm đó, hắn có thói quen ghé qua bàn giấy tôi vào khoảng năm giờ. Không phải lần nào chúng tôi cũng đến quầy rượu cũ, nhưng vào Victor thường hơn là ở mọi nơi".

Không biết nghĩ ngợi gì, hắn đòi:

– Tao muốn ăn cơm Li Băng.

*

* *

– Mày muốn ăn cơm coi múa rốn? Vợ hắn hỏi.

– Cái gì múa rốn?

– *Hassan* ở Newport Beach. Bạn tao đứa nào nó cũng nói là ngon.

– Bạn nào, bạn Mỹ hay bạn Li Băng?

– Bạn Mỹ.

Hắn nhìn vợ hắn.

– Bạn Mỹ tao không tin.

Vợ hắn đồng ý. Hắn tiếp:

– Mày người Li Băng lại để Mỹ nó chỉ cho chỗ ăn cơm xứ mày ngon.

Vợ hắn nhún vai. Khác với người Việt Nam, người Li Băng chẳng thiết tha gì với xứ sở. Họ không có Phở để mà giữ gốc, tái chín nước trong, hành trần nước béo, ở đây có hột gà lòng non. Vợ hắn lại có vẻ lơ là hơn là tiêu chuẩn, nhiều hôm coi thời sự TV hắn gọi vợ "Ê, có bắn nhau ở Beirut" vợ hắn cũng chỉ "À, vậy hả". Chắc nhờ vậy nên người Li Băng mau hội nhập, làm nên những chức lớn ở xứ định cư. Như Philip

Habib làm Đặc Sứ. John Sununu làm Tổng giám đốc tòa Bạch Cung. Đó là ở Mỹ, chưa kể ông gì hắn quên mất tên làm đến Tổng thống tiểu quốc nào ở vùng Carribéan.

– Tao không thích coi múa rốn. Hắn nhớ lại những phim Ai Cập. Nó đến bàn mày lắc lắc bụng, tao hơi phiền.

Vợ hắn cười, cái gì hắn cũng thấy phiền hết.

– Tối nay thứ sáu, ở chỗ nào cũng có múa rốn hết, kể cả những tiệm ăn Ấn Độ.

Ấn Độ mà cũng múa rốn nữa, chỉ tại cái màn này bên Mỹ thịnh hành, người ta tập để thế Aerobic, người Mỹ coi bộ thích chứ Ấn Độ thì mắc mớ gì. Hắn nói:

– Thôi, chẳng sao, tao muốn ăn cơm Li Băng.

Tiệm Gondole ở trên đường Lincoln giữa đường Dale và Beach, cách nơi hắn ở chỉ vài phút chứ không xa xôi như là Newport Beach.

– Vậy mà tao chưa bao giờ để ý, không biết nó chỗ nào. Mày có mang theo địa chỉ? Vợ hắn chạy chậm lại.

– 2700, 2800 West gì đó.

Hắn nhớ mang máng, lo nhìn phải nhìn trái những chỗ có bảng hiệu ánh đèn nổi lên từng chập giữa những đoạn đường lù mù bóng tối. Cây xăng, gà chiên, chung cư chập chờn, Pizza, Waterbeds, Indian Grocery store (tại sao lại có nhiều người Ấn mang tên Patel đến thế, hắn thắc mắc) Mobile Home Park, "Now Renting" Apartments, Sushi, California Sun Tan.

– Ở đây, bên này, hắn đưa tay chỉ.

Gondole Club / Restaurant.

Căn nhà năm bảy thương cục kiến trúc theo lối miền Đông nước Mỹ với một cái tháp chuông na ná kiểu nhà thờ tỉnh lẻ. Những viền gỗ trên tường xanh le lét dưới đèn néon. Bãi đậu xe còn rất vắng, đen ngòm kiểu ấm cúng, lập lòe ánh đèn rọi vào tấm bảng "For Lease". Căn thương mãi này còn mới, hai tấm bạt chắn lối ra vào của tiệm Sushi phất phơ, California Sun Tan ở ngay cạnh chắc mấy ngày này vắng khách, trời tháng Tư đang dở chứng lên kỷ lục trên 100 độ, chạy xe đã thấy muốn khùng, ai mà vào salon nằm phơi Light Bulb Beach. Quán

ăn Gondole chiếm đầu dẫy phố, hắn nhìn kỹ mới nhận ra hình vẽ trên kính nổi là một vũ nữ đang ẻo lả hai tay cầm khăn dơ lên cao khỏi đầu. Đã tháp chuông lại còn stairedglass, thảo nào hắn thấy giống nhà thờ. Chữ Gondole đề rất lớn, chỗ này hắn chạy xe qua rất thường, vẫn tưởng là tiệm cơm Ý Đại Lợi. Và cái hình cô múa rốn, không để ý nhưng mường tượng làm sao hắn vẫn cho là hình của một anh đẩy đò. Anh đẩy đò đội nón đen hò Bel Canto trước công trường St Marc chứ không phải là cô múa rốn cởi khăn buộc bụng ra ve vẩy ở trên đầu. Tiệm cơm Ả Rập tại sao lại mang tên là Gondole. Ở bên hông, hắn mới thấy hàng chữ nhỏ "Lebanese Cuisine" với mấy chữ Ả Rập ngay trên cửa ra vào.

– Nó viết gì vậy? Hắn hỏi vợ.

– Thì "Al Gondole".

Hắn "À". Nghĩ cho cùng thì cái tên này cũng có ý nghĩa. Venice cũng là miền Đông, Đông Phương bắt đầu ở thành Venice. Beirut chỉ là bên kia của Venice, trạm tới của con đường gia vị. Một đằng là ngõ vào bán đảo Ả Rập, một đằng là cửa thềm lục địa Tây Phương, kể cũng tương xứng. Cách nhau có một tí nước ít khi nào gập ghềnh của Biển Giữa, người phương Tây đến bến tàu Venice đã thấy ở đây bắt đầu là phương Đông. Đầu này và đầu kia, hai cánh cửa, Địa Trung hải chỉ là một hành lang vô vị và trung lập. Thì tiệm cơm Ả Rập ở vùng quê quận Cam, Nam Cali, Tân Byzance của ngày nay cũng có thể mang tên "Al Gondole" được. Ừ, không có gì là vô lý cả. Họ đi vào.

Bằng cuối mắt hắn thấy có một cô đang múa rốn đúng như lời quảng cáo. "Thứ Tư Thứ Bảy, Múa Bụng và Ban Nhạc Sống Ả Rập". Người bồi trẻ, dáng cao tài tử dẫn họ cuối phòng. Ở trên cái bục cao sát tường chạy dài một dẫy ghế salon ngăn ra từng chập hình chữ U, mỗi đoạn đặt một cái bàn lưng chừng, không hẳn bàn café, không hẳn bàn ăn. Họ ngồi xuống, nửa ngồi nửa nằm, dài người ra. Thực khách đã chiếm trọn dẫy này, ở bên dưới là bàn ghế loại bình thường của quán ăn chưa ai đến và cuối phòng trước một tấm màn kim tuyến lóng lánh ngũ sắc, người vũ công tóc vàng trong bộ đồ cung phi của Haroun el Rashid đang uốn éo theo tiếng nhạc rập rình. Hắn duỗi người nhìn lên cái trần ngụy trang thành lều vải phập phồng thuộc loại gấm, lụa gì đó

dành cho tù trưởng du mục trong sa mạc. Cũng khéo, nhưng lúc này chưa có bầu không khí gì hết, mặc cho cô trình diễn ở cuối phòng ra sức trổ tài.

– Cái trần này làm tao nhớ tiệm cơn Ấn Độ, hắn nói với vợ.

Tiệm cơm Ấn Độ gần bờ biển (ở Beirut chỗ nào chẳng gần bờ biển), cũng có cái trần vải ngụy tạo thành lều, một đêm cũng nóng như là đêm nay, vào trước ngày Zouheir Mohsen bị giết. Ngày hôm đó, người bồi Ai Cập hỏi hắn lựa rượu gì, rượu nho Pháp hay là rượu nho địa phương. Hôm nay hắn cũng muốn uống rượu nho Li Băng nhưng cầm tờ thực đơn trên tay, hắn kiếm hoài không thấy. Chỉ có bia Li Băng, còn rượu nho thì hoặc Âu hoặc Mỹ. Cali cũng có nhiều thứ rượu nho ngon nhưng hắn còn mù tịt, chưa đua đòi đến. Hédiard ở Paris đã bắt đầu có bán, đi ăn Tex Mex ở khu Bastille dân thanh lịch kinh thành ánh sáng giờ thề chỉ uống Napa Valley, Sonoma.

– Mày muốn uống long drink nữa không? Hắn hỏi.

– Tao mới uống hai cái Bloody Mary. Bloody Mary ở Olive Garden như vầy, vợ hắn đưa tay lên cao ba mươi phân. Mày uống chai bia Almaza đi.

Almaza ở Beirut hắn chỉ dám uống ở những chỗ bình dân. Trên phố Hamra, ngồi Express, Café de Paris hắn bắt chước mọi người uống Heineken. Hắn thắc mắc, ở đây có biết làm Gimlet như là ở trong bar của khách sạn Ritz Beverley.

"Quán rượu dần dà thêm người vào, nhưng chưa đến nỗi ồn ào quá".

Người bồi trở lại nhã nhặn hỏi:

– Quý vị muốn dùng gì trước?

Hắn ngập ngừng, lật qua lật lại tấm thực đơn nhìn vợ hai ba lần cầu cứu nhưng vô vọng. Bồi ở mỗi nơi một khác, bên Pháp trang nghiêm và ý tứ, bên Mỹ vồn vã ít cái khoảng cách hơn. Anh này Li Băng, lịch sự Trung Đông, rất xứng đáng với danh từ Maître (người Li Băng gọi bồi bằng "maître", tiếng Tây, như người Việt dùng để gọi trạng sư, cũng tiếng Tây). Hắn liếc nhanh qua dòng chữ Poully Fuissé, Louis Jadot, 39 đồng. Hắn lấy giọng, thôi,

– Mateus Rosé.

Rồi thở phào. Thôi, Mateus Rosé, rượu Bồ Đào Nha. Người

maître đi khỏi, vợ hắn nhìn lại hắn.

– Pouilly Fuissé, nàng nhắc.

– Tao biết, 39 đồng, hắn trả lời.

Hắn chẳng sành điệu gì, đi từ Mâconnaîs xuống Minho đỡ tốn được mấy chục đồng, sông Douro trồng muscat trắng thì thua gì sông Saône trồng Gamay đen. Giá lại chưa đến một nửa, vậy mà anh maître khi trở lại cứ lỉnh kỉnh hết trình chai cho hắn xem lại đưa nút cho hắn ngửi làm hắn hơi ngượng. Vin de table không có nổi cái tên thị thực mà chàng bày vẽ quá. Hắn nếm, gục gặc đầu cần kiệm, cũng như tối nào ở hàng cơm Ấn Độ uống rượu địa phương miền núi Li Băng. Hắn thấy yêu vợ hắn. Đêm hôm sau đó là ngày Zouheir Mohsen chết.

Bây giờ thì chưa có gì đáng gọi là bầu không khí cả. Một cô múa bụng không làm nổi miền Cận Đông.

– Con nhỏ này cũng biết nhảy, vợ hắn thật tình khen.

Hắn quay nửa người lại, hơi ngượng nghịu nhìn cô tóc vàng người Mỹ rập rình những thớ thịt ở chung quanh rốn. Lúc nãy ở ngay lối vào hắn đã nhìn cái hình trắng đẹp của cô ta trưng bày rất kỹ mà không thấy có gì Ả Rập ngoài cái phục sức gọi là ngàn lẻ một đêm.

– Nó tên Chadia, hắn thầm thì, nhưng tao chắc là Mỹ.

Chadia đang lại gần, ghé từng bàn ẻo lả. Hai cặp người Mỹ trẻ ngồi bàn kế reo hò cầm mấy đồng đô la vẫy vẫy. Một anh đùa dai đòi mãi dúi tiền vào ngực, cô bạn gái bên cạnh hai chân co lên ghế cười nắc nẻ. Chadia khéo léo vờn qua vờn lại "không được, không được" nhưng ưỡn hông ra để chàng cặp tiền vào nẹp quần thung. Hắn đâm ra luống cuống, móc vội tiền lẻ dúi cho vợ ở dưới bàn, tháo khoán cho nàng công việc típ:

– Mày thấy nó hay thì mày cho đi, nó lại kìa.

Vợ hắn cười.

– Mày không thích thì mày nhìn chỗ khác, nó sẽ tự động đi, việc gì mày phải sợ.

– Tao không thích, hắn quả quyết.

Đời nhiều lúc đơn giản hơn người ta tưởng, Chadia ngang bàn họ nguậy nguậy một vài cái nhã nhặn rồi bỏ đi thật, hắn vẫn còn gầm mặt

thở phào.

_ Tao đi coi cởi truồng tao còn biết típ, hắn gỡ ngượng với vợ, một đồng dễ tính.

– Thì đây mày muốn típ bao nhiêu cũng được, có gì khác đâu.

– Tao quen coi nhảy nude, tao dạn rồi, còn đây văn hóa xử mày mày lo lấy.

– Có gì văn hóa, múa bụng là tượng trưng động tác ái tình.

Thì cũng văn hóa chử, con người mà, màu mè. Con chó nó tượng trưng động tác ái tình nhất định là kém diêm dúa hơn. Nhưng hắn còn phân bua.

– Khung cảnh đấu tranh tao còn thấy người ta múa bụng, tao có thấy tụi nó múa bụng trên bài *"Ché Guevara ở Gaza"*...

Hắn có thấy thật, lần đó ở rạp Mutualité ở Paris, Marcel Khalife đang trình diễn, có vài cô rời ghế quấn Keffilh ngang hông ra hành lang giữa các hàng ghế múa may. Người con gái hôm ấy đi chung với hắn vỗ tay theo, hai bờ vai nhún nhảy, động tác ái tình hay là *Hasta la Victoria Siempre*? Chadia đã bỏ đi vào bên trong thay quần áo, hắn thấy thật tình thoát nạn. Vợ hắn bảo:

– Chính trị, ái tình gì cũng vậy, thôi, mày quay mặt lại được rồi.

Hắn ngồi quay người thẳng lại, thấy le lói ở trên bàn dưới cái đèn dầu bấc tấm bảng nhỏ đề "Sau 10 giờ tối, $15 tối thiểu". Sau 10 giờ tối, có lẽ mới là chương trình chính, cô Mỹ tóc vàng mang tên hiệu Chadia mới đây có lẽ chỉ là lấy lệ để mở màn.

– Nhưng mà nhảy cởi truồng thì tao biết típ, hắn vẫn còn hơi quê.

Trời thật nắng, cái áo hắn dính từng mảng vào lưng khó chịu.

"Con đường bị mặt trời nung lung linh dưới nắng vẩn bụi. Gió nóng lùa từng chập. Tôi mặc sơ mi trận, quấn cổ tay cao nhưng thành sắt của khung cửa xe bỏng làm gác tay lên chẳng được".

Vợ hắn, tóc kẹp ở sau tai, đứng trên vỉa hè cười nhìn hắn.

- Mày đi đâu?

Vợ hắn lúc đó chưa phải là vợ hắn.

- Tao ở Antoine coi sách ra.

- Đi uống nước không?

- Tao mới uống xong với thằng bạn.

Hấn chỉ thằng bạn Nhật. Thằng này không phải bạn hấn. Hấn chỉ vừa mới uống nước với nó xong. Hấn gặp nó ngoái phố, nó da vàng, hấn da vàng, hấn đi uống nước với nó. Hấn hỏi nó "Phải mày ở đây không", nó nói không, hỏi lại "Phải mày ở đây không", hấn cũng không. Nó rủ hấn "Lát nữa tao lấy xe đò đi Baalbeck mày đi không", hấn nói ừ.

- Tao tính lấy xe đò đi Baalbeck, hấn nói.

- Tao vô Movenpick ăn kem, vợ hấn nói.

Hấn nhìn thằng Nhật. Thằng này thấy hấn gặp con gái bản xứ quen, đứng ngoài vỉa hè nói chuyện bằng tiếng Pháp coi bộ không xong. Đời nhiều lúc đơn giản hơn người ta tưởng, nó tự động rã đám:

- Tao lấy xe đò đi Baalbeck.

- Ừ, mày đi, hấn nói. Tao đi vô Movenpick ăn kem với mày, hấn nói với vợ hấn.

Vợ hấn cười, thằng Nhật đi. Thằng này hấn không bao giờ gặp lại, Baalbeck hấn không bao giờ đến, vợ hấn ngày nay vẫn còn là vợ hấn và kem Movenpick ăn chẳng có gì đáng nói. Vợ hấn bây giờ là vợ hấn và hai người ngồi uống Mateus Rosé rẻ tiền ăn vài ba món Mezze khai vị đợi 10 giờ tối xem có mục gì.

Khách Mỹ sau màn múa rối làm hấn ngượng đã bỏ đi gần hết, khách Ả Rập vào lúc càng đông. Bàn kế bên họ có một cô chị cô em vào ngồi như chờ đợi, mỗi người một ly coke lo cầm hút và ít nói. Sân khấu không có người, casstte chạy nho nhỏ một cuốn băng của Magda al Rumi.

- Con này giới trẻ, nó cùng thời với Mona Mar'achli, vợ hấn nói.

- Tao không biết.

Còn trẻ hấn không biết. Có những bài nổi tiếng hấn thuộc âm thuộc điệu, có những bài hấn có thể hát theo để mọi người cười. Nhưng mà hấn vẫn thích hát, trật giọng và trật cả lời, nhưng mà hấn thích. Buồn cười cũng chẳng bằng lần cuối trở về Beirut, vợ hấn thấy bảng hiệu lấy làm thắc mắc. Chữ kẻ bằng Ả Rập đề *"Air wa Bic"*, có nghĩa là "Dương vật và (viết) Bic", ai thấy mà chẳng giật mình. Nghĩ mãi vợ hấn mới hiểu ra, đây là cách pjiên âm Ả Rập của một phòng thể dục "Aérobic". Thì cũng như ông cụ hấn, ở Hong Kong đâu cũng thấy đề nhan nhản chữ "Sĩ Đa" mà cả Tử Thư Ngũ Kinh đều không có tích. Hỏi

ra mới biết "Sĩ Đa" là phiên âm theo Hán tự của chữ "Store" Anh. Drug Sĩ Đa, Department Sĩ Đa, Thrif Sĩ Đa, Jane Fonda Air wa Bic. Văn minh thế giới giờ đồng nhất từ Beirut đến Cảng Thơm. Những lúc hắn bày đặt hát nhạc Ả Rập nhiều khi cũng vấp phải vài ngộ nghĩnh tương tự. Nhưng mà hắn thích.

– Tại sao họ không để Fairuz, hắn hỏi bâng quơ.

Buổi tối trên sân thượng khách sạn ở Limassol hình như chỉ có toàn người Li Băng. Ban nhạc chơi một bài hát của Fairuz bên hồ bơi. Hắn ngồi ăn súp crème de mais như hồi còn bé trong tiệm cơm Bel Air ở Vũng Tàu. Limassol cũng nhìn ra biển, trước mặt hắn đằng sau tòa thị sảnh lập lòe tấm bảng quảng cáo coke màu đỏ kẻ bằng chữ viết Hy. Đằng xa nữa là những đợt sóng Địa Trung hải lờ mờ lóe trắng như bóng đèn néon mát điện từng cơn một. Điệu *"Thành Jerusalem cổ"* rên rỉ theo bộ râu rung rinh của anh nhạc công cò kè vĩ cầm. Jerusalem Al Khots. Lần đầu tiên hắn được nghe bài hát. Điệu nhạc thẩn thờ đong đưa trong đêm. Trên bàn họ cũng có một ngọn đèn nhỏ như ngọn nến. Vợ hắn kể:

– Năm 67, thay vì tan trường như thường lệ, tụi tao con nít được tan trường sớm hơn gần tháng. Tao ở nhà sơn các bóng đèn lại màu xanh để đêm phòng phi cơ.

Hắn nhìn quanh. Trên sân thượng từng bàn thầm thì lịch sự. Mọi người đều nói nhỏ, nói lớn lỡ ở tận Li Băng người ta nghe thấy. Li Băng ở ngay cạnh, bên kia bờ biển, cách có mười giờ tàu ì ạch biển Địa Trung. Li Băng của thông bên sườn đồi, Thụy Sĩ miền Cận Đông, Li Băng của bách tùng kề cạ mây trên đỉnh núi. Li Băng hiện giờ của những cột khói đen ầm ì vươn mình ngột ngạt trong đêm. Beirut ngày nay chẳng còn lãng mạn đèn xanh. Phòng phi cơ kiểu này lãng mạn hơn là dùng hỏa tiễn Sam. Hắn chưa bao giờ nghe nói trẻ con phải bỏ trường để sơn hỏa tiễn Sam màu hồng tươi hay là màu vàng chanh. Vợ hắn ngày xưa ngồi tô màu xanh đêm, màu xanh biển, màu xanh Prusse lên những bóng đèn điện. Beirut giờ này phi trường Khaldé lục đục hỗn quân liên hợp Palestine Phong Trào Quốc Gia Li Băng đang cầm cự với Nhảy Dù bách thắng Do Thái và Lữ Đoàn Thiết Kỵ Ưu Tú Golani. Bản tin buổi

chiều quân Do Thái vừa cắt ngang con lộ quốc tế ở Dahr El Baidar, Lữ đoàn 85 Syrie chậm chân phải ở lại chơi trong thành phố, hắn lắng tai nghe trên sân thượng này chẳng ai bàn tán gì chiến sự, ban nhạc người Hy – Cyprus đang chơi chỉ lo tiếc thương cây cầu Allenby. Hắn cười nhạt:

– Tao mới vừa tìm ra không khí thời chưa chiến.

Món hàng đặc biệt này giờ hình như cũng có tại quận Cam. Chẳng cần lánh nạn tạm tại Cyprus ngồi trên sân thượng khách sạn sóng vỗ rì rào để tìm lại nó. Món hàng được người ta ưa chuộng, hắn có thấy rất nhiều nơi quảng cáo. Không khí thời chưa chiến không có ngày sanh tháng đẻ nhất định, nội chiến Li Băng bắt đầu tháng Tư 75 một cách chính thức, sau khi chuyến xe buýt chở người Palestine hôm 13 xui xẻo bị nổ súng vào tại Ain El Remaneh. Nhưng mà với vợ hắn, thời tiền chiến là thời nàng chưa vẽ màu xanh lên những chiếc bóng đèn.

– Mỗi ngày thứ năm đầu tháng, tao đến nhà bà ngoại tao nghe đài Cairo. Cả thế giới Ả Rập vào mỗi ngày thứ năm đầu tháng vặn đài Cairo để nghe bài hát mới của Oum Koulsoum.

Hắn vốn không thích Oum Koulsoum, chưa bao giờ cảm được người đàn bà béo mắt đeo kính đen tay cầm mù soa và lúc nào cũng có vẻ đã đứng tuổi này. Trên sân khấu của quán Gondole, giờ đã có bốn anh thất nơ cẩn thận bắt đầu rập rình một bản nhạc, chắc phải là một bài hát của nữ thần âm nhạc vừa được nhắc đến. Ông Bộ trưởng Văn Hóa Pháp Jack Lang, khi nói đến bà này có bảo "Giọng hát của bà một nghìn năm hay là hơn". Hắn vốn không ưa Jack Lang. Nhưng mà hắn ưa vợ hắn.

– Người ta ngồi hút haschich, người ta phê hết, một bọn vô tích sự nhưng tao thấy chỉ có thời đó là còn có được cái "quốc gia Ả Rập", bài hát mới của Oum Koulsoum vào ngày thứ năm đầu mỗi tháng phát thanh trên đài Cairo.

Hắn nhìn ban nhạc của bốn anh để râu, thử tưởng tượng ra Oum Koulsoum, người tình huyền hoặc của Gamal Abdel Nasser. Anh hùng con kênh đào Suez, tiếng hát một ngàn năm, quốc gia Ả Rập thống nhất, từ Riadh đến Tunis, từ Bagdad đến Tripoli, ngày thứ năm mỗi đầu

tháng đồng rè rè vặn đài phát thanh Cairo. Ừ, một bọn vô tích sự, có gì mà ghê gớm thế. Lần Oum Koulsoum sang Lybia trình diễn, toán quân nhân trẻ của Kadafi Jalloud phải hoãn lại ngày đảo chánh vua Idris để nghe bà hát. Hắn cũng chẳng ưa gì Kadafi.

– Lúc tao bé, đi chơi Damas, ở biên giới có một cái cổng lớn đề *"Quốc Gia Ả Rập, Nhất Thể và Vĩnh Cửu"*. Tao hỏi bố tao, họ muốn nói gì, ổng gạt đi bảo đừng để ý, chả có nghĩa lý gì hết. Nhưng mà theo tao, quốc gia Ả Rập nhất thể, ngày đó nhờ Oum Koulsoum, nhờ Abdel Wahab, nhờ Abdel Halim Hafez.

Abdel Halim Hafez lúc chết vào tuổi trung niên, bao nhiêu người tự sát theo chàng, thế cũng được. Quốc gia Ả Rập Nhất Thể, hắn uống phần hắn của chai Mateus, nhìn ban nhạc bắt đầu say sưa. Những ngày chưa chiến với hắn là những ngày trước cái chết của Zouheir Mohsen. Chẳng dính dáng gì đến Elvis Presley Ai Cập Abdel Halim Hafez. "Sau 10 giờ tối, $15 tối thiểu", tấm bảng nhỏ đặt ở trên bàn nhấc nhỏ, giờ hắn thấy đáng đồng tiền.

Cái tin đột ngột đập vào thành phố vào lúc bắt đầu đêm. Đến ngày hôm sau thì hắn mới rõ mặt cái ông này. Zouheir Mohsen chụp hình lúc lên 16 tuổi, Zouheir Mohsen vào ngày cưới, Zouheir Mohsen bên cạnh vợ và các con, Zouheir Mohsen chụp chung với từng lãnh tụ Palestine, với từng lãnh tụ Li Băng, với từng lãnh tụ của khối Ả Rập. Zouheir Mohsen to lớn, mặc đồ bốn túi. Zouheir Mohsen bên cạnh đàn anh, Zouheir Mohsen đứng giữa đàn em gươm giáo vây quanh. Zouheir Mohsen và Zouheir Mohsen. Trên tờ báo tiếng Pháp, trên những tờ báo tiếng Ả Rập, trên bích chương dán tường, trên truyền đơn phát tay. Nhưng giờ cái tin đến với hắn chỉ qua cái tên ngắn ngủi, loáng thoáng trong những câu Ả Rập vội vã ở góc đường. Zouheir Mohsen.

– Chuyện gì vậy? hắn hỏi.

– Zouheir Mohsen vừa bị giết.

Vợ hắn thông dịch lấy lệ, nét lo lắng hiện rõ lên nét mặt. Người lao xao chạy, khách các quán nước ngoài bờ biển đứng dậy, vài ba người mở radio bỏ túi nghe đài. Có đám tụm, có đám rã. Hắn lẽo đẽo theo lưng vợ hắn, chưa là gì cả, một người con gái dẫn hắn ra Rauche ăn bắp

nướng vậy thôi. Trong một thành phố tạm yên lành chẳng may lại có Zouheir Mohsen vừa bị giết.

– Zouheir Mohsen là ai?

– Lãnh tụ Saika. Thằng khốn nạn, vợ hắn bực mình.

Saika là lực lượng quân sự thuộc PLO nhưng tay sai của Syria. Quân Syria đang trấn đóng Li Băng, Saika đương nhiên trở thành lực lượng hùng hổ nhất.

– Ai giết nó vậy? hắn cũng muốn biết.

Câu hỏi của hắn không cần trả lời. Ở cái đất này, thủ phạm nhất định là thừa thãi. Kẻ thù Do Thái, đồng minh thuộc tam thập lục phái Palestine, đàn anh Syria, đàn em ngay ở trong Saika cũng có thể. Chưa kể những lý do cá nhân tư thù, tình địch bị thất vọng, chủ nợ thiếu kiên nhẫn, con nợ hết đường khất, vợ cả hay vợ bé. Và những người vô cớ, ghét mặt mày tao bắn chết chơi. Về sau, chi tiết cho hắn biết Zouheir Mohsen ẩn danh đang đi chơi bên Pháp với nhân tình, đánh bài ở Côte d'Azur chẳng rõ được thua, nhưng vừa về đến nhà bị một thanh niên lạ mặt tặng banco bốn phát 7.65 vào người, chở vào bệnh viện không cứu nổi. Cũng cái tội đỏ đen, lãnh tụ Saika kỳ này Jackpot đạn tiểu liên Skorpion Tiệp khắc, không biết có gần cái hotel ngày trước của Scott Fitzgerald không. *The Great Zouheir* và Eden Roc, thật là thơ mộng. Chàng thở hắt ra một cái rồi trợn ngược mắt, những miếng mỡ lòi ra theo lỗ đạn trên người thổi phập phồng, Zelda tạm thời của chàng thốt lên tiếng rú để tang của những người đàn bà Ả Rập, ông bác sĩ Tây xếp ống nghe lại lắc đầu im lặng nhưng mà ai giết thì Hercule Poirot cũng đành cười trừ đứng vuốt râu mép. Chàng chết, ai giết, vợ hắn không cần biết, chỉ biết là rất phiền. Nàng bàn tán với người qua lại vài câu, cân nhắc rồi quyết định.

– Giờ không về bằng xe được, mình đi bộ.

Hắn như trẻ con thừa thãi, không biết gì để mà tham dự vào cái chuyện hệ trọng này. Chẳng lẽ vào lúc này còn hỏi tiếp những câu dằn kiểu "Có xa không?" hay sao. Vợ hắn mặc quần jean bạc, áo sơ mi kim tuyến, chân đi dép da quai không đế, tóc hai bên cài sau tay bằng lược có những chấm long lanh. Nàng đeo túi mây lớn, gói Mariboro, hộp quẹt Bic cầm tay nôn nóng trong khi hoàng hôn sắp tắt trên Ramlet Al baida. Một bên là bờ biển chập chờn, họ đi vào phía phố. Hắn lủi thủi

theo đằng sau, nhìn vào cặp mông uyển chuyển, trời chưa hẳn tối, còn đọc được tên cái nhãn quần dính vào túi sau bên phải. "UFO". Đi xe hay đi bộ, phận hấn, nàng đi đâu, tôi đi theo.

Họ mới ngoắt ngoéo được vài con hẻm nhỏ thì tiếng súng dậy. Đâu đó. Đâu đây. Đằng trước. Đằng sau, xa gần tiếng súng gọi nhau trong thành phố. Hấn lắng nghe, ròn rã từng chập cách có một vài căn, lãng đãng vang vọng từ những ngoại vi. Có lúc dập dồn thăng hoa, có lúc lẻ tẻ chiều buồn Beirut Blue. Hấn như người dở nhạc, đứng trên sàn nhảy còn chưa định được vũ điệu đang chơi thuộc loại nào. Vợ hấn làm người *lead* ngập ngừng không ăn nhịp mấy, lúc vội vã giữa đường trên mặt nhựa, lúc nhấc từng bước dặt dò sát vào bờ tường các chung cư hai bên. Tiếng súng nhỏ như bắn chơi, bắn hoảng, bắn dọa, không phải bắn nhau. Chưa thấy có những lùng bùng RPG phóng lựu, không thấy có chấn động dưới chân trọng pháo. Đại liên thỉnh thoảng nấc nẻ từng hồi, thằng nào sẵn đại liên thì quạt đại liên chứ có gì, sẵn trời thì quạt lên trời, nếu không thì lù mù quạt đầu đường chơi. Mấy thằng chỉ có AK tiện tay cũng chẳng muốn kém, có anh có tôi. Nhân dịp Zouheir Mohsen vừa bị giết. Hấn chẳng hiểu gì, để nàng dẫn, thì thôi theo cô này cũng được, nhìn bờ vai rộng dọc ngang trên hè phố, ngả nghiêng theo nhịp điệu cận kề của những vũ khí giết người. Hai bước hấp tấp, một bước chùng. Theo cô này cũng vui, buồn buồn dám sau này tôi lấy về làm vợ. Hấn bắt đầu nhợn trong lòng, nhìn những bước chân nàng đằng trước đấn đo.

Lách trái, quẹo phải, các cửa hàng dưới mặt đường đã kéo màn sắt xuống nhưng đèn nhiều nơi chưa tắt, con nít có đứa thập thò sau cửa, ông già có chỗ vẫn ngồi trên chiếc ghế đẩu trước nhà. Một vài đám thanh niên tụm năm ba, mấy người đứng tuổi vội vã như sợ trễ giờ cơm tối. Một con phố an bình ngoại trừ những tiếng nổ, nghe lạc lõng như là một đoạn âm thanh lạc đề hình ảnh. Đột nhiên, ở một ngã tư lớn, họ đâm đầu vào giữa đám nhạc công.

Hấn như đứa bé trong nhà bỗng dưng vô tình mở nhầm phải cửa kho. Con đường tắt điện tối om. Giữa lộ lập lòe vài cái lốp xe cũ đang cháy dở bên cạnh mấy cái thùng sắt tây vừa được lăn ra làm chướng ngại. Vợ hấn khựng lại, thụt người vào cổng ra của một chung cư. Trên bực thềm, một thanh niên quần trận áo sơ m trắng ngồi thõng tay gác lên hai gối. Trong bóng tối đằng sau họ lao xao tiếng nói, bước chân.

Hắn dừng lại, nhìn quanh một lúc, những bóng người không rõ mặt lăng xăng qua lại, lạch cạch khí cụ bên mình. Vợ hắn trao đổi vài câu với một ai, người thanh niên ngồi bực thềm đứng dậy thọc hai tay vào túi, xoay người, cạp quần sau dắt quả lựu đạn Liên sô lòi cái cán gỗ cầm tay.

– Lối này không về được, vợ hắn nói.

– Tụi này là tụi nào, hắn hỏi.

– Người Li Băng. Họ làm nút chặn. Tụi Palestine tối nay ra khỏi trại.

Một bóng người hiện ra giữa lộ, bên ánh lửa xì xèo của những cái vỏ xe hun khói. Khẩu tiểu liên Heckler 8 Koch cầm một tay cắc kè nhả vài ba loạt ngắn về phía trước. Vợ hắn giật mình ngoái lại, hắn không thấy ai bắn trả. Người Palestine tối nay có cổ mang súng ống ra khỏi trại, các chúa vùng ngự trị trên vài ba dãy phố phải kéo đàn em xuống đường để phân định rõ rệt lằn ranh. Chắc chẳng có bắn nhau đâu, tiếng súng đêm nay chỉ là gạch phấn xác định các vùng ảnh hưởng, chỉ là nước tiểu chó bài tiết ở cột đèn để đánh dấu chủ quyền. Ban nhạc này kèn trống không thành hành khúc, chỉ xập xình qua loa cho thiên hạ biết sự hiện diện của mình. Ở đầu này hoặc đầu kia phố, mỗi nơi một đám bâng quơ làm sao ra một vũ điệu hẳn hòi. Nhưng mà cũng đủ để mà hồi hộp, riêng phần cái tiếng những vỏ đạn đồng rào rạc trên mặt nhựa. Vợ hắn đột ngột cầm tay hắn.

– Mình đi vòng lối khác.

Bàn tay nàng nhớp nháp mồ hôi. Hắn không rút tay ra và cũng không nói gì.

– Mày coi chừng trúng đạn, nàng kéo hắn.

– Nó đâu bắn tao.

– Mày coi chừng *lạc* đạn, nàng gằn giọng.

Hắn để nàng kéo đi, hắn để yên cho nàng nắm tay không nói gì. Zouheir Mohsen vừa bị giết, chiến tranh vừa bắt đầu. Đêm nay, giờ này, đối với riêng mình hắn. Chiến tranh vừa bắt đầu, nàng cầm tay tôi kéo. Cũng đủ mà du dương, những viên đạn kẻ dọc ngang xanh đỏ ngoài đường. Bắn nữa đi, hắn muốn đường về kẹt lối, hết đảng Quốc gia Xã hội Syria lại đến tổ chức Hành động Cộng sản Li Băng làm nút chặn. Giờ mới chỉ đằng hắng súng cá nhân, lát nữa, nếu mà trọng pháo đòi lên giọng, biết đâu nàng chẳng ôm lấy hắn.

Hắn chìa tay ra, vợ hắn đang thõng người ở tận đầu kia cái ghế hình U. Vừa nằm vừa ăn kiểu La Mã gì đó này thì cũng thích nhưng trong này không ai vừa ăn vừa nằm lại vừa ôm nhau. Ở bàn bên cô chị cô em ngồi chờ lúc nãy giờ đã có bạn. Một chàng đứng tuổi, chắc là bồ cô chị, đến dẫn theo cô em gái của mình cho phải phép. Hai cô nhỏ ngồi với nhau túi tít soft drink, chàng bên cạnh nàng nghiêm nghị thì thầm chắc chuyện mua nhà trả góp bao nhiêu phòng ngủ. Tiệm ăn lúc này đầy người Ả Rập, áo quần trang trọng của những tối cuối tuần. Sau mười bốn năm đổ máu, những người lưu lạc tận quận Cam cách nửa vòng trái đất, đến đây tìm lại bầu không khí của thời chưa chiến. Lúc mà cái bảng hô hào "Quốc Gia Ả Rập Nhất Thể" ở biên giới Li Băng và Syria còn làm trẻ con thắc mắc, lúc mà Zouheir Mohsen chưa ai ám sát, xe buýt chở người tị nạn Palestine còn yên lành đi ngang được Ain el Remaneh và trước nữa, lúc cờ Jordan còn phất phơ Cổ thành Jerusalem.

*
* *

Phía bên ngoài quán đen như là một đêm cúp điện. Ở đây đồng áng, đừng quwn Hạt Cam là nhà quê. Hắn lần mò ra đến xe, ngạc nhiên thầm tối nay có hai đứa mà làm xong chai rượu. Có lẽ chỉ cần thêm một cốc nữa là mình xỉn, nhưng giờ thì hắn thấy còn vui, chưa thấy mệt, chưa thấy quằn trong bụng thoi thóp, chưa thấy bừng bực nhức nhối hai thái dương.

Hắn tự khen mình chừng mực. Từ tiện ăn vẫn vẳng ra tiếng nhạc chập chờn. Abdel Halim Hafez với mái tóc Chế Linh và sống mũi gãy của nhhững tay võ sĩ quyền anh vênh váo cái nhìn nghệ sĩ trên những bìa băng cassette in rẻ tiền màu không rõ nét. Hắn lại nhớ một đêm Beirut, sau hai ly arak, hắn ra xe nghêu ngao mãi một bài hát cũ bằng tiếng Pháp. Lúc ở trong tiệm, trên sân thượng vắng người nhìn ra bờ biển hắn đã được người bồi lễ độ khen hắn có giọng hay làm phép. Được thể ta làm tiếp, đó hình như là lần duy nhất hắn được khen là biết hát. Giống Li Băng là giống người tốt bụng và rộng lượng.

– Cái bài vừa rồi nó hát gì? Hắn hỏi vợ.

– Tao mới nghe lần đầu, không phải là bài hát quen.

– Mày không biết của ai?

– Không. Vợ hắn cười. Lời có nghĩa "Nơi quê hương, ngay ngọn lửa cũng là thiên đàng"...

Hắn không hiểu.

– Tại sao lửa cái gì mà là thiên đàng.

– Thì lửa địa ngục. *Quê hương ơi, lửa địa ngục cũng là thiên đàng.*

Hắn à.

– Mày có hoài hương hoài cố gì không? hắn hỏi.

Vợ hắn vẫn cười.

– Lâu lâu một lần hoài cố chẳng sao. Người Ả Rập cũng như là con nít, cái gì mình cũng nhất, tụ tập nhau ngồi nghe Oum Koulsoum hát, một hôm mất hết, giờ mình hạng bét, cũng chẳng hiểu tại sao, ngồi vò đầu khóc than. Nhưng hoài cố lâu lâu một lần chẳng sao.

Thì vậy, cũng như uống rượu. Để vui thôi, đừng uống nhiều nhức đầu. Vợ hắn hôm nay cũng bao dung. Quá khứ, đằng sau. *The Long Goodbye*, nhiều kỷ niệm. Lời của bài hát Pháp cũ ngày trước là *"Chẳng có gì. Thời gian qua. Mày cũng biết. Không làm sao..."*. Chẳng làm sao hết, nhưng mà hắn không cất giọng. Vợ hắn bao dung cũng có chừng mực, nàng không phải là bồi ở tiệm ăn trên Bãi Bồ Câu ở Beirut để mà chịu đựng được tiếng ca của hắn. Trầm mình vào cái không khí thời chưa chiến chỉ như thế này là quá đủ. Đừng lạm dụng, thời trước kia có nhớ cũng vừa vừa, đủ để vui, đừng nhớ nhiều đâm ra buồn nôn.

Nơi quê hương hay là nơi quê người, mùi chua của ụa mửa, dù có đệm nhạc cũng chẳng thành được mùi thơm. Hắn nói với vợ bâng quơ:

– Không biết thời bây giờ có đâu ở LA còn uống được Gimlet không?

Đỗ Kh.

Nguyễn Ý Thuần

NGƯỜI LÍNH CÒN LẠI

Tôi là con út của một gia đình có ba mươi bốn đứa con. Nhưng lại là anh của hai mươi chín em vừa trai, vừa gái. Hơi rắc rối đấy nhé. Cần phải giải thích rõ ràng hơn một tí mới được. Kẻo lại có sự lầm lẫn giữa người đọc và người viết, như việc lầm lẫn vẫn thường xảy ra giữa bố tôi và đám con, khi gọi tên từng đứa.

Bố tôi là một người đàn ông đào hoa. Đào hoa đúng nghĩa đào hoa. Ngoài sáu bà vợ sống chung một nhà, ông còn khoảng (theo lời ông kể lúc vui chuyện) hơn chục bà nhân tình. Nghĩa là con số hơn chục bà nhân tình còn có thể hơn nữa. Vì, như đã nói, đó chỉ là những bà ông kể lúc vui chuyện, còn lúc *buồn chuyện* thì chưa. Điều này còn có nghĩa là ngoài số ba mươi bốn anh, chị, em tôi thuộc *sáu dòng được công nhận*, đám bọn tôi còn chừng ba mươi bốn hay nhiều hơn, hay ít hơn anh, chị, em nữa mà không thể nhận ra nhau. Và sự rắc rối có từ ông bố đào hoa ảnh hưởng đến việc gây dựng vợ chồng cho đến đời cháu tôi mới dứt. Để tránh người cùng họ lấy lẫn nhau mà lỵ. Mà thôi! Đó là việc sau này, còn hiện tại ba mươi bốn anh em tôi đều ngán ngẩm "áp dụng" qui định của bố tôi đặt ra: trước khi yêu ai, lấy ai phải *xem kỹ* đó có phải là một trong những đứa con ông cụ bỏ quên bên ngoài không. Để chắc ăn, bọn tôi thường "né" những người cùng họ. Nên đám con dâu, con rể của bố tôi đều mang họ khác. Phạm, Lê, Trần, Lý, Quách v.v... Còn tôi? Mãi đến giờ này vẫn còn độc thân bởi tất cả những cô gái tôi gặp đều toàn họ Nguyễn!

Trở lại với việc tôi là con út của đại gia đình họ Nguyễn và là anh của hai mươi chín đứa em, nghe thì rắc rối nhưng thật ra chẳng có gì lạ. Mẹ tôi là bà cả. Sau mười năm xa nhau khoảng thời gian này được ghi nhận bằng ba bà vợ kế của bố tôi ông cụ, bà cụ gặp lại ở Hànội. Và tôi ra đời. Thằng con út nhỏ hơn ông anh kế cả chục tuổi và là kết quả từ sự nhớ nhung sau mười năm của tình nghĩa vợ chồng nên được cưng là cái chắc. Sự cưng chiều của mẹ tôi dành cho tôi kéo dài cho đến lúc

bố tôi lấy bà vợ thứ sáu tại Lào thì càng tăng lên. Tăng mãi và lây sang các bà kế mẫu vốn dĩ đã nể mẹ tôi. Tôi được các bà dì cưng còn hơn mẹ tôi cưng nữa. Cứ thế, tôi trở thành con út của gia đình, dù sau tôi còn hai mươi chín đứa em nữa.

Năm 1962, gia đình tôi dọn về Nha trang. Sau hơn hai mươi năm giang hồ, hẳn bố tôi cũng cảm thấy hơi lạnh nên ông gom tất cả sáu bà vợ về ở chung một nhà. Anh em tôi bắt đầu được đoàn tụ. Ba mươi bốn đứa nhận mặt nhau trong căn biệt thự đường Hai chùa. Nhưng chỉ anh em tôi nhận được nhau thôi, còn bố tôi thì chịu. Ông chỉ có thể nhận được sáu bà vợ và rán nhớ thứ tự từng bà cũng đủ mệt, làm sao mà biết rõ từng đứa được. Cái vô tâm của ông cụ đối với con cái được tha thứ dễ dàng vì trong sinh hoạt của gia đình tôi luôn luôn là những trận cười ròn rã. Việc cãi nhau gần như không có. Hơi khó tin nhưng đó là sự thật. Tất cả, từ sáu bà vợ đến ba mươi bốn đứa con đều vui vẻ sống bên nhau dưới quyền lãnh đạo của ông bố đa tình.

Đúng ra tám phần mười việc xảy ra trong nhà đều qua tay mẹ tôi. Mà mẹ tôi, người đàn bà chưa hề biết ghen tuông, đối xử với các dì như em út, lấy gì các bà kế mẫu lộn xộn được. Lại nữa, nhà tôi cũng khá giả nên lũ con đều sống đầy đủ. Nếu không gọi là sung sướng so với các gia đình khác lúc bấy giờ. Bọn tôi ba mươi bốn đứa đều được hưởng những "quyền lợi" ngang nhau, tình thương ngang nhau nên chả đứa nào ganh ghét hay mang mặc cảm với đứa khác cả. Chúng tôi thương yêu, đùm bọc lẫn nhau còn hơn anh em... ruột thịt. So sánh như vầy thì hơi kỳ cục, nhưng biết sao? còn cách nào để diễn đạt tình thương của anh em tôi hơn năm chữ: ***hơn anh em ruột thịt***. Phải là hơn chứ không thể là như hay bằng được. Bọn tôi chia nhau đủ thứ từ niềm vui nhỏ đến tình cảm riêng tư. Bữa cơm hàng ngày là nơi gặp mặt và chia sẻ những điều đó.

Bốn mươi lăm người là tính luôn hai chị bếp và hai anh tài xế, bữa cơm hàng ngày của gia đình tôi như một đám giỗ của gia đình khác. Ồn ào với đủ thứ chuyện trên trời dưới đất được gom về trong từng giọng nói tiếng cười. Chỉ cần nhìn nụ cười mãn nguyện trên môi bố tôi là đủ hình dung hạnh phúc thế nào. Luôn luôn ông là người đứng dậy sau cùng. Hình như mỗi câu nói, mỗi cử chỉ của từng người đều mang lại cho ông một niềm vui. Tôi đã bắt gặp những bữa ăn mà bố tôi không ăn hay ăn rất ít nhưng vẫn ngồi suốt bữa. Ông vui vẻ theo dõi từng câu chuyện bá láp của lũ con. Nét bao dung ẩn hiện trong mắt bố tôi giống

hệt một ông bụt trong bộ quần áo lính. Chẳng còn gì là dấu hiệu của một người lính trong ông. Một người lính chuyên nghiệp từ năm mười chín tuổi.

Như đa số thanh niên nhà giàu của Hànội vào những năm cuối thập niên ba mươi, bố tôi bị ảnh hưởng của Pháp rất nặng. Những tư tưởng Âu tây du nhập làm người thanh niên cảm thấy bị bó buộc trong nền nếp gia đình Á đông. Ông mơ ước đến một cuộc sống tự lập, cách mạng lãng mạn như nhân vật Dũng trong Đoạn Tuyệt của Nhất Linh. Ý tưởng thoát ly gia đình đeo lấy ông và bùng ra khi ông nội tôi định cưới vợ cho ông vào năm mười chín tuổi. Sau một lần cãi nhau với ông nội, bố tôi bỏ nhà ra đi. Ông bắt đầu cuộc sống giang hồ.

Nhưng không được như Dũng trong Đoạn Tuyệt bởi nơi sinh ra và lớn lên là Hànội ăn chơi giàu có. Những ngõ nghách cách mạng không tìm đến ông. Chàng công tử con nhà giàu sau mấy tháng giang hồ ở Hànội đã không chịu nổi cảnh thất nghiệp, nghèo túng, sống nhờ bạn bè từng bữa. Chàng gia nhập lính Khố đỏ.

Sau mấy năm "ắc ê" trong đạo quân Khố đỏ, nhờ có ăn học chút đỉnh bố tôi được đưa vào trường Tông. Ra trường ông gặp mẹ tôi lúc vừa mang lon thiếu úy. Hai người yêu nhau và dắt nhau đến trình diện ông nội tôi. Tất nhiên bấy giờ ông nội đã thành bất lực trước cậu quý tử ngang ngược, nên chấp thuận mối tình không được thông báo trước. Ba ông anh và bà chị tôi ra đời trong thời gian này.

Những biến cố lịch sử của thập niên bốn mươi được đánh dấu trong gia đình tôi bằng những lần bố tôi lấy vợ lẽ. Mười năm xa nhau, mẹ tôi về quê ngoại ở Gia lâm Bắc ninh nuôi bốn đứa con chờ chồng. Ngược lại mười năm của bố tôi là mười năm đào hoa. Thời gian lưu lạc từ vùng rừng núi Việt bắc đến thành phố ánh sáng Paris bố tôi phát triển tính chất đào hoa một cách lấy lừng. Bốn bà vợ và cả tá nhân tình là thành tích. Đám em cùng cha khác mẹ của tôi được nặn liên tục, rải rác khắp chốn. Đâu cũng có nơi để bố tôi tìm về. Mặc mọi diễn biến lịch sử xảy ra chung quanh, quan hai họ Nguyễn cứ tà tà an hưởng hạnh phúc bên các bà vợ một cách hồn nhiên. Ngày 9 tháng Ba năm 1945 Nhật lật đổ Pháp tại Đông dương, quan hai họ Nguyễn phây phây ở Pháp. Ngày 17 tháng Tám năm 1945 cả trăn ngàn người biểu tình trước Nhà Hát lớn Hànội, các lãnh tụ công chức, thanh niên và sinh viên kêu gọi nhân dân đề cao cảnh giác trước việc ngăn chận Pháp trở lại Việt

nam. Cán bộ Việt minh lợi dụng cơ hội trương cờ, treo biểu ngữ cướp diễn đàn. Các lực lượng Bảo an nổi lên chống Pháp, quan hai vẫn rung đùi uống cà phê Pháp ăn banh mì bơ tại Paris. Ngày 2 tháng Chín trước năm trăm ngàn người, Hồ Chí Minh đọc bản tuyên ngôn Độc lập ăn cắp của Mỹ dở trò nhập nhằng đánh sai lạc bản tuyên ngôn Độc lập năm 1776 của Mỹ để mỵ dân, quan hai họ Nguyễn vừa tán dính bà vợ thứ tư... nghĩa là giữa bố tôi và lịch sử, đất nước, dân tộc chả có ăn nhậu gì đến nhau cả. Ông sống như một chàng Don Joan đứng ngoài thời cuộc.

Dòng lịch sử vẫn trôi với những biến cố xảy ra dồn dập từng tháng của những năm bốn mươi. Tháng Chín năm 45 quân Tàu theo Lư Hán vào Bắc Việt, rồi quân Anh và quân Ấn độ vào Sàigòn, rồi nạn đói năm Ất dậu... cả đất nước chuyển mình, quằn quại trong cơn bão lịch sử, bố tôi và một số sĩ quan khác vẫn đứng ngoài lề. Thành tích của ông được đếm trên những lần chinh phục đàn bà. Đủ loại, đủ sắc dân, đủ cỡ bấy giờ chỉ còn lại Alice, Hélène, Martha hay gì gì đó... và rượu và hưởng thụ. Cái còn lại ở Việt nam với ông hẳn chỉ là hình ảnh của mẹ tôi, cô gái Bắc ninh với đồng tiền trên má phải đang sống với bốn đứa con.

Bố tôi *rục rịch* về nước sau hiệp định sơ bộ ngày 6 tháng Ba năm 46. Nhưng chỉ rục rịch thôi, chứ ngày về của ông cũng còn xa lắm. Mãi hơn ba năm sau mới thực hiện được. Tháng Sáu năm 1949 ông mới theo chân Bảo Đại về. Bấy giờ quan hai đã thành quan ba trong quân đội Pháp. Sự thăng quan tiến chức với bố tác giả tôi thực kỳ cục. Suốt thời gian từ nhập ngũ cho tới ngày về Sàigòn ông chưa bắn một phát súng nào. Luôn luôn hưởng an bình với bộ quân phục mặc trên người. Về sau, nhắc đến đoạn đời này ông thường bảo:

– Tao, ngoài sao đào hoa chiếu mệnh luôn luôn còn có quý nhân phù trợ.

Anh cả tôi cười:

– Quý nhân của bố toàn là đàn bà. Những sáu quý nhân chính và cả chục quý nhân phụ. Làm sao không an nhàn cho được?

Bố tôi ngẫm nghĩ một lúc rồi cười theo.

– Có lẽ mày nói đúng.

Tính vô tâm và chẳng coi việc gì làm trọng đã thành nếp trong người bố tôi. Lâu ngày biến thành xuề xòa và dễ dãi. Ông dễ dàng và thân mật với các thuộc cấp một cách quá trớn. Hầu như không còn

khoảng cách hay những lễ nghi cứng ngắc bao quanh. Càng về sau, càng tỏ ra dễ dãi. Sự quan hệ giữa ông và thuộc cấp như tình cảm của một ông anh cả đối với đứa em, hay gần hơn nữa, mnột ông bố đối với con. Như năm 1963, lúc làm trưởng phòng 4 của sư đoàn 25 tại Quảng ngãi, thiếu tá họ Nguyễn vui vẻ đi ăn chơi với anh chàng chuẩn úy Nguyễn Vinh Hiển một cách thoải mái. Chuẩn úy Hiển bấy giờ cũng là một tay chơi, vậy mà gặp ông cụ tôi phải nói một câu, cứ như cậu con trai vừa lớncó ông bố chịu chơi:

– Bố nghề quá! Con phải học bố nhiều mới được...

– Học cái gì? bố tôi hỏi lại.

– Thì... thì... cai khoản "đó" mà. Chuẩn úy Hiển gãi đầu dưới cái cười của bố tôi. Thấy chưa? Đã thấy sự dễ dãi quá mực của ông cụ nhà tôi chưa? Chưa hết đâu, thành tích ăn chơi của ông cụ mãi sau này, khi sang Mỹ tôi mới nghe nhắc từ những thuộc cấp cũ của ông cụ ngày một nhiều. Nhưng rút lại tất cả thường thường kết luận:

– Dù sao đi nữa, tôi chưa gặp người nào có lòng nhân hậu và hiền lành, dễ dãi như ông cụ.

Dĩ nhiên là tôi cảm thấy xúc động. Bố tôi là người có lòng nhân còn gì hãnh diện hơn. Nhưng bởi cái nhưng rắc rối này nên sự hãnh diện của tôi vơi đi quá nửa bố tôi ngoài lòng nhân đối với thuộc cấp và mọi người ông chẳng còn gì suốt cuộc đời lính bộ quân phục đã khoác lầm lên người ông cụ chăng? Tôi bắt đầu có ý nghĩ này khi gặp một người bạn của ông cụ nói lại:

– Ngày ở cùng ông cụ tại sư đoàn 25 đóng ở Đức hòa tôi lấy làm ngạc nhiên vô cùng. Bởi trong đời ôi chưa gặp một ông đại tá nào như vậy. Chẳng bao giờ thấy to tiếng hay nóng giận. Luôn luôn là nụ cười trên môi và bỏ qua mọi lỗi lầm của thuộc cấp. Hình như ông cụ lạc lõng trong quân đội...

Tôi hơi ngỡ ngàng vì nhận xét này. Liên tưởng đến quãng đời về sau của bố tôi, lòng nhân hậu là điểm lớn nhất và cũng là duy nhất tôi nhìn thấy từ ông cụ. Trong cuộc chiến, trên cương vị một quân nhân thì nguy quá.

Hãy tưởng tượng đến một ông đại tá suốt đời chưa bắn một phát súng nào, nhất là một ông đại tá của cuộc chiến đẳng diễn ra từng giờ trên đất nước thì cũng ngán thật. Chiến tranh và mọi việc xảy ra như

chẳng dính gì đến ông cả ngoại trừ bộ quân phục mặc trên người.

Dọn về đường Hai chùa ít lâu thì bố tôi phải theo đơn vị đi khắp chốn. Ban mê thuột, Đà nẵng, Đức hòa... mỗi lần ông mang theo một bà trừ mẹ tôi trấn đóng tại gia. Sự xuất hiện của ông trong những lần về phép ngắn ngủi không gây xáo trộn nào trong gia đình cho đến khi biến cố Mậu thân xảy ra. Đây là lần đầu tiên tôi thấy ông giận dữ tại nhà.

Hình ảnh bố tôi với gương mặt đỏ bừng đập mạnh tay xuống bàn làm hơn bốn mươi người giật mình còn nằm trong trí tôi đến giờ. Cú đập tay được làm sau khi nghe tin anh thứ ba tôi tình nguyện vào trường Võ bị Đàlạt.

– Tại sao mày lại bỏ học vào lính?

– Con thấy cần như vậy.

– Cần?

– Vâng!

– Ai cần đến mày?

Anh tôi im lặng nhìn bố tôi. Tôi thấy cả hai người đều có thoáng ngạc nhiên trong mắt ném về nhau. Rồi bố tôi im lặng tránh ánh mắt anh tôi, ánh mắt ông dịu đi khi dựa lưng vào thành ghế. Ông có vẻ mệt mỏi. Anh tôi vẫn nhìn ông chăm chăm, sau cùng bằng một giọng nói nhỏ nhưng rõ ràng anh nói khi đẩy ghế đứng dậy:

– Con đã nhất định thế rồi bố ạ.

Những ngày kế, cả hai đều tránh mặt nhau. Luôn luôn vắng một người trong bữa cơm. Không bố tôi thì anh tôi. Không khí trong gia đình đang vui vẻ bỗng thành bực bội. Bọn tôi không dám cười nói ồn ào như mọi khi, mạnh đứa nào đứa ấy ăn, xong đứng dậy vội vã.

Bố tôi thay đổi thái độ thấy rõ. Nụ cười trên môi đã biến mất, ông lặng lẽ trong suốt bữa ăn. Cho đến bữa cơm của buổi tối kế ngày đi, anh tôi mới xuất hiện. Lần này hai người ngồi gần nhau. Mọi người trong bàn ăn nín thở, chờ một cú đập tay giận dữ của bố tôi. Nhưng mọi sự diễn biến tốt đẹp. Cuối bữa ăn, anh tôi buông bát đũa xuống:

– Mai con đi bố à.

– Ừ.

– Con đã sắp xếp xong hết. Chín giờ sáng mai ra trung tâm nhập

ngũ.

– Con cần gì không?

– Cần gì hả bố?

Anh tôi ngạc nhiên hỏi lại. Bố tôi không trả lời câu hỏi, chỉ buông thõng một câu:

– Ừ, mai đi. Thỉnh thoảng viết thư về kẻo mẹ mày mong.

– Vâng.

– Rán giữ gìn sức khỏe.

– Vâng.

Bố tôi gật đầu khi anh tôi đứng dậy. Bữa ăn đã xong, hai chị bếp đã ra dọn dẹp mà ông vẫn còn ngồi yên một chỗ.

Hai ngày sau khi anh tôi đi, bố tôi trở về đơn vị. Lần này ông không dắt theo bà nào cả.

Bốn tháng sau ông về nhà, thái độ đã trở lại tự nhiên. Rồi ngay hôm đầu tiên cả nhà lại nín thở khi nghe ông anh thứ hai của tôi mở lời:

– Bố à, con có chuyện muốn thưa với bố.

– Tiền hả?

– Không phải bố à, tiền mẹ vẫn cho đủ.

– Gì thế?

Anh tôi ngập ngừng một lúc rồi nói nhanh:

– Con muốn vào Thủ đức.

– Thủ đức?

– Vâng.

Bàn ăn đang ồn ào bỗng im lặng. Cả nhà hồi hộp chờ một lần giận dữ của bố tôi tái diễn. Nhưng không, ông ngồi yên, nụ cười trên môi trễ xuống. Bát cơm trên tay bị đặt xuống bàn.

– Tại sao vậy?

– Con muốn thế.

– Muốn?

– Vâng.

Bàn tay phải bố tôi đặt đôi đũa xuống bàn. Ông xoay hẳn người sang phía anh tôi:

– Con nghĩ kỹ chưa?

– Nghĩ rồi bố à.

– Tùy con, con đã lớn.

Bố tôi mỉm cười, thản nhiên cầm đũa và bát cơm lên tiếp tục ăn. Bây giờ người hốt hoảng là mẹ tôi.

Sau lần đó, đám em trai tôi con của các dì lớn tuổi hơn tôi lần lượt vào lính. Đứa thì Võ bị, đứa thì Thủ đức. Động viên cũng có mà tình nguyện cũng có. bàn ăn vắng dần, chỉ còn những đứa bé và lũ con gái bên cạnh sáu bà mẹ.

Bố tôi càng im lặng hơn trong những lần về phép sau. Ông nhìn từng đứa con tuôn vào ngõ ngách cuộc đời mà không hề nói tiếng nào. Tuổi mười chín đang sống lại trong ông chăng? Lần quyết định cách đây mấy mươi năm đã cho ông cuộc sống hạnh phúc hôm nay thì bây giờ đám con quyết định sao lại ngăn cản? Hẳn ông đã nghĩ thế.

Cuối cùng đến lượt tôi, thằng con út được cưng chiều đã tình nguyện đi lính vì lý do thất tình. Lần tôi đi, bố tôi vắng nhà. Đó là năm 1972 lúc Hạ Lào đang bùng lên cuộc chiến của lần hành quân Lam sơn.

Đến tận bây giờ tôi vẫn còn nhớ rõ nét mọi việc xảy ra trong buổi tối trước khi đi tù cải tạo, bấy giờ gia đình tôi đã dọn về Bảy Hiền. Và căn lầu bốn từng đã là nơi cả gia đình tôi gặp lại nhau sau 30 tháng Tư năm 1975. Lần gặp cuối cùng để mãi mãi không còn lần nào đông đủ nữa. Đại gia đình họ Nguyễn tan nát từ buổi tối đó.

Bố tôi ngồi im, trước mặt là ly trà đã nguội ngắt. Ông lặng lẽ nhìn mẹ tôi và các dì đang thồi gạo vào các bao nhỏ. Mỗi người đàn ông trong gia đình là một bao gạo 15ký. 16 bao kể cả bố tôi và 15 đứa con trai. Một lần chuẩn bị đi tù tập thể. Mẹ tôi và các dì cẩn thận buộc chặt miệng bao, đếm đi đếm lại. Rồi thức ăn, rồi mùng mền, rồi vật dụng cần thiết. tất cả đều được chia thành 16 phần gọn ghẽ. Cuối cùng mẹ tôi đứng dậy:

– Đủ cả mọi thứ rồi bố nó ạ!

Vừa dứt câu bà lại ngồi xuống, lần mò từng phần một để kiểm lại. Những ngón tay tái xanh của mẹ tôi nổi bật trên nền bao cát cùng màu một cách thảm não. Tôi nghe thấy tiếng thở dài của bố tôi. Anh em tôi đều im lặng. Sau cuộc chiến, những người đàn ông trong gia đình đều may mắn trở về nguyên vẹn. Một vài thương tích nhỏ trên thân thể không ảnh hưởng đến cuộc sống. Đứa nào cũng an lành. Mẹ và các dì

đã mừng rỡ trong ngày đầu thng Năm với từng lần trở về của mỗi người đàn ông. Mười bảy người đi mười bảy người về đủ cả. Từ bố tôi là lớn nhất, cấp bậc đại tá cho đến thằng em thứ tư con đi năm là nhỏ nhất đang học trong quân trường Thủ đức, nó là đứa thứ mười bảy và được ở lại. Một điều may mắn cho cả gia đình sau cuộc chiến khốc liệt. Nhưng hôm nay, lại bắt đầu một lần ra đi nữa. lần ra đi từ mệnh lệnh của những kẻ thắng cuộc.

– Chẳng biết có sao không?

Mẹ tôi ngồi thừ người sau câu hỏi trống không. Mười sáu người đàn ông chung quanh đều ái ngại và không biết trả lời thế nào. Bọn tôi đưa mắt nhìn nhau rồi lại tránh mắt nhau. Ai cũng lo cho người chung quanh mà quên mất mình cũng thế. Tình yêu thương đã lộ ra trong ánh mắt ái ngại.

– Chắc không sao đâu mẹ. Thông cáo đã ghi chỉ mươi mười lăm ngày lại về.

Anh cả tôi trả lời bằng giọng nói đều đều, nhưng vẻ tin tưởng không có trong thái độ.

– Có bao nhiêu người đàn ông đều phải đi hết. Trong nhà biết liệu thế nào?

– Thì chúng con đi lại về... mẹ lo gì, dăm bữa nửa tháng sau lại đông đủ cả.

– Sao tao thấy thế nào ấy...

Mẹ tôi ngập ngừng bỏ ngang câu nói, sự bối rối hiện rõ trong thái độ. Bố tôi bưng ly trà lên uống một ngụm rồi gượng cười:

– Bà khéo lo, ngày xưa đánh nhau ầm ầm mà chả có việc gì, chả có đứa nào sứt mẻ cả. Bây giờ chỉ *tập trung cải tạo* mươi ngày có gì đâu mà lo.

– Còn ông nữa, đã lớn tuổi rồi phải cẩn thận, lo giữ gìn sức khỏe.

– Ối dào... tôi còn khỏe chán. Kỳ này đi về tôi sẽ lấy thêm một cô nữa cho vui.

Câu pha trò của bố tôi không được ai hưởng ứng. Hơi ngượng, ông đưa cái ly thủy tinh đã cạn trà lên:

– Bà đừng lo đến tôi. Mấy chục năm đi lính tôi hiền lành, chẳng bắn một phát súng, lấy ai mà thù ghét. tôi tròn trịa, trơn tru như cái ly này. Chẳng gây việc gì mà phiền nhiễu, mọi người ai ai cũng quý mến,

có gì đâu mà lo.

Ông bật cười hồn nhiên sau câu ví von mình với ly trà. Trong bọn anh em tôi có vài tiếng cười theo. Không khí trong nhà đã bớt ngột ngạt. Nhưng phút đó tôi chợt thấy có điều gì bất ổn trong câu nói của bố tôi. Một cái ly thủy tinh trong suốt, trơn tru đó là hình ảnh để ví von với bố tôi thật đúng. Sự hiền hậu độ lượng của ông là độ cong và nét không tỳ vết của chiếc ly. Tính nhân hậu và thành thật thành thật đến độ vô tâm biểu hiện qua sự trong suốt. Nhưng cái ly sẽ bị vỡ một cách dễ dàng... tôi lắc đầu xua đuổi ý nghĩ đó một cách sợ hãi. Tôi đứng dậy bỏ ra sân sau và quên hẳn ý nghĩ đó.

Phía sau nhà tôi ăn thông với chợ Tân việt. Ngôi chợ Bắc kỳ di cư này chỉ họp buổi sáng, chiều đến là vắng hoe chỉ còn lèo tèo vài gian hàng chạp phô. Đến tối thì tiêu điều hơn nữa. Những xạp gỗ nối liền nhau đen xì, cao thấp không đều lắng trong mùi tanh hôi nồng nặc làm ngôi chợ như một bãi tha ma hoang phế. Đêm nay ngôi chợ có vẻ hoang phế hơn mọi đêm. Tôi đốt một điếu thuốc trong cảm giác rờn rợn với điều liên tưởng mới. Ngôi chợ và gia đình tôi như nhau. Lúc đông lúc tử tán. Ngày mai gia đình tôi sẽ là cảnh chợ chiều. Rồi sẽ đông lại, mọi người sẽ trở về như buổi chợ sáng... nhưng rồi lại chiều, mọi người sẽ... Cái gì đây? tôi lại nghĩ bậy bạ nữa rồi. Vất mạnh điếu thốc xuống khe rãnh ngang chợ, tôi định bước vào nhà.

Một tiếng động vang lên từ phía sau, tôi giật mình quay lại. Đó là Từ An, con em út đúng nghĩa của gia đình. Nhỏ tuổi nhất nhà và là con út của dì út.

– Bé con ra đây làm gì?

– Mấy mẹ khóc hoài làm em sợ quá.

– Khóc?

– Vâng. Cả sáu mẹ cùng khóc, bố cũng khóc nữa.

Tôi quỳ xuống trước mặt con em út mười hai tuổi. Ở cuối mắt con bé, tôi thấy một giọt nước mắt đang đọng lại.

– Bé con, nín đi. Làm gì phải khóc.

– Em sợ lắm.

– Sợ gì?

– Mấy mẹ nói ai cũng đi hết à... cả anh nữa, anh cũng đi.

– Rồi anh cũng về mà...

– Anh út, anh đừng đi nghe...

Từ An ôm choàng lấy vai tôi. Lòng chùng lại tôi vuốt tóc con bé. Tình yêu thương giữa anh em chúng tôi là thế. Tôi mím môi, nén một tiếng thở dài, bế con bé đứng dậy. Phía đuôi mắt của tôi hình như cũng có giọt nước mắt đang đọng.

Trong hai đợt trình diện, mười sáu bố con tôi chia tay cùng gia đình và chia tay lẫn nhau. Đại gia đình họ Nguyễn chỉ còn lại hai mươi lăm người gồm đàn bà và con nít. Những con người chưa bị ném vào đời một lần nào bắt đầu sống trực diện với cuộc đời đã hoàn toàn thay đổi. Và tất cả bốn mươi ba người đều không nghĩ, không hề nghĩ rằng: đó là buổi tối sum họp cuối cùng trong kiếp người họ Nguyễn.

Năm 1981 tôi về được nhà trong lần thứ tư vượt trại với khuôn mặt bị nát bét gò xương má trái. Nỗi đắng cay sau năm năm tù đày với những lần mục kích từng cái chết của bạn bè không làm tôi đủ bình tĩnh nghe kể chuyện gia đình. Tình cảm ruột thịt đã làm tôi ngất hai lần khi nghe anh cả tôi nói chuyện. Mười sáu người ra đi, chết mất năm người tại bốn nơi khác nhau. Anh thứ ba tôi và hai đứa em chết ở ba trại giam cách nhau đến hàng ngàn cây số. Hai đứa em con dì tư chết chung một ngày tại trại Cà tum. Thằng lớn bị dàn cảnh bắt trèo rào để xử bắn cho dễ dàng khép tội trốn trại. Thằng bé xót anh nhẩy ra, chụp súng cán bộ bị bắn tại chỗ. Năm cái chết của năm con người ruột thịt là mẩu tin thứ nhất anh cả tôi cho biết trong ngày đầu tiên về gia đình. tôi chỉ nhớ cảm giác ngộp thở đến với tôi khi lồng ngực trái nhói buốt và mắt tối sầm lại khi nghe xong chuyện.

Hình ảnh đầu tiên lúc tỉnh dậy tôi nhận được là khuôn mặt anh cả tôi. Trong căn phòng trên sân thượng chỉ còn hai anh em. Bấy giờ đã khoảng sáu giờ chiều, ánh nắng bên ngoài đã nhạt hẳn. Những vệt sáng hút vào phòng làm khuôn mặt anh tôi nhập nhòa nhiều vết đen. Những vết đen hằn trên mặt như nếp nhăn đau khổ hằn trên một con người.

– Anh xin lỗi chú vì đã làm chú đau lòng, nhưng không nói thì không được chú à. Ngày mai tôi sẽ vượt biên với gia đình vợ. Đêm nay phải xuống bến sớm.

Tôi ngỡ ngàng nhìn anh tôi. Im lặng một lúc lâu giữa hai anh em

rồi anh tiếp:

– Chú là người thứ hai về gia đình sau anh. Lại bị thương tích thế này mà anh ra đi thật là không phải. Nhưng biết sao? Sự tình này anh không thể ở lại được. Chỉ mong đi thoát rồi từ từ sẽ lo cho từng đứa trong gia đình. Những người đàn ông trong gia đình mình đã hoàn toàn bất lực ngày hôm nay. Ra đi là biện pháp tốt nhất...

– Em hiểu...

– Cảm ơn chú.

Chúng tôi lại im lặng thêm một lúc. Sau cùng anh tôi nắm lấy tay tôi bóp mạnh, giọng đanh lại.

– Chú bình tĩnh nghe anh kể tiếp về gia đình ta...

– Vâng.

– Ngoài chú bị thương thế này... nhưng dù sao chú cũng về đến nhà...

– !!

– Thằng Huỳnh con dì ba bị cây đè nát hai chân đang nằm ở bệnh viện sông Bé. Thằng Hoàng đào hố bom ở miệt Phước long bị nát tay phải, nhưng vẫn bị giam. Con dì hai cả hai đứa thằng Huấn và thằng Hóa đều mất tích ở biên giới Tây ninh và bố bị liệt hai chân đang chuyển từ Bắc về đây...

Anh tôi nói thật nhanh nhưng mỗi lời nói là một hình ảnh ruột thịt hiện về trong tôi và mỗi lời nói cũng là một tảng đá đè lên ngực tôi. Tôi hét lên một tiếng lớn khi bàn tay anh tôi thả tay tôi ra. Và ngất lịm.

Một tuần sau, do sự giúp đỡ của thiếu tá bác sĩ Hội, một người đàn em của bố tôi, cũng là một trong những bác sĩ có tài được Việt cộng cho làm việc, đang làm trưởng khoa răng hàm mặt tại bệnh viện Điện biên phủ (Saint Paul). Tôi dùng giấy tờ giả nhập viện. Hai tháng sau vết thương ngoài má lành lặn nhưng nguyên gò xương má trái của tôi đã bị tháo ra và thay vào đó là một miếng silicon. Người ngoài khó nhận được vết thương trong mặt, nhưng trong tôi đã thành vết sẹo trong đời. Hệt như gia đình tôi ngoài mặt đã có vài đứa con trở về nhưng bên trong là những cái tang lớn mà cả gia đình cam chịu.

Cũng trong thời gian này bố tôi được đưa về trại giam Bảo lộc. Vì tình trạng tàn phế của ông nên Việt cộng cho phép người nhà lên nuôi trong thời gian quản thúc. Từ An, con bé út lãnh nhiệm vụ này vào năm

mười tám tuổi.

Giữa năm 1983, trước khi vượt biên vài tuần tôi đã dùng giấy tờ giả lên thăm bố tôi. Vượt qua những con đường đất đỏ lầy lội tôi gặp bố và Từ An tại một căn nhà tranh nhỏ nằm bên cạnh trại dành cbho những tù nhân bị tàn phế nhưng không được trả về.

Tôi chết sững một lúc lâu khi vừa gặp mặt bố. Hình ảnh một ông đại tá mập mạp, nhân hậu ngày xưa đã biến đi đâu mất. Chỉ còn lại trên chiếc chõng tre một con người da bọc xương với hai chân sưng to hơn thân thể. Bố tôi mỉm cười khi thấy tôi. Vẫn cái cười độ lượng nhưng hôm nay sao nhăn nhúm và thảm não. Tôi ứa nước mắt quỳ xuống cạnh ông.

– Bố!

– Con lành hẳn rồi chứ?

– Vâng.

– Mẹ, các dì, các em thế nào?

– Vẫn khỏe bố ạ.

Rồi lần lượt ông hỏi thăm từng đứa. Bây giờ sự lộn xộn về thứ tự của ba mươi bốn đứa con không còn nữa, trong ông như rõ ràng hơn bao giờ. Tôi chỉ biết gật đầu với một tiếng "vâng". Bởi tất cả những câu hỏi của ông đều bắt đầu bằng điều tốt lành. Ngay cả những câu hỏi dành cho các anh em tôi đã chết. Ông vẫn hoàn toàn không biết gì về tin tức của đám con, ngoại trừ anh cả tôi đã đi và tôi bị thương qua sự liên lạc của bác sĩ Hội. Tôi gật đầu nhiều hơn nói. Mãi sau cùng tôi mới dám nói quyết định của mình và lo lắng chờ nét buồn thảm trên mặt ông. Nhưng không, chỉ thất ông mỉm cười, nụ cười kỳ lạ trên môi ông mà lần thứ nhất tôi được thấy.

– Như thế cũng phải con ạ.

– Vâng, sang đó con sẽ cố lo cho gia đình.

– Tốt.

– Bố ráng tịnh dưỡng...

– Bố già rồi, lại bịnh hoạn sống nay chết mai. Có gì đâu mà lo lắng. Cái ly thủy tinh đã bị bóp vỡ rồi con ạ!

Tôi bàng hoàng khi giọng bố tôi vẫn đều đều nhắc đến một kỷ niệm cũ.

– Bố đừng nói gở.

– Gở cái gì... con khéo lo. Cái ly đã bị vỡ nát từ lúc bố chợt hiểu những điều mình làm trong mấy mươi năm qua. Nhưng đã muộn... chỉ còn lại đời con, đời các con.

– Bố nghỉ đi, bố có vẻ mệt rồi đó.

– Ừ.

Bố tôi xoay người vào trong. Tôi đứng dậy định bước ra ngoài với em tôi, thì ông cụ chợt nói thêm:

– À! Còn điều bố dặn con thêm. Sang bên đó làm gì thì làm, học được thì tốt, chứ tuyệt đối con không được làm báo hay viết lách gì nghe không?

Tôi ngạc nhiên vì lời dặn dò cuối cùng đó, định hỏi thì ông cụ đã khoác tay:

– Thôi con ra ngoài với cái Từ An đi. Khổ thân các con...

Sang Mỹ, giữ đúng lời bố tôi dặn, tôi theo học tại Wichita State University. Anh cả tôi cũng giữ đúng lời hứa với tôi buổi tối hôm đó, đã dành dụm gởi tiền về lo cho từng đứa ra đi. Cộng lại chúng tôi đã vượt thoát được chín đứa và hai đứa cháu con bà chị Tư. Nhưng điều đáng buồn là chúng tôi ở khắp nơi. Anh cả tôi và hai thằng em ở Úc, nhưng người ở Sydney, người ở Melbourne. Hải và Hiển con dì Năm thì ở Pháp với vợ con. Thủy Tiên theo chồng về Canada. Tôi, Kim Chi và Hiếu ở Mỹ, nhưng lại ở ba tiểu bang xa nhau cả ngàn dặm. Còn hai đứa cháu gọi tôi bằng cậu thì ở Đức. Tứ tán vẫn hoàn tứ tán. Nhưng chả sao, bọn tôi sẽ từ từ lo liệu cho những người còn ở bên nhà. Rồi sẽ đoàn tụ, rồi sẽ gom lại tại một vùng đất nào đó để sống như những ngày còn ở Nha Trang.

Bằng lời của bố tôi, thời gian đầu đến Mỹ, tôi chỉ học và làm thêm một việc phụ để kiếm tiền. Chuyện văn nghệ, báo chí chả mấy khi tôi màng đến. Lời dặn của bố tôi còn đó, dù không hiểu nguyên nhân tại sao, nhưng nghĩ lại gần nửa đời tôi chưa làm điều gì cho ông cụ vui lòng thì đây là một dịp tại sao tôi lại chối từ? Lại nữa, cái trước mắt là sự thật của những người làm báo tôi nhấn mạnh là làm báo đúng nghĩa, nghĩa là có mục đích, có lý tưởng rõ rệt dù lớn hay nhỏ thường sống cuộc sống bấp bênh, tương lai nghe sao mà mù mịt và đôi khi còn là mối phiền cho mọi người, gia đình họ chẳng hạn, bằng không cũng chính là

mối phiền cho chính họ. Tôi không muốn nhắc đến những thứ báo chí mà theo lời anh Nguyễn Vinh Hiển anh chàng chuẩn úy khoái làm con nuôi bố tôi ngày xưa về khoản ăn chơi đã nói: *Đó là thứ báo chí làm hủy hoại văn hóa, tôi mơ ước đến một ngày nào đó ngủ dậy thấy bọn nầy chết hết, chết tiệt để đời sạch sẽ...* Nguyên văn là thế, chỉ cần một câu nói là đủ hình dung tình trạng... hỗn mang của báo chí hải ngoại.

Hơn thế nữa, tôi thấy tôi chả có duyên nợ gì với khoản nầy cả. Hơn hai mươi năm trong nước điều duy nhất liên hệ giữa tôi và báo chí chỉ là một bài thơ tình đăng trên báo Sài Gòn Mới năm mười bốn tuổi. Còn chuyện đặc san, bích báo tại trường thì nói làm chi?

Nhưng thôi! Hãy quay lại với tôi và xứ văn minh nhất thế giới nầy. Qua những bỡ ngỡ ban đầu, tôi đến trường lớp một cách mê say. Phải đến cái mức tối thiểu để giành cuộc sống bình thường. Rồi từ cái nề vật chất đó, chúng tôi sẽ gom lại và làm lại một "đại gia đình họ Nguyễn" trên đất Mỹ. Mọi cái râu ria, suy nghĩ vẩn vơ phải gạt qua một bên để sống, để bắt đầu. Nói cho cùng, thỉnh thoảng nổi máu văn nghệ văn gừng lên tôi có làm vài bài thơ, viết dăm cái chuyện ngắn gửi đăng lai rai ở tạp chí Làng Văn dưới một cái tên khác cho vui. Kể lại một chuyện tình đã thấy, viết lại một ý tưởng lãng mạn của mình... vô thưởng vô phạt. Chả đâu vào đâu cả, chỉ để tiêu pha thời gian dư thừa của những ngày cuối tuần một cách không tốn tiền. Tôi đã nghĩ giữa tôi và báo chí chả có ăn nhậu gì với nhau cả. Và yên tâm giữa cuộc sống với mơ ước đã nói.

Tưởng thế, nhưng mọi việc đều xáo trộn từ lúc nhận được tin bố tôi chết trong trại Bảo Lộc. Hình ảnh ông cụ nằm co quắp trên chiếc chõng, hai chân sưng to như hai cái cột nhà hiện lên trong trí tôi. Tôi không khóc mỗi khi nhận được điện tín của mẹ tôi gửi sang mắt đăm đăm nhìn vào hàng chữ báo tin mà nguyên cuộc đời của bố tôi được nhớ lại trong đầu. Rõ ràng, từng chi tiết, từng giai đoạn. Tôi đã *nhìn thấy* nguyên cuộc đời của một con người. Rất nhân hậu và thành thật. Gần như là dễ dãi nữa. Bố tôi đã chấp nhận lần thay đổi, chịu đựng để sống như một người bình thường. Vậy mà vẫn chết. Cái chết thảm thương dành cho một con người chưa hề biết thù ghét là gì. Có lẽ ngay cả phút cuối cùng ông cũng còn ý nghĩ đó... tôi chợt hiểu, có những điều xảy ra chúng ta không thể giải quyết bằng lòng nhân hậu và sự dễ dãi. Phải nhập vào cuộc sống, để sống đến tận đáy, để hiểu đến gốc ngọn và hành

động. Bởi một người lính không thể là một nhà tu khoác áo lính.

Có một cái gì đó xốn xang trong lòng khi tôi trở về trường lớp. Có một cái gì đó đã thôi thúc tôi phải thay đổi. Sự giằng co trong tôi hơn tuần lễ. Tôi lơn lửng giữa hành động sống và tâm trạng thôi thúc thay đổi. Cuối cùng tôi bỏ học và xin vào làm tại một tờ báo trong vùng.

Rồi lang thang khắp chốn với cái nghề kỳ cục làm báo Việt trên đất Mỹ. Tôi đã gặp, tôi đã thấy những điều chưa hề nghĩ đến trong thời gian đi học tại W.S.U. Người lính trong tôi vẫn còn. Chắc chắn thế. Và khi chưa thể trở lại đội ngũ thì vẫn phải chuẩn bị trong khả nang của mình. Báo chí là một cần thiết. Ít nhất, trên những tờ báo đứng đắn và có quan điểm, chúng tôi phải! *Chúng tôi* – vẫn còn nói được những điều cần nói một cách thẳng thắn với mọi người, với kẻ thù và với chính chúng tôi. Những điều mà bố tôi chưa làm trong suốt gần bốn mươi năm mặc áo lính. Những điều mà thế hệ trước chúng tôi *đã lỡ* bỏ quên.

Sau năm năm ở Mỹ, sau cái chết ở bố tôi, sau thời gian lang thang từ tiểu bang nầy sang tiểu bang khác, ý tưởng gom lại đám anh em tứ tán để làm lại một gia đình họ Nguyễn không còn nữa. Tôi đã lớn. Các anh em của tôi đã lớn. Mỗi đứa sau cái chết bi thảm của một con người đầy lòng nhân hậu như bố tôi hẳn đều phải hiểu mình sẽ làm gì và tự chọn cho mình một hướng đi. Gom lại với nhau tại vùng đất xa lạ không là điều cần thiết nữa. Phải từ mọi hướng để tìm về căn nhà số Bẩy đường Hai Chùa. Còn tôi? Cho đến bây giờ tôi vẫn chưa hiểu được lý do tại sao bố tôi lại cấm tôi không được làm báo hay viết lách. Nhưng tôi hy vọng, ở trên cao đó, bố tôi sẽ tha thứ cho tôi thêm một lần nữa. Lần cãi lời bố tôi cuối cùng để được tiếp tục làm những việc mà ông chưa kịp làm trong lúc còn sống.

Bố tôi là chiếc ly thủy tinh nhân hậu bị bóp nát bởi bàn tay phi nhân. Những mảnh thủy tinh đã văng đi, tứ tán mọi phương. Phải! Nhưng những mảnh thủy tinh đó ngoài độ trong suốt của lòng nhân còn lại vẫn còn thêm những góc cạnh sắc bén để đâm nát bàn tay kẻ thù. Những góc cạnh có được từ một lần vỡ nát. Tôi tin thế. Đã tin. Và mãi mãi tin.

Nguyễn Ý Thuần

San José 19/03/89

Đoàn Khoách

GÓP Ý VỀ CÁCH ĐỌC NÔM MỘT SỐ TỪ TRONG QUỐC ÂM THI TẬP CỦA NGUYỄN TRÃI

Nguyễn Trãi là một danh nhân Việt nam. *Quốc Âm Thi Tập* của Nguyễn Trãi là một tác phẩm Nôm vừa có giá trị văn học, sử học, lại vừa có giá trị ngôn ngữ học Việt nam nữa. Việc sưu tầm, ghi chép tác phẩm này từ Trần Khắc Kiệm đến Dương Bá Cung là một đóng góp lớn (1). Việc phát hiện, phiên âm, chú thích của các ông Trần văn Giáp, Phạm Trọng Điềm, Đào Duy Anh là một đóng góp lớn khác (2). Việc tham gia góp ý về phiên âm và giải thích của một số quý vị từ 1975 đến nay (3) cũng đều có đóng góp trong việc làm tốt một di phẩm lớn của tiền nhân. Tuy nhiên, do cách viết và đọc chữ Nôm khá phức tạp và linh động, do một số tài liệu tham khảo chưa được sử dụng hay chưa sử dụng đúng mức, mà do đó một số kiến giải còn chưa thuyết phục (4). Muốn làm tốt việc đọc và giải thích *Quốc Âm Thi Tập*, thiết tưởng cần có một tập thể chuyên gia Hán Nôm, cần có một phương pháp đọc Nôm tương đối (5), cần có một số tư liệu tham khảo dồi dào và phải làm việc tập trung, nghiêm túc trong một thời gian nhất định. Điều kiện này, được biết, một số cơ quan văn hóa ở Hànội đã tính toán xác lập (6). Ở hải ngoại, một số quý vị nghiên cứu Việt học cũng đã và đang "nghiên cứu rất nhiều về Nôm", "đọc lại *Quốc Âm Thi Tập* của Nguyễn Trãi", và "thơ Nôm Nguyễn Trãi được dịch ra tiếng Pháp" (7). Ở đây chúng tôi chỉ xin lạm góp một đôi ý về mấy trường hợp đọc Nôm các chữ 尒, 尒, 兔, 買, 某, trong *Quốc Âm Thi Tập* mà thôi.

Để thực hiện công việc nói trên, chúng tôi đã dùng phương pháp thống kê đối chiếu, dựa vào âm vận học lịch sử Việt nam và Trung quốc, dựa vào ý nghĩa của bản thân câu thơ và dắt nó trong bối cảnh chung từng bài cũng như toàn tác phẩm, dựa vào kinh nghiệm đọc Nôm của những người đi trước và căn cứ vào một số tài liệu hiện có dưới tay như:

1. *Nguyễn Trãi Quốc Âm Thi Tập,* bản Nôm in 1868 của Dương Bá Cung.

2. *An Nam Dịch Ngữ* trong bộ *Hoa Di Dịch Ngữ*, Hà nội bản, vi ảnh.

3. *Le Lexique Annamite de Ming* Journal Asiatique, 1953.

4. *An Nam Dịch Ngữ Khảo Thích I & II* National Taiwan Univ. 1953

5. *A Bibliographical and Linguistic Study on the An na yi yu* Shigaku Vol. XXIX, Vol. XLI, 1966 – 1968.

6. *Truyền Kỳ Mạn Lục Tăng Bổ Giải Âm Tập Chu*, bản Nôm in 1764 và 1774.

7. *Chỉ Nam Ngọc Âm Giải Nghĩa*, bản Nôm in 1761.

8. *Chinh Phụ Ngâm Diễn Âm Tân Khúc*, bản Nôm chép in 1815.

9. *Nhị Độ Mai*, bản Nôm in 1884.

10. *Lê Triều Nguyễn Tướng Công Gia Huấn Ca*, bản Nôm in 1907.

11. *Âm Chú Trung Nguyên Âm Vận*, Đài bắc, 1964.

12. *Lục Vân Tiên Ca Diễn*, bản Nôm in Ernest Leroux, Paris 1883.

13. *Kim Vân Kiều Tân Truyện*, bản Nôm, in 1884, Ernest Leroux, Paris, 1884.

14. Một số tự điển Hán Nôm như *Khang Hi Tự Điển, Đại Nam Quốc Âm Tự Vị, Đại Việt Quốc Âm Hán Tự Pháp Dịch Tập Thành, Việt Nam Tự Điển, Bảng Tra Chữ Nôm...*

I. CÁCH ĐỌC NÔM CHỮ 余 VÀ CHỮ 尒

Chữ Nôm (1)	Câu số, Bài số (2)	Nghĩa trong câu (3)	Ô. Trần đọc (4)	Ô. Đào đọc (5)	Đề nghị đọc (6)	Chú giải (7)
余 尒	7/3, 1/8, 2/9, 8/15, 5/26, 1/34, 4/59, 2/72, 2/72, 1/81, 4/83, 4/85, 7/97, 4/ 102, 3/112, 8/118, 1/119, 7/121, 2/138, 1/165, 1/168, 1/189, 1/191, 2/203, 4/207, 8/214, 1/219, 2/240, 3/242. Tổng cộng 29 trường hợp.	Số tử: bao nhiêu, năm ba, nhiêu,	Mấy	Mấy	MẤY	(a)

CHÚ GIẢI:

(a) Đây là một chữ Nôm khá đặc biệt. Ông Trần văn Giáp theo truyền thống đọc là *Mấy*. Ông Đào Duy Anh cũng đọc là *Mấy* và giải thích: "Các bản Nôm xưa thường viết âm *Mấy* theo phép giả tá là 某 (môi), 見(bối), 買 (mãi). Về sau người ta viết là 氽, chữ *nhân* 人 trên chữ *thủy* 水, (có khi 氽 biến thành 尒 hay 尒). Chúng tôi thấy trong chữ Hán, thì chữ 氽 âm là *thôn*, không thể dùng để nôm *mấy* được. Có chữ 尒 cũng gần giống nhưng lại âm là *nhĩ*, không phải là do chữ ấy lộn thành. Vậy chữ *mấy* này không phải là chữ giả tá, mà cũng không thể là chữ hình thanh được. Chúng tôi cho đây là chữ hội ý, có lẽ nguyên viết là 众 gồm ba chữ *"nhân"* 人 *là "người"* (...) để gợi ý nhiều người, mấy người, mượn ý ấy mà biểu tượng khái niệm *mấy*. Về sau, người ta quên đây là chữ hội ý, tiện tay biến hai chữ *nhân* nhỏ làm 水 hay 小, 小 khiến ngày nay không hiểu tại sao chữ *mấy* lại viết như thế (8).

Đó là một cách giải thích, nhưng thiết tưởng còn tùy tiện và thiếu cơ sở thực tế. Chúng tôi nghĩ khác. Chữ 氽 đọc *mấy* cũng là một chữ giả tá. Thực vậy, khoa ngữ âm học lịch sử cho thấy tiếng nói một dân tộc có biến đổi qua không gian và thời gian. Chữ Nôm trở thành một hệ thống văn tự biểu ký cho tiếng Việt sau khi xuất hiện âm Hán Việt (gọi là *Hán ngữ Việt hóa* hay *Hán tự Việt đọc* cũng được). Chữ Nôm giả tá thường mượn âm Hán Việt. Tuy nhiên một số nhà nghiên cứu Đông phương học như H. Maspéro, L. Cadière, P. Souvignet, Vương Lực v.v... đã tìm ra nhiều từ Nôm không do âm Hán Việt ra, nhưng lại do âm Hán cổ ra. Ví dụ chữ 舞, âm là *MWO* đọc là *múa* chứ không phải *vũ*, chữ 萬 âm là *MWAN* đọc là *muôn* chứ không phải *vạn* v.v... Chữ 氽 cũng tương tự như thế...

Tra sách *Trung Nguyên Âm Vận* trong đó không có các hình thức 氽 尒 尒 nhưng lại có hình thức 氽 rất gần những hình thức trên và có âm là *MÍ*, MÍ cũng là một âm Việt cổ, hiện còn lưu hành ở một số vùng quê Trung Việt. *MÍ* có nghĩa là *bao nhiêu* (Ví dụ: đánh *mí* cáy) và cũng có nghĩa là *với* (ví dụ: chơi *mí* nhau). MÍ là âm cổ của MẤY (MÍ MẤY), cũng như trường hợp: NI NAY; MI MÀY; con GHÍ con GÁI; v.v... (9)Do đó, 29 trường hợp ghi ở trên, đề nghị đọc là MẤY. Còn hình thức chữ viết của âm *MẤY*, ngoài 29 trường hợp trong *Quốc Âm Thi Tập* nói trên viết 氽 尒 , một số tác phẩm Nôm khác như *Hoa Tiên Nhuận Chính* bản in 1875 của Đỗ Hạ Xuyên, *Chinh Phụ Ngâm Diễn Âm Tân*

Khúc chép in 1815 của Chính Trực Đường, còn viết là 尒 và 氽 Cũng xin thêm trong *Chỉ Nam Ngọc Âm Giải Nghĩa* bản in1761 không có chữ nào có dạng, 尒 尒 尒 余 cũng như không có chữ nào có âm là MẤY cả.

II. CÁCH ĐỌC NÔM CHỮ 免

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
免	7/78, 5/192. Tổng cộng 2 trường hợp.	Trạng từ: <u>chỉ cốt là</u>.	Miễn	Miễn	MIỄN	(a)
免	8/2, 3/13, 1/24, 8/48, 7/69, 1/94, 8/94, 3/104, 6/106, 8/173, 4/184, 7/251. Tổng cộng 12 trường hợp.	Liên từ: <u>với</u>.	Mấy	Liễn	MẤY	(b)

CHÚ GIẢI:

(a) Từ *Miễn* do chữ 免 biểu ký ở hai trường hợp này, có nghĩa "chỉ cốt là". Cả hai ông Trần và Đào đều đọc là *Miễn*, chúng tôi cũng xin nhất trí đọc là *MIỄN*.

(b) Từ *Miễn* do chữ 免 biểu ký ở 12 trường hợp này, có nghĩa "với", thì có vấn đề. Chữ này ông Trần đọc là *Mấy* và không giải thích; còn ông Đào đọc là *Liễn* và giải thích đại để như sau:"...Từ *Liễn* đã có lúc người ta phát âm là *Miễn* (...) và từ *Lẫn* nhiều khi người ta nói thành *Liễn*, ví như nói: Cả chỉ *liễn* chài, (...), âm *l* và âm *m* trong ngôn ngữ ta là những âm *tương ứng*. (...)". (10)

Ý của ông Đào có thể ghi lại một cách khác, như sau:

lẫn ≫ liễn
} lẫ n ≫ liễ n ≫ miễ n (免)
liễn ≫ miễn

Đây cũng là một cách giải thích, nhưng thiết tưởng không đúng, vì:

– Cứ ngữ âm học mà xét thì *liễn* và *miễn* không thể đổi cho nhau được, vì âm khởi đầu [l] là một "biên âm, nữu", còn âm khởi đầu [m] là

một "tỉ âm, môi". Hai âm này trong ngôn ngữ Việt nam phải là một "cặp khả nghi" (paire suspect) (11), nên không thể thay thế cho nhau được.

– Cứ cách đọc chữ Nôm trong các tác phẩm, số lượng 8187 chữ trong *Bảng Tra Chữ Nôm* chứng minh một nguyên tắc ngữ âm học nói trên là không có chữ nào biểu ký cho một âm khởi đầu [l] đổi ra một âm khởi đầu khác [m] hay trái lại. Do đó, chúng tôi nghi trường hợp chữ 免 ở đây nên đọc là *MẤY*, giống như trường hợp chữ 乘 đọc là *MẤY* ở trên, vì đây cũng là một chữ giả tá. Thật thế, chữ 免 là hình thức của 浼 như trong *An Nam Dịch Ngữ* chữ số 441 đã ghi mà sách *Trung Nguyên Âm Vận* phiên là *MEI* (vần *PI* thành *thương*), đọc là *MỄI* rất gần với âm *MẤY* và có nghĩa là "với". Do đó, chúng tôi đề nghị chữ 免 trong 12 trường hợp này nên đọc là *MẤY*.

III. CÁCH ĐỌC NÔM CHỮ 買

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
買	7/85, 2/89, 5/92, 6/102 7/113, 8/116, 5/131, 3/156, 3/157, 1/183, 7/191, 4/193, 2/222, 2/240. Tổng cộng 14 trường hợp.	Trạng từ: thì, sẽ, xứng đáng là.	Mới	Mới	MỚI	(a)
買	5/39, 2/66, 8/213, 3/220, 8/250. Tổng cộng 5 trường hợp.	- nt -	Mấy	Mới	MỚI	(b)
買	7/144. Một trường hợp.	- nt -	Mới	Là	MỚI	(c)
買	5/20, 8/56. Tổng cộng hai trường hợp.	Liên từ: với	Mấy	Mới	MẤY	(d)
買	1/251. Một trường hợp.	Phụ từ: ở từ, ở tận.	Mãi	Mãi	MẢI	(d)

CHÚ GIẢI:

(a) Trường hợp này là một chữ giả tá Hán Việt chuyển biến vừa *thanh* (~>/) vừa *vần* (ai>ơi), như 齋 trai>trơi 乃 nãi>nỡi v.v... Và trong 14 trường hợp này chúng tôi nhất trí đọc 買 là *MỚI*.

(b) Năm trường hợp này cũng tương tự như 14 trường hợp trên, ông Trần đọc *Mấy* là nhầm, chúng tôi xin thống nhất đọc là *MỚI*.

(c) Trường hợp này ông Đào đoán chữ 買 do chữ 羅 viết nhầm, nên phải đọc là *La*. Chúng tôi nghĩ không phải vì cả hai bản A và B đều viết là 買 và không có ảnh hưởng lẫn nhau (bản B cổ hơn,

theo ông Trần). Do đó, chúng tôi đề nghị đọc chữ 買 ở đây là *MỚI*.

(d) Hai trường hợp này chữ 買 có nghĩa là "với", là một từ cổ, thường đọc là *MẤY* một chữ giả tá Hán Việt chuyển biến vừa thanh (~ > /) vừa vần (ai)ây), như 乳 nhũ)vú; 敗 bại)bậy; 乃 nãi)nấy v.v... tương tự như 14 trường hợp ở phần (a) nên 買 đề nghị đọc là *MẤY*.

(đ) Trường hợp này chúng tôi xin nhất trí với hai ông Trần và Đào, đọc 買 là *MÃI*. Tuy nhiên, ông Trần bảo chưa rõ nghĩa hai câu đầu của bài 251 này, còn ông Đào cũng chưa có lời giải thích. Chúng tôi, do lời chú từ *Phương Tây* của ông Trần và Đào cũng đã lấy lại, nghĩ rằng chữ *MÃI* ở đây có nghĩa là "ở từ, ở tận"... vì con mèo Nguyễn Trãi vịnh đây là một loại mèo quý như " mèo mặt ngọc" (ngọc diện miêu) ở *tư* nước Phật (Thiên Trúc).

IV. CÁCH ĐỌC NÔM CHỮ 某

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
某	1/7, 4/29, 4/31, 3/33, 4/34, 2/45, 1/49, 3/59, 7/73, 4/94, 8/104, 1/114, 2/115, 9/157, 2/180. Tổng cộng 15 trường hợp.	Đại từ: <u>ta, tôi</u>.	Mỗ	Mấy	MỖ	(a)
某	8/33, 2/37, 1/38, 2/52, 3/85, 1/95, 8/98, 4/100, 2/106, 6/166, 2/167, 2/287, 2/216. Tổng cộng 13 trường hợp.	Hình dụng từ: <u>mỗi một</u>.	Mỗ	Mấy	MỖ	(b)

CHÚ GIẢI:

(a) Tất cả chữ 某 trong *Quốc Âm Thi Tập*, ông Trần đều đọc là *Mỗ* và không giải thích, còn ông Đào lại đọc là *Mấy* và cho rằng "...đọc là *Mấy* mới có nghĩa, đó là do chữ *Mỗi* 女某 viết tắt đọc chệch đi (12) và "khi nào *Mấy* là liên từ nghĩa là "với" thì viết là 某 (...) (13). Rải rác ở nhiều bài trong *Quốc Âm Thi Tập*, về chữ *Mấy*, ông Đào đều có chú nhưng không thống nhất; khi thì nghĩa là *với* (bài 33), khi thì nghĩa là *vài* (bài 37), khi thì nghĩa là *một mảy may* (bài 52), khi thì nghĩa là *nào* (bài 95), khi thì nghĩa là *đối với* (bài 167), khi thì nghĩa là *cả hai* (bài 216), v.v... Đọc kỹ 15 bài có chữ 某 ở trường hợp này, xét từ

loại và ý nghĩa chữ 某 trong các câu thơ, chúng tôi thấy chữ 某 đây là một đại từ với nghĩa *ta, tôi* hay một người, một vật nào đó. Do đó, chúng tôi đề nghị 15 trường hợp này, chữ 某 nên đọc là *MỖ*.

(b) Đối với 13 trường hợp này, đọc kỹ chúng tôi thấy nghĩa chữ 某 trong câu, trong bài khác với 15 trường hợp trên xét về từ loại cũng thấy như thế. Chữ xxx đây như một hình dung từ và có nghĩa là *mỗi một*. Tra tự điển Việt Pháp của JFM Genibrel thì từ *Mỗ* 某 ngoài nghĩa là *ta, một kẻ nào đo* (14), còn có nghĩa là *một phần (15)* gần nghĩa của từ *mỗi một*. Do đó, chúng tôi đề nghị chữ 某 trong 13 trường hợp này cũng đọc là *MỖ*.

Đoàn Khoách

Thanh Đa, 3/1981

San Diego, 3/1989

CHÚ THÍCH

(1)Trần Khắc Kiệm, Ức Trai Thi Tập, Tư 1480
Dương Bá Cung, Ức Trai Thi Tập, Tư 1868
(2) Quốc Âm Thi Tập Nxb Văn Sử Địa, Hànội, 1956
Nguyễn Trãi Toàn Tập, Nxb Khoa học Xã hội, Hànội, 1976
(3) Đầu năm 1981, thời điểm chúng tôi viết bài này.
(4) Xem thêm "Tạp chí Văn Học" xuất bản ở Hànội các số 3 – 1967, 2 – 1970, 2 – 1971, 2 – 1974, 5 – 1974, 2 – 1975, 6 – 1975, ...của các tác giả Hoàng Tuân Phổ, Mai Hà, Đỗ văn Hỷ, Nguyễn Tài Cẩn, Nguyễn Công Hoan, Đoàn Ngọc Phan...
(5) Gần đây Nguyễn Tài Cẩn trong Một Số Vấn Đề Chữ Nôm (Nxb Đại học và Trung học Chuyên nghiệp Hànội, 1985) có đề nghị một cách đọc Nôm bằng phương pháp vận dụng các bộ môn ngữ âm và ngữ âm lịch sử, đáng được chú ý.
(6) Sau những hội nghị khoa học về Nguyễn Trãi năm 1980 ở Việt nam.
(7) Ở Mỹ có Nguyễn Ngọc Bích, Nguyễn Đình Hòa, Đào thị Hợi, Nguyễn Khắc Kham, Nguyễn văn Sâm, Nguyễn văn Thọ... Ở Canada có Lê Hữu Mục... Ở Pháp có Hoàng Xuân Hãn, Tạ Trọng Hiệp, Schneider...
(8) Đào Duy Anh, Chữ Nôm Nxb Khoa học Xã hội Hànội, 1975, tr 64 – 65.
(9) Đào Duy Anh, Sđd, tr 71 – 72.
(10) Nguyễn Trãi Toàn Tập Sđd, tr 705, chú (7)
(11) Nguyễn Đình Hòa, Ngữ Học Nhập Môn I ĐHVK S. 1962, tr 94.
(12) Nguyễn Trãi Toàn Tập, Sđd, tr 258.
(13) Đào Duy Anh, Chữ Nôm, Sđd tr 79.
(14) Moi, un certain, tel individu. Sđd tr 459.
(15) Une partie. Sđd tr 459.

Nguyễn Tấn Hưng

ĐÔI LỜI VỀ VĂN CHƯƠNG MIỆT VƯỜN*

Kính thưa quý vị, cùng các anh chị em.

Trước khi lên đường đi Washington D.C. vài ngày, tôi được anh Nguyễn Ngọc Bích điện thoại cho biết trong kỳ ra mắt quyển sách *Giai Thoại Hồng* của anh Hồ Trường An, do cơ sở Cành Nam của Tổ Hợp Miền Đông xuất bản, nhiệm vụ của tôi là nói đôi lời về cái gọi là *Văn Chương Miệt Vườn. Well*, biết mình không thể xuất khẩu thành thơ, xuất bút thành văn, rồi lại không có cái tài thao thao bất tuyệt của một thầy giáo dạy học trò như phần lớn những nhà văn nhà thơ thường có cho nên tôi phải chuẩn bị giấy tờ trước cho chắc ăn.

Tôi hơi lấy làm lạ về đề tài anh Bích đã nêu lên. Tại sao không nói về *Văn Chương Miệt Ruộng* mà lại nói về *Văn Chương Miệt Vườn*. Có lẽ anh Bích cũng như mọi người chúng ta đây đều bị ảnh hưởng bởi cuốn sách mang tựa đề *Văn Minh Miệt Vườn* của nhà văn Sơn Nam chăng? Nếu nói đến *Văn chương Miệt Vườn* là không có tôi rồi đó đa. Miệt Vườn, hai tiếng này dường như nói lên phong cảnh của Bến Tre, Vĩnh Long, Sa Đéc, Cần Thơ v.v... chớ không phải của Mỹ Tho, Gò Công chút nào hết. Vì nói nào ngay Mỹ Tho, Gò Công ném về Miệt Ruộng. Và nếu nói chi tiết hơn một chút thì ruộng cũng có nhiều thứ ruộng như ruộng cao, ruộng trũng, ruộng gò, ruộng bùn, ruộng cát, ruộng cỏ, ruộng lác...

Mỹ Tho ngoài ruộng ra còn có bưng. Và theo tôi hiểu bưng là vùng ruộng ngập nước quanh năm, muốn làm mùa phải đắp bờ, đắp đập tháo bớt nước ra. Hai chữ *vô bưng* tôi nghĩ có lẽ xuất phát từ Mỹ Tho vì như ai cũng biết quận Cai Lậy của Mỹ Tho là cửa ngõ đi vào Đồng Tháp Mười. Cũng nên hiểu cho *vô bưng* tôi nghĩ là có lẽ xuất phát từ Mỹ Tho vì như ai cũng biết quận Cai Lậy của Mỹ Tho là cửa ngõ đi vào Đồng Tháp Mười. Cũng nên hiểu cho *vô bưng* đây có nghĩa là theo Kháng chiến vào thời chống Pháp cũng như theo Việt cộng vào thời Cộng hòa.

Đó là Mỹ Tho, còn ở Gò Công thì sao đây? Ở Gò Công ngoài ruộng ra còn có biển. Và theo như anh An nói ở trong tác phẩm *Lúa Tiêu*

Ruộng Biền thì biền là vùng ruộng gần sông nước mặn (lờ lợ) rất hợp với lúa tiêu, sắc nâu, nếp than. Ở điểm này tôi xin phụ đề thêm, biền đúng là ruộng lác. Lác mọc cao và dầy hơn lúa trong những tháng không làm mùa. Muốn dọn đất làm mùa, thông thường người ta phải phát lác rạp xuống bằng cái phảng, rồi trở đất bằng cuốc chớ không phải bằng cày. Không có trâu nào đủ sức kéo cày qua lớp rễ lác ăn chặt xuống đất còn hơn rễ dừa. Đến mùa gt lúa xong, lúc gốc rạ vừa rũ xuống và lác chưa kịp mọc lên là lúc còng lên làm hang đặc biền. Đó là loại còng gió lớn bằng ngón tay cái này, màu đỏ. Lúc này thì dân biền mặc sức ăn còng, còng luộc còng rang, còng nướng còng kho, còng nấu canh chua. Và làm mắm, thành mắm còng. Đó là miền biền thuộc làng Đồng Sơn, Chợ Định, Chợ Giồng (Ông Huê?) mà tôi có dịp biết qua tại vì đây là quê ngoại của tôi. Tôi không tin anh An đã đặt chưn tới những vùng này. Vậy mà anh viết lên được, vẽ lên được trên mảnh đất đó những nhân vật rất đỗi tình người trong cái cảnh nửa chợ nửa quê đó mới là hay. Anh làm tôi bỗng dưng thích cái loại lúa tiêu nho nhỏ hột tròn nhiều hơn nữa.

Rồi anh nhắc tới những địa danh quen thuộc như Tân Niên Đông, Tân Niên Tây, Vàm Láng, Vĩnh Hựu, Vĩnh Lợi, đập Ông Canh. Nhưng, rất tiếc một điều là hình như anh chưa một lần nhắc đến bãi biển Gò Công, bãi biển Tân Thành. Tuy là bãi cát đen như bùn nhưng đôi khi cũng có du khách xa gần đến tắm, như tôi đây chẳng hạn. Và cây cầu Long Chánh nữa. Đây là một cái tên không thể thiếu trong tâm tư dân Gò Công. Cũng như cầu Trường Tiền đối với người Huế vậy. Một điểm sơ xuất nhỏ về phương hướng là từ Gò Công đến Chợ Gạo phải nói là *đi lên* thay vì *đi ra*.

Thực ra toàn quyển truyện chẳng có gì lớn lao đâu, chỉ là câu chuyện xoay quanh mấy mối duyên tình, mấy vụ gả cưới của bốn năm cặp trai gái đồng quê. Nhưng mà rất lôi cuốn và rất khác xa với mấy mối duyên tình, mấy vụ gả cưới rất ồn ào trong quyển *Hợp Lưu*. Ở đây, nhân vật nào mối tình nào dù gặp cảnh éo le, ngang trái buổi ban đầu, sau cùng rồi cũng có một *happy ending* trong không khí an bình, thanh thản. Điểm lớn lao của cuốn sách họa chăng là điểm giác ngộ, thí phát quy y cửa Phật, của một nhân vật chính trong truyện. Điểm này là quyển sách có chiều sâu, có triết lý sống. Có lẽ chính vì vậy mà nhà Viên Giác ấn hành quyển sách này chăng? Thôi, đến đây quí vị kể như tôi đã lạc

đề đi. Khi không mà vô tình (hay cố ý), tôi lại bắt chước hành động của anh Võ Đình, hé mở cánh cửa cho quý vị thấy sơ sơ cái thế giới của *Lúa Tiêu Ruộng Biển*, cái thế giới mà tôi đã lạc vào đó trong say sưa, thích thú. Rồi còn *Ngát Hương Mật Ong* nữa chi, ai có nhiệm vụ đẩy nhẹ cánh cửa đây? *Bà Già Trầu* rõ thiệt dài hơi, cho in một lúc những ba tác phẩm.

Trở lại vấn đề Văn chương Miệt Vườn thay vì Miệt Ruộng đi. Không biết cái tâm lý của anh chị em cầm bút khác thì sao, chớ tôi thường gặp sự bất an, bất ổn mỗi khi ai đó bắt tôi đưa ra nhận xét này hay phê bình nọ về chữ nghĩa, văn chương. Trước tiên, tôi thấy mình có nặng cân nặng ký gì đâu mà dám huênh hoang trình bày những nhận xét bảo đảm là rất... chủ quan của mình. Vả lại tôi không muốn (hay chưa muốn?) mình trở thành nhà phê bình văn học. Mặc dù có nhiều người nói phê bình tức là sáng tác, nhưng tôi không khoái lâm vào tình trạng bị sáng tác kiểu như vậy. Sáng tác một bài mà phải đọc hàng chục cuốn sách, có khi nhiều hơn nữa, với những người thiếu kiên nhẫn như tôi thì đừng sáng tác kiểu này có lẽ sướng hơn, đỡ mất thì giờ hơn. Bởi vậy nếu tôi có điều gì thiếu sót ở đây, thì xin quí vị cùng các anh chị em cứ tự nhiên bổ túc hay tu chỉnh lại vậy.

Trước hết tôi phải đặt vấn đề là sau năm 54, đất nước bị chia đôi, chúng ta có một nền Văn học riêng gọi là Văn chương miền Nam. Văn chương miền Nam là một danh từ dùng để đối chiếu với Văn chương miền Bắc, và nhập chung với Văn chương miền Bắc để thành Văn chương Việt Nam trong thời nội chiến Quốc Cộng. Khỏi cần nói ai cũng biết hai nền văn chương Nam và Bắc trong thời kỳ này khác nhau như thế nào.

Rồi sau năm 75, giai đoạn thống nhất đất nước nói theo phía Cộng sản và mất nước nói theo phía chúng ta, Văn chương Việt Nam cũng có hai thành phần rõ rệt: tạm gọi là Văn chương Hải ngoại và Văn chương Quốc nội. Mặc dù chúng ta chỉ có khoảng một triệu rưỡi so với sáu chục triệu trong xứ, nhưng tôi vẫn thấy Văn chương Hải ngoại phồn thịnh hơn. Người viết mỗi càng ngày càng nhiều và ai cũng sắc nét cả.

Bây giờ mới tới Văn chương Miệt Vườn, nãy giờ tại tôi lạc đường nên đi vòng vo tam quốc vậy thôi chớ không phải lạc đề đâu. Theo tôi nghĩ Văn chương Miệt Vườn chỉ có trong Văn chương Miền Nam chớ không có trong Văn chương Miền Bắc. Là một khuynh hướng văn

chương rõ rệt trong Văn học miền Nam, Văn chương miền Nam. Đến đây, tôi nghĩ tôi phải nên định nghĩa thế nào là Văn chương Miệt Vườn, vì tôi biết danh từ không chuyên môn này mỗi người hiểu một ý. Theo tôi, Văn chương Miệt Vườn là văn chương viết về đồng quê miền Nam Việt Nam. Nếu xét đúng theo nghĩa này thì sau Hồ Biểu Chánh, Phi Vân, Sơn Nam, Bình Nguyên Lộc... cho đến bây giờ tôi thấy chỉ có hai người viết thôi, đó là anh Hồ Trường An (không kể *Hợp Lưu, Giai Thoại Hồng*...) và anh Nguyễn Đức Lập (không kể *Kiếm Đạo*...). Kiệt Tấn, không phải. Võ Kỳ Điền, cũng không phải. Nguyễn Văn Sâm, lại càng không phải. Như vậy Văn chương Miệt Vườn phải nói chỉ là một khuynh hướng nhỏ (hay lớn?) trong cái tôi tạm gọi hơi dài dòng là Văn chương viết theo văn phong miền Nam.

Tôi xin mạn phép nói sơ qua cái nhóm người cầm bút đang viết văn theo lối này. Mặc dù không ai chủ trương nhưng ngòi viết của những người trong nhóm luôn luôn thấm đượm hơi hướm miền Nam qua phong tục tập quán, cách ăn lối nói. Đọc vô là biết ngay. Và ai cũng công nhận đây là cái nhóm đang làm ồn ào, đang gây tiếng vang trong nền Văn chương Hải ngoại. Lẽ dĩ nhiên trong nhóm này số người sinh trưởng trong gia đình có cha mẹ là người gốc miền Nam chiếm đa số. Phạm Thăng, Huỳnh Hữu Cửu, Hồ Trường An, Kiệt Tấn, Võ Kỳ Điền, Nguyễn Văn Sâm, Võ Hoàng, Nguyễn Văn Ba, Ngô Nguyên Dũng, Sỹ Liêm, Phan thị Trọng Tuyến, Nguyễn thị Ngọc Nhung, Cao Bình Minh, Trần thị Kim Lan, Nguyễn thị Ngọc Dim... và tôi. Tuy nhiên, cái lằn ranh bao quanh nhóm này rất là mong manh và phải tế nhị lắm mới nhìn thấy được. Vì nhiều người không sinh trưởng trong gia đình gốc miền Nam như Nguyễn Đức Lập, Bùi Thanh Liêm, Vũ Phương Nam, Ngọc Khôi, Trần Vũ, Hoàng Du Thụy... mà viết với giọng văn toàn miền Nam hay ít ra cũng nặng văn phong hoặc tâm tình miền Nam. Ngược lại, có người gốc Nam rặt như Xuân Vũ, Ngô Nguyên Dũng... lại đôi khi viết sang giọng văn miền Bắc. Bởi vậy nhận xét này chỉ có giá trị một phần nào thôi. Không ai cấm người cầm bút lúc viết giọng này, lúc lại đổi sang giọng khác.

Nhưng cái nhóm tôi vừa nêu trên đã làm cái gì mà gọi là ồn ào hoặc gây tiếng vang chớ? Bộ tác tác phẩm của họ viết ra toàn là những tác phẩm lớn không sao? Thiệt ra đâu có phải vậy, và cũng đâu có gì gọi là lớn lao đâu. Lớn hay không là ở số tác giả thích đọc những tác

phẩm có văn phong miền Nam của họ đó thôi. Hình như quan niệm thưởng thức của độc giả, không riêng gì người Việt mình mà tất cả trên thế giới đều vậy, đã thay đổi rất nhiều. Trong thời buổi điện tử chớp nhoáng ngày hôm nay, thì giờ còn lại sau giờ làm việc rất là hiếm và quí báu, cho nên hễ cái gì gọn gàng mộc mạc, dễ hiểu, dễ cảm thông thì hiển nhiên dễ có người đọc. Còn cái gì gút mắc, mới đụng vô mà cái đầu đã thấy mệt cầm canh, phải vận dụng trí óc, ba điều suy bốn chuyện nghĩ rồi mới hiểu nổi thì nói thiệt, phải có can đảm lắm độc giả mới chịu đọc tiếp.

Mặc dù giản dị, chân thành nhưng tác phẩm của Văn nhóm đậm nét văn phong miền Nam này không phải là không có chiều sâu. Chính ở cái chiều sâu đó mà tác phẩm của họ mang nhiều sắc thái và nhiều khuynh hướng khác nhau. Như chống Cộng ở một Võ Kỳ Điền, chẳng hạn. Như hồn nhiên cho nhục xác của một Kiệt Tấn, chẳng hạn. Như thôn quê đầy tình người của một Hồ Trường An, chẳng hạn. Như vừa thôn quê đầy tình người vừa chống Cộng cho Cộng quê đặc sệt một cục của một Nguyễn Đức Lập, chẳng hạn. Như triết lý khoảng không của một Nguyễn Văn Sâm, chẳng hạn. Và còn nhiều thứ nữa...

Nói tóm lại Văn chương Miệt Vườn, rộng hơn một chút là Văn chương viết theo văn phong miền Nam không phải là thứ văn chương chỉ để nói lên cái quê mùa, cục mịch của người dân quê, qua lối đối thoại của những nhân vật trong truyện như nhiều người lầm tưởng, mà chính là thứ văn chương với những truyện ngắn, truyện dài, và thơ thấm đượm tình người đẹp như ca dao.

Nguyễn Hưng Quốc có lần nói với tôi rằng: *Phần lớn những cây bút viết văn hay bây giờ là những cây bút gốc miền Nam, viết với văn phong miền Nam.* Chẳng biết mọi người có đồng ý với anh điều này hay không, nhưng tôi cứ xin nhắc lại lời nói này để thay lời chấm dứt buổi nói chuyện nhỏ hẹp về Văn chương Miệt Vườn của tôi ngày hôm nay.

Xin kính chào quí vị, cùng các anh chị em.

Nguyễn Tấn Hưng

* Bài nói chuyện tại trường Đại Học George Mason, thủ đô Hoa Thịnh Đốn, vào ngày 25 – 06 – 1989.

* BÀI NHẬN ĐƯỢC TRONG THÁNG

Trong tháng vừa qua, Văn Học đã nhận được các bài sau đây: *Bởi, Trần Tình* thơ NQ (Úc). *Đi, Ở Mãi, Sao Để Xảy Ra*...loạt thơ ngắn của NL, (San José). *Ống Khóc Thiệt* truyện của PQ (Úc). Bản tin thứ 21 của thư viện Lê Quý Đôn. Bản tin của Tổng hội sinh viên Ontario. Nhận Định của Hội đồng Việt nam cho một Việt nam Tự do. *Đôi Lời Về Văn Chương Miệt Vườn* của NTH. *Rót Về Tăng Nhơn Phú, Mất Bóng*... thơ NA.

Trân trọng cảm tạ quý bạn. Bài nào đăng được chúng tôi sẽ liên lạc gửi thư riêng hoặc điện thoại để quý bạn không gửi cho báo khác.

* SÁCH MỚI NHẬN ĐƯỢC

Văn Học đã nhận được những tác phẩm mới sau đây do tác giả hoặc nhà xuất bản gửi tặng. Xin trân trọng giới thiệu cùng quý độc giả.

Lôi Vũ: bi kịch xã hội của Tào Ngu, dịch giả Hoàng Xuyên, sách dày 246 trang. Giá 9 Mỹ kim.

Địa chỉ liên lạc: 1337 Baysland Ct, San José, CA 95131.

Quê Người: Tập thơ của Hoài Việt. Việt Đình xuất bản, Làng Văn tổng phát hành, sách dày 140 trang. Giá 7 Mỹ kim.

Giai Thoại Hồng: Ký sự văn học của Hồ Trường An, Tổ hợp Xuất bản miền Đông Hoa kỳ xuất bản. Sách dày 356 trang. Giá 14 Mỹ kim. Liên lạc Tủ sách Cành Nam, 2607 N. Military Rd, Arlington, VA 22207.

Ngoài Đêm: của Thế Uyên, Xuân Thu xuất bản. Sách dày 118 trang. Giá 7 Mỹ kim.

Liên lạc Xuân Thu P.O. Box 97, Los Alamitos, CA 90720.

Địa Ngục Đỏ: tác phẩm của Hoàng Việt. Tú Quỳnh xuất bản. Sách dày 290 trang.

Người Chiến Sĩ Cô Đơn: của Hoàng Việt. Sống Mới xuất bản. sách dày 192 trang. Giá 9 Mỹ kim.

Thơ Trang Châu: tập thơ của Trang Châu, Sông Thu xuất bản day 68 trang in trên giấy quý. Giá 8 Mỹ kim.

Liên lạc Trang Châu 5064 Henri Julien,

Montréal - Québec, Canada H2T 2E3.

Hồi Ký: (thời kỳ cách mạng kháng chiến) của Phạm Duy, Phạm Duy Cường Musical Production xuất bản, sách dày 350 trang. Giá 15 Mỹ kim. Nhà xuất bản Văn Nghệ tổng phát hành.

Phía Bên Kia Thiên Đường: của Phạm Trọng Phúc, Văn Hóa xuất bản. Sách dày 264 trang. Giá 12 Mỹ kim. Nhà Văn Nghệ tổng phát hành.

Thần, Người và Đất Việt: khảo cứu của Tạ Chí Đại Trường. Văn Nghệ xuất bản. Sách dày 400 trang. Giá 16 Mỹ kim.

Yoga Căn Bản: (có minh họa) của Võ Đình Mai, Văn Nghệ xuất bản. Dày 80 trang khổ lớn. Giá 8 Mỹ kim.

Tha Hương: tập cuối bộ trường thiên Mùa Biển Động của NMG, Văn Nghệ xuất bản, dày 680 trang. Giá 21 Mỹ kim.

Liên lạc nhà xuất bản Văn Nghệ: P.O. Box 2301 Westminster, CA 92683. Phone (714) 832.8445

ĐÃ PHÁT HÀNH ĐẦY ĐỦ

TOÀN BỘ TRƯỜNG THIÊN
MÙA BIỂN ĐỘNG

TÁC PHẨM CỦA NHÀ VĂN
NGUYỄN MỘNG GIÁC

- BỨC TRANH TOÀN CẢNH NHỮNG VINH NHỤC CỦA DÂN TỘC TRONG GẦN 20 NĂM
- BỘ TRƯỜNG THIÊN TIỂU THUYẾT DÀI 1860 TRANG CỦA NGUYỄN MỘNG GIÁC
- TÁC PHẨM VĂN CHƯƠNG QUAN TRỌNG CẦN CƠ TRONG MỌI TỦ SÁCH GIA ĐÌNH

■ TẬP 1: NHỮNG ĐỢT SÓNG NGẦM	180 TRANG, GIÁ 08 MK
■ TẬP 2: BÃO NỔI	250 TRANG, GIÁ 09 MK
■ TẬP 3: MÙA BIỂN ĐỘNG	350 TRANG, GIÁ 13 MK
■ TẬP 4: BẾN GIẠT	450 TRANG, GIÁ 15 MK
■ TẬP 5: THA HƯƠNG	650 TRANG, GIÁ 21 MK

Liên lạc nhà xuất bản VĂN NGHỆ
P.O. BOX 2301 WESTMINSTER CA.
92683 U.S.A.

Phone
(714) 832-8445

Nhà Xuất Bản VĂN NGHỆ

P.O. Box 2301, Westminster, CA 92683. U.S.A.
Phone: (714) 832-8445
Ngân, chi phiếu xin đề VĂN NGHỆ

□ *SÁCH IN NĂM 1989:*

– **TỐI THÁNG NĂM TẠI QUÁN ĂN ĐƯỜNG FIFTH** *Tập truyện Nguyễn Ý Thuần*	**10MK**
– **CHIẾC CẦU TRÊN SÔNG DRINA** *Ivo Andritch, Nguyễn Hiến Lê dịch*	**14MK**
– **ĐƯỜNG MỘT CHIỀU** *Tiểu thuyết Nguyễn Mộng Giác*	**7MK**
– **Ý CAO TÌNH ĐẸP** *Nguyễn Hiến Lê tuyển dịch*	**8MK**
– **TRUYỆN NGẮN II** *Võ Phiến*	**14MK**
– **YOGA CĂN BẢN** *Võ Đình Mai*	**8MK**
– **THA HƯƠNG (MBĐ5)** *Tiểu thuyết Nguyễn Mộng Giác*	**21MK**
– **THẦN, NGƯỜI VÀ ĐẤT VIỆT** *Khảo luận Tạ Chí Đại Trường*	**16MK**

□ *SÁCH TỔNG PHÁT HÀNH:*

– **CÂY GẬY LÀM MƯA** *Tập truyện đầu tay Đỗ Khiêm*	**12MK**
– **LỊCH SỬ VĂN MINH ẤN ĐỘ** *Will Durant, Nguyễn Hiến Lê dịch*	**13MK**
– **CHÂN DUNG "BÁC" HỒ** *Kiều Phong*	**10MK**
– **MƯA** *8 tác giả, Nguyễn Hiến Lê dịch*	**11MK**
– **GIAI THOẠI HỒNG** *Hồ Trường An*	**14MK**
– **HỒI KÝ PHẠM DUY** *Thời cách mạng kháng chiến*	**15MK**

Ngoài Hoa kỳ thêm 1MK cước phí cho mỗi cuốn
Muốn có thư mục đầy đủ, xin liên lạc nhà xuất bản.

Giá 3 Mỹ kim